

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Thanh Nam

#### Tiểu sử

Tên thật: Trần Đại Việt. Sinh ngày 26.8.1931 tại Nam Định. Mất ngày 2.6.1985 tại Hoa Kỳ.

#### Tác phẩm

Giấc ngủ cô đơn, Buồn ga nhỏ, Còn một đêm nay, Những phố không đèn, Giấc ngủ cô đơn,  
Mấy mùa thương đau, Thơ xuân đất khách



### Mục Lục

|  |
|--|
| Vài hàng về tác giả - 2                                    |
| Hồi ức về thi sĩ Hồ Dzếnh... - 3                           |
| Thanh Nam – Túy Hồng - 5                                   |
| Lần thăm cuối cùng – Mai Thảo – 16                         |
| Buồn ga nhỏ - 22   |
| Đất khách thương nhớ Thanh Nam – Đặng Tiến – 26            |
| Vài kỷ niệm viết lách với Thanh Nam – Bình Nguyên Lộc – 29 |
| Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay – 34           |
| Thung lũng da đỏ Indiantown Gap, 1975 – Viên Linh – 44     |
| Thanh Nam – Võ Phiến – 48                                  |

#### Phụ đính I:

|   |
|---|
| Thanh Nam, chia tay “Đất khách” Viên Linh – 49                    |
| 30 Tháng Tư: đọc lại tập thơ “Đất khách”...-Nguyễn Đình Toàn – 53 |
| “Cái chuông” hay “ái uông”? - 56                                  |
| Nhật ký văn nghệ thời tuổi trẻ, Sài Gòn 1965 – Viên Linh - 62     |
| Thanh Nam trong hoài niệm – Văn Quang - 65                        |

#### Phụ đính II:

#### Thơ Thanh Nam

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Nhà văn/nhà thơ Thanh Nam tên Trần Đại Việt, người làng Mỹ Trọng tỉnh Nam Định, con một, thân phụ là Tổng Giám thị trường Cao đẳng Kỹ thuật Hà Nội ngày trước.

Vì hoàn cảnh thân phụ có vợ bé, thân mẫu ông bỏ nhà sang Lào cùng người anh ruột, Thanh Nam thoát ly gia đình năm mới 9 tuổi, đến tá túc nhà người cô mà ân nghĩa và tình thương nên ông nhận là mẹ.

Năm 1946, mới 15 tuổi, Thanh Nam đã được tờ báo Thiếu Nhi tại Hà Nội đăng thơ và mời cộng tác, và viết một số Sách Hồng cho nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh, trong khi ông phụ cho một cửa hàng sách, có cơ hội tìm

tài học hỏi qua không biết cơ man sách báo đủ loại, nên kiến thức rất rộng.

Ông bắt đầu viết vào năm 1950, mới 19 tuổi, dùng bút hiệu Thanh Nam. Theo phu nhân anh là bà Tuý Hồng trong bài viết trên Văn Học số tháng 6, 1986, Hà Nội còn có tên Hà Thành, Nam Định có tên là Thành Nam, có lẽ ông lấy nguyên tên quê quán Thành Nam làm bút danh và sau đó bỏ bớt dấu huyền.

Thanh Nam vào Sài Gòn năm 1953, trước hiệp định Genève chia đôi Nam Bắc, và chỉ sau mấy tháng, mới 22 tuổi, được mời làm Tổng Thư ký báo Thắm Mỹ, viết truyện ngắn, truyện dài, bình thơ độc giả, phụ trách nhiều mục khác như Phụ nữ Gia Đình, Gỡ Rối Tơ Lòng ... và còn ký nhiều tên con gái như Sông Hương, Cô Hồng Ngọc, Bà Bách Lệ, Tôn nữ Đài Trang ... và ... Thọ Cạo, được chính ông kể lại trong Hồi Ký 20 năm Viết Văn Làm Báo, đang dang dở trên tờ Văn do Mai Thảo chủ trương tại Santa Ana. Năm 1960, ông cũng hợp tác với nguyệt san Hiện Đại do Nguyên Sa và Thái Thủy chủ trương, và còn là Tổng Thư ký tuần báo Nghệ Thuật ở Sài Sơn, năm 1966 cùng viết bài trên tuần báo Kịch Ảnh.

Ông còn cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Tô Kiều Ngân và nhiều văn nghệ sĩ khác phụ trách chương trình thơ nhạc Tao Đàn trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, Đài Quân Đội, ... đặt lời ca cho một số nhạc phẩm, trong số phải kể bản Suy Tôn Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thanh Nam còn cộng tác với nhiều nhật báo tại Sài Gòn qua nhiều loạt truyện dài viết theo kiểu feuilleton, rất được đông đảo độc giả.

Ông lập gia đình cùng nhà văn Tuý Hồng tháng chạp năm 1966, có bốn con, một gái ba trai. Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, tạm cư tại New Jersey miền Đông Bắc rồi năm 1976, dời sang vùng Tây Bắc, định cư tại thành phố Seattle, tiểu bang Washington, cộng tác với tờ Đất Mới, một trong vài tờ báo Việt ngữ đầu tiên xuất bản tại Hoa Kỳ từ tháng 7, 1975, do Huy Quang Vũ Đức Vinh sáng lập, và Thanh Nam làm Tổng Thư Ký rồi Chủ bút. Ông phụ trách nhiều mục văn học nghệ thuật, ký thêm nhiều bút hiệu nữa như Việt Trần, Viễn Khách, Tiểu Lưu Linh, Đồ Say ...

Sau 8 năm trên đất khách, ông mất vào ngày 2 tháng 6 năm 1985, sau ngót 4 năm chống chọi với chứng ung thư thanh quản, hưởng dương 54 tuổi.

Tác phẩm đã xuất bản của nhà văn/nhà thơ Thanh Nam

*Hồng Ngọc (1957)*

*Người Nữ Danh ca (1957)*

*Buồn Ga Nhỏ (1962)*

*Giấc Ngủ Cô Đơn (1963)*

*Còn Một Đêm Nay (1963)*

*Cho Mượn Cuộc Đời, Bầy Ngựa Hoang (1965)*

*Giòng Lệ Thơ Ngây (1965)*

*Những Phở Không Đền (1965)*

*Mấy Mùa Thương Đau (1968)*  
*Thuế Sống, Xa Như Dĩ Vãng,*  
*Gã Kéo Màn, ....*  
*Đất Khách (1983)*

## Hồi ức về thi sĩ Hồ Dzếnh - Kỷ niệm còn tươi

Một trong những tin nhận được từ Sài Gòn khiến tôi băng khuâng cả tuần lễ, là tin những quán cóc bên đường của cái thành phố thân yêu đó đã bị chánh quyền mới dẹp bỏ. Nói ra điều đó chắc ít người tin, nhưng chính là sự thật. Hình ảnh sâu đậm nhất để trong tôi sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 không phải là hình ảnh những tòa buynh đình sang trọng, không phải là những con đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ nườm nượp áo đỏ, áo xanh, mà chính là những cái quán bình dân mọc rải rác trên khắp đường phố Sài Gòn. Tôi cũng không hiểu tại sao người ta lại gọi đó là quán cóc. Có lẽ tại tính cách lưu động của nó chăng? Bởi đa số những quán cóc lề đường đều là những chiếc xe bán nước giải khát và bia phía trên che tạm một miếng tôn, một mảnh gỗ, hoặc khá hơn là một miếng vải bố mang hình thể một chiếc lều.

Người dẫn tôi đến làm quen với quán cóc đầu tiên là anh Hồ Dzếnh, nhà thơ nổi tiếng tiền chiến với hai tác phẩm *Chân trời cũ* và *Quê ngoại*. Đó là vào đầu năm 1953, tôi mới từ Hà Nội vào Sài Gòn. Anh Hồ Dzếnh lúc đó đang viết cho báo Thần Chung của ông Nam Đình, vừa dịch tin vừa viết feuilleton cho báo đó dưới bút hiệu Lưu Thị Hạnh. Chân ướt chân ráo tới Sài Gòn, tôi tìm đến Hồ Dzếnh ngay, bởi tất cả nhà văn sống ở Sài Gòn hồi đó, tôi chỉ quen có mỗi mình Hồ Dzếnh, tôi đến tìm Hồ Dzếnh vào lúc trưa. Anh Dzếnh giới thiệu tôi với ông Nam Đình lúc đó đang bận rộn với mấy hàng tít lớn trên báo chỉ khế gặt cái đầu chào lại tôi rồi lại cắm cúi xuống trang bài vở còn ướt mực trên bàn. Hồ Dzếnh kéo tôi ra khỏi tòa soạn:

- Cậu đã ăn gì chưa?

Tôi cười, thú thật là từ sáng đi lạc đường nên chưa có gì vào bụng hết. Tác giả *Chân trời cũ* gật đầu:

- Nếu vậy mình đi ăn luôn.

Và anh dẫn tôi vào một quán cóc bên lề đường lúc đó còn ở đường Nguyễn Văn Thỉnh, góc đường nhỏ ăn thông sang đường Tự Do rồi về đường Nguyễn Huệ. Con đường Nguyễn Văn Thỉnh này hồi đó đầy những quán cóc và tiệm cơm bình dân trên hè. Chai bia đầu tiên tôi uống ở Sài Gòn do Hồ Dzếnh mời ở trong một quán cóc vô danh nơi đó. Và cũng là lần đầu tiên gã Bắc Kỳ mới lạ, tôi ngơ ngác trước cụ Hồ Dzếnh, về cách kê món ăn ở trong Nam. Hồ Dzếnh đã làm tôi ngạc nhiên với những danh từ “la ve” và “mì khô”. Ở Hà Nội chỉ có *mì nước* với *mì xào* chứ không có *mì khô*. Hồ Dzếnh bảo tôi:

- Cậu định sống ở cái đất Nam Kỳ này thì phải tập ăn những món miền Nam. Mì khô, hủ tầu, giá sống và hột vịt lộn.

Thú thật lúc Hồ Dzếnh đưa tôi vào quán cóc, tôi đã thất vọng và hơi buồn vì cách xử của nhà thơ này. Tôi yêu Hồ Dzếnh, yêu thơ Hồ Dzếnh, yêu những truyện ngắn của Hồ Dzếnh trong *Chân trời cũ*, nhưng quả tình lúc đó không còn thấy yêu Hồ Dzếnh chút nào khi anh đưa tôi vào một quán cóc bên lề đường, mời mình ăn một bữa trưa với một chai lave với một tô mì khô hai vắt. Vừa từ Bắc vào, “máu Hà Nội” hãy còn đầy người, tôi chưa thể chấp nhận cái lối tiếp bạn tại một nơi... tạp nhạp như vậy. Nhưng tôi cũng cạn hết chai lave và ăn hết tô mì khô do Hồ Dzếnh mời. Đợi tôi ăn hết tô mì, Hồ Dzếnh hỏi tôi:

- Cậu thấy thế nào?

- Anh nói cái món mì này hả?

Tôi hỏi lại Hồ Dzếnh. Anh gật đầu:

- Phải. Bắc Kỳ mình làm gì có thứ này? Cậu ăn có thấy lạ miệng không?

Tôi thành thật cho Hồ Dzếnh biết là cái thứ mì này thua xa mì Hà Nội. Đói thì ăn hết vậy thôi chứ không thấy ngon gì hết.

Hồ Dzếnh vẫn cười:

- Nếu vậy thì cậu nên ở chơi Sài Gòn vài bữa rồi về Hà Nội chứ đừng nên ở đây lâu.

Nghiêm mặt lại, anh tiếp:

- Sống ở trong Nam này cần phải dễ dãi một chút. Từ ăn đến mặc, cần ngon, cần tốt.

Sang vấn đề viết văn làm báo, anh khuyên tôi nếu muốn sống được với cái nghề viết ở trong Nam thì cần phải viết những tiểu thuyết có tình tiết hấp dẫn, văn phải cho sáng sủa, giản dị chứ không cầu kỳ, bóng bẩy, xa xôi v.v... Cả một bữa trưa hôm đó, Hồ Dzếnh giảng cho tôi những bí quyết viết cho ăn khách ở miền Nam qua kinh nghiệm của anh trên báo *Thần Chung*. Tôi nhìn bậc đàn anh của mình lúc đó nói về nghệ thuật viết feuilleton cho báo hàng ngày mà không thể nào nghĩ được rằng đó là một Hồ Dzếnh thi sĩ của những bài thơ: *"Trên đường về nhớ đây, chiều chậm đưa chân ngày"* và *"Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé, nếu trót đi em hãy gắng quay về, đời hết vui khi đã vẹn câu thề, tình chỉ đẹp khi còn đang dở..."*

Tôi thất vọng, thất vọng hết sức và từ biệt Hồ Dzếnh ra về. Có lẽ mình phải trở về Bắc mất thôi. Trên đường về tôi đã tự nhủ như vậy khi nhớ lại buổi nói chuyện với Hồ Dzếnh trong quán cóc cạnh tòa soạn báo *Thần Chung*.

Nhưng rồi, tôi đã trở lại Sài Gòn, làm báo viết văn hăng hơn ai hết, trở thành một thứ ký giả miền Nam ngay cả trong lời hành văn và trong đời sống nghề nghiệp, khiến nhiều độc giả cũ định ninh tôi là người miền Nam viết văn. Trong khi đó, hiệp định Genève, Hồ Dzếnh lại trở về Bắc... lấy vợ. Nghe nói vợ anh là chủ một tiệm sách. Từ đó có nhiều dịp đọc báo chí miền Bắc nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy một bài nào ký tên Hồ Dzếnh nữa. Hơn 20 năm, bao nhiêu biến đổi, giờ này nếu Hồ Dzếnh còn sống chắc cũng đã già yếu lắm, gần 60 tuổi rồi... không rõ anh có còn nhớ câu chuyện viết feuilleton làm sao cho ăn khách trong một quán cóc vô danh đường Nguyễn Văn Thịnh Sài Gòn?

Riêng tôi thì sau hơn hai chục năm lăn lóc trong làng báo miền Nam, những quán cóc lề đường của Sài Gòn đã trở thành một kỷ niệm không bao giờ có thể quên. Từ hồi còn làm thư ký tòa soạn cho tờ *Thăm Mỹ* ở đường Phạm Ngũ Lão, bấy giờ còn gọi là đường Colonel Grimaud, cho đến những năm gần đây viết cho tờ *Tia Sáng* ở đường Phát Diệm, số thời gian la cà trong quán cóc của tôi có thể nói là ngang với thời gian ngồi trong các tòa soạn viết bài.

Sài Gòn đổi mới, Sài Gòn muốn làm đẹp nên Sài Gòn dẹp bỏ những quán cóc đó. Chuyện này đối với những người khác thì chẳng có ý nghĩa gì --nhiều người còn cho đó là điều hợp lý nữa-- nhưng với tôi đó là một trong số những tin buồn từ quê nhà đưa sang. Bởi từ hình ảnh những quán cóc đó, tôi nhớ lại những con đường quen thuộc Sài Gòn mà tôi đã qua lại nhiều lần trong một ngày, những con đường mang tên Phạm Ngũ Lão, Võ Tánh, Lê Thánh Tôn, Phát Diệm. Nhớ đến những bảng hiệu Tiếng Vang, Nghệ Thuật, Tia Sáng, Trắng Đen, Kịch Ảnh, những buổi trưa cùng một số anh em từ các tuần báo đổ về họp mặt. Mỗi buổi trưa trở thành một buổi hội khó quên. Biết bao nhiêu bộ biên tập đã được khai sinh từ những buổi trưa họp mặt đó, bên cạnh những đĩa tôm khô, củ kiệu, những đĩa xì oát, những tô mì khô, những trái soài tượng chấm mắm ruốc, những trái ổi xanh bên những chén muối ớt đỏ tươi, những con khô mực nằm kề bên chén tương pha trộn hai màu đen đỏ, những dĩa vỏ chai 33 sắp hàng theo chiều dọc chiều ngang của từng chiếc bàn gỗ ọp ọp...

Bây giờ, sống trên đất Mỹ, xa lộ thênh thang, đường phố sạch bóng, nhiều lúc thấy thương, thấy nhớ vô cùng những con hẻm tối tăm và nhất là những buổi chiều từ sở ra về, thấy thèm hết sức cái không khí quán cóc những buổi trưa nào ở Sài Gòn thuở xưa.

Tôi nghĩ đến số bạn bè cũ hiện ở Sài Gòn, những gương mặt thân thuộc suốt 20 năm nghề nghiệp không hiểu bây giờ ra sao? Cơn bão lớn của thời thế vừa qua đã thổi những số phận đó đi đâu, về đâu? Và có lúc nào tình cờ đặt chân lên một thành phố cũ, nhìn lại dấu tích của một quán cóc ngày xưa, họ có còn đủ bằng khuôn nhớ lại một đôi chút kỷ niệm còn tươi như một vết thương chưa lành?

## Thanh Nam Túy Hồng



Thành phố Ramsey khốn khổ ngâm lạnh. Bầu dưỡng khí chúng tôi đang thở toàn một màu xám chì. Lề đường, cột điện đóng tuyết buốt băng, hàng cây cao cố gắng đứng thẳng. Thời gian lo âu thở dài. Gió thổi thốc ngược từ dưới lên đập mạnh vào hông nhà. Trời màu lam tê tái, mây màu lưu huỳnh, giá băng đóng trên mặt đường màu trắng. Không một con chó nào dám xông ra khỏi nhà đi đêm, không một con mèo nào nhảy lên mái ngói gào kêu. Khi chúng tôi theo họ đạo đi lễ về thì tấm khăn len choàng cổ Thanh Nam đóng băng và hơi thở chàng nặng.

Trước khi đi nhà thờ, Thanh Nam đã nướng sẵn trong lò sưởi một viên gạch để khi trở về sẽ gói vào tấm vải len cho vào mền. Mấy thằng con kêu: “*nóng quá bố ơi!*” rồi chúng đập tung tấm chăn xuống thảm.

Năm 1975 tị nạn trên đảo Guam, Thanh Nam đã kêu đau cổ vì bị một vết xước bên trong cuống họng ngày nào cũng ho. Chàng giải thích: “*Anh ho từ cổ trở lên, chứ không phải từ phổi bật ra. Đau cổ không sao, đau ngực mới đáng sợ.*”

Khi ra trại, Thanh Nam không uống nước cam được nữa, chàng nhăn mặt khi nhìn trái chanh chua. Rượu chát ảm cổ chàng nhâm nhi mỗi ngày, bia và thuốc lá thì không làm sao bỏ được!

Đầu tháng tư 1976, chúng tôi nói "Amen" với họ đạo rồi dời về Seattle. Thời tiết Tây Bắc hiền và bao dung kẻ nhát lạnh không như thứ khí hậu miền Đông. Thanh Nam cười bảo: “*Thời tiết Seattle chỉ lạnh chừng này thôi sao? Cửa sổ chỉ một lớp kính, ở New jersey, cửa sổ phải ba lớp dày, máy sưởi chạy bằng hơi nước phát ra tiếng ồn êm ái.*”

Về đất mới, Thanh Nam bớt ho và dễ thở hơn, mỗi ngày nhâm nhi rượu chát và tí tí nhậu budweiser. Và chàng nhớ bia 33.

Nhưng sau chừng vài ba năm, Thanh Nam lại ho ra máu. Nhiều bữa tối, chàng không nuốt nổi miếng cơm kẹt nửa chừng trong cổ, phải uống nước đẩy xuống. Đi khám bệnh, bác sĩ cho uống trụ sinh thấy bớt. Khi cơn ho trở lại, cũng trụ sinh luôn. Lập đi lập lại nhiều lần, trụ sinh đâm nhờn. Bạn bè ai cũng khuyên nên đi rọi hình, thử test.

*“Anh đau lâu quá rồi, phải đi bác sĩ ở nhà thương Mỹ”*

*“ ở Mỹ, sao không đi nhà thương Mỹ ?”*

Thanh Nam cãi : *“ Moa chắc là cổ moa bị nhiễm trùng, uống trụ sinh chắc sẽ khỏi.”*

Thanh Nam không đi nhà thương mà chỉ đi vào nhà bếp nấu phở.

Trên cổ chàng dần dần hiện ra những cục tròn nhỏ, từ từ lớn dần thành khối u. Cuối cùng , chị Lai Hồng khuyên được chàng và chở chàng đi khám bệnh.

Bác sĩ Faith giải phẫu cổ chàng , cắt bỏ ống nói và ống dẫn hơi rồi khoét một cái lỗ nhỏ cho chàng thở.

Dr. Faith giảng: *“Loại cancer này sau khi giải phẫu thì thường khỏi bệnh, nhưng vì để lâu quá, bệnh đã lan ra những bộ phận khác. Nếu biết sớm, cắt bỏ đi thì tuy mất tiếng nói nhưng còn giữ được cái mạng.”*

Tôi đặt câu hỏi: *“Chồng tôi có thể sống được bao lâu?”*

*“Several months.”*

*“ nghĩa là bao nhiêu năm? Thưa bác sĩ.”*

*“ I don't know.”*

Chín năm chung sống ở Saigon, Thanh Nam không phải là người chồng tốt. chúng tôi lấy nhau có đám cưới nhưng không có hôn thú. Khi con gái đầu lòng học hết lớp mẫu giáo , chàng mới chịu đóng tiền đứt lót một ông lý trưởng ở Quảng Nam để ông ta cấp cho một tờ hôn thú lậu và làm giấy thế vì khai sinh cho con.

Giấy tờ giả làm xong, Thanh Nam nói: *“Anh rất quý bạn bè bằng hữu. Giữa bạn và vợ, nếu bắt buộc phải chọn một, thì em là người anh bỏ”.*

Bạn hiền của Thanh Nam là tất cả đàn ông chàng đặt lòng thành và tình hiếu hữu. Khi đất nước còn chia đôi hai khối hận thù, miền Nam nằm dưới miền Bắc, chính quyền miền Nam cải tổ toàn thể cục diện, thành lập bộ chiêu hồi tượng trưng bằng một vòng tay ấm đang rộng ra để ôm lấy anh cán binh Việt cộng quay về chính nghĩa . Lòng Thanh Nam cũng bao la như cánh cửa chiêu hiền, cũng rộng mở như thùng thư trước ngõ mang tên số nhà chàng ở, cũng ấm như hộp PO. Box đặt trong sở bưu điện và nhẹ như con tem dán vào góc bì thư gửi tình theo gió mang đi.

Huy Quang Vũ Đức Vinh bảo:

*“Nó với Mai Thảo ... chơi đêm ngủ ngày, một đặng thì uống bia, một đặng thì đánh bài, một năm dọn nhà bốn lần, vợ moa cấm moa chơi với hai tay này.”*

Nhà văn trẻ Nguyễn Thiều Nhẫn cũng nói: “ *Có.. có khi.. hồi còn độc thân ở Sài Gòn , anh Thanh Nam tiêu nguyên một tháng lương vừa mới lãnh ra...trong ..một đêm.*”

Tháng chạp năm 1966, tôi gặp Thanh Nam lần đầu và lấy chàng ngay trong ngày cuối tháng đó thì Thanh Nam đã là một lực sĩ đuổi sức trên hai vòng đua tình và tiền.

Khi một phụ nữ gặp gã đàn ông chưa quá vài lần mà đã ngủ với hắn ngay và lấy hắn làm chồng liền, đó là hoả hoạn của tình dục, của hoang dâm bấy lâu đè nén đã thừa cơ bật dậy. Những cuộc hôn nhân vội vã như thế này thường xuyên có thể đưa đến đổ vỡ, nhưng Thanh Nam và tôi lì lợm chung sống với nhau hoài bên bày con bốn đứa. Hôn nhân của chúng tôi đứt đôi vì có một cái chết.

Thanh Nam xoè bàn tay ra :

*“Em ngửi tay anh có thơm mùi nho khô không?”*

Những điều thuốc lá Pall Mall nhẹ thơm mùi nho khô. Những ngón tay thuần dài của Thanh Nam nám màu khói thuốc. Thanh Nam ngồi đâu thì chỗ đó tất phải có lon bia Hams và bao thuốc lá Pall Mall màu đỏ bầm.

Dr.Faith bảo: “ *Thuốc lá có thể gây ung thư cổ họng.*”

Đến với Thanh Nam trong tình yêu vỡ lòng là Hồng Ngọc, cô gái yếu mệnh chết non trước đợt di cư 1954. Hồng Ngọc là tên truyện viết đầu tay của Thanh Nam, người yêu nhỏ lìa đời trong tuổi thanh xuân 18, lúc dong chơi trên ngọn đồi cát màu vàng loăng, dưới hình mặt trời tròn như cái đĩa đồng và những khối mây lớn xù lông trắng đục.

Khi ung thư giết chàng lần mòn, Thanh Nam vẫn mộng thấy nàng:

*Cùng với giá băng em trở lại.  
Tóc xưa Hồng Ngọc thuở xuân nồng.  
Thương yêu siết nhẹ vòng tay cũ.  
Em gọi tình xa tình giấc gần.  
Thanh Nam.*

Sàigòn cũng có những tháng ngày ướt mưa và sương rơi từ những đường thẳng trên cao xuống các mái tôn và ống máng trong hẻm dài, Thanh Nam khoác áo ra đi theo hướng ánh điện đỏ vàng dẫn tới rạp hát Bích Thuận lúc trên sân khấu người đẹp Bích Sơn đang diễn xuất một màn ca kịch bi thương, để đêm đó Thanh Nam về nhà rung đùi uống bia, đốt thuốc lá viết câu đối đăng lên báo Thắm Mỹ:

*“Kiều nữ Bích Sơn, nàng đứng nhìn gì trên núi biếc?”*

Rồi mũi tên Cupid lại chỉ đường Thanh Nam đến một sân khấu vĩ đại hơn , một vòng quay ánh sáng chói mắt hơn, một đám đông xô bồ chen chúc người mộ điệu: Đoàn ca kịch Thanh Minh Thanh Nga. Chàng đã bưng cây si từ Kiều nữ Bích Sơn sang Kỳ Nữ Thanh Nga, huy chương vàng quý báu nhất của miền Nam trái ngọt cây lành. Cải lương ngọt như sầu riêng, mít tố nữ, ổi xá lị, măng cầu dai.

*Trưa Lái Thiêu xưa vườn tiếp vườn.*

*Trấu canh trái ngọt thở hương thơm.  
Thanh Nam.*

Hồi đó, nếu Sài Gòn là hòn ngọc Viễn đông thì Thanh Nga là một của những hòn ngọc Sài Gòn. Đêm đêm, nàng hát nhạc vàng, ca vọng cổ, đóng tuồng tích trên bục gỗ... nàng có một cuộc đời thật dễ sống và nhiều cuộc đời ảo cũng dễ sống...nàng có tiền, vàng, và nhà.. Nhưng quả thật Thanh Nga là người nữ tù bị nhốt trên sân khấu, là Hằng nga ngủ ngày, xa cuộc đời, xa xã hội, nàng viễn mơ và viễn thị không mấy hiểu cuộc đời. Những lúc không lên sân khấu, nàng đã đọc truyện tình do Thanh Nam viết và đọc những bài phóng sự kịch trường Thanh Nam đề cao nàng. Tình yêu quả có thật giữa họ. Thanh Nam, với công việc của một ký giả kịch trường, bao phen đã khó khăn xông vào bedroom của nàng để phóng vấn viết bài cho báo. Thanh Nga ngay ngắn ngồi tiếp chàng trong chiếc kimono đẹp như tranh vẽ. Họ nhìn nhau qua khói ẩm tách trà nhỏ.

*Nay đã nghìn thu vào tĩnh mịch,  
Những anh hùng cũ mỹ nhân xưa.  
Thanh Nam*

Khi còn ở quê nhà trước năm 1975, Thanh Nam đã phát hiện sở thích đi chợ mua đồ ăn. Mấy bà hàng xóm trong hẻm cụt Lý Thái Tổ thỉnh thoảng ré lên cười:

*“Coi kìa! ông nhà báo đi chợ để vợ ở nhà.”*

*“Đôi giày lủng lườm của ông dính dờ bùn chợ hết rồi! Coi coi...ông ta cố dẫu bó rau muống trong túi nylon nhưng cái bó muống nó dài quá, nó cứ thò ra không thụt vào.”*

Ngày tháng êm trôi trước khi bệnh, Thanh Nam đi chợ không do dự, mỗi tuần lễ ba lần sau giờ làm việc cho báo Đất Mới. Hồi còn ở miền đông, ông bạn Trần Đình Hồng Lâm đã kêu: “Tính toa sao lạ vậy, chứ mua thì không thể nào muốn đi chợ chút nào hết!”

Tôi lắc xác xen vào: “*Safeway, Fred Meyer, Alberson...là những nơi chỗ vui chân mà Thanh Nam mến thích, còn tôi thì mỗi tuần lễ đi chợ một lần là quá cỡ!*”

Ba thằng con trai cũng thường theo bố mẹ đi chợ hồi mới đến Seattle. Một sáng chủ nhật, Thanh Nam hối hả giục cả nhà đi Safeway mua xương bò nấu phở Bắc. Nấu phở một phờ người ra, nấu xúp bui-da-bét..lòng tôi cũngбет nát ra luôn với món xúp này...ai trong cái nhà này phải đứng nhất giá, rửa rau, cắt củ cải, xắt hành, thái thịt bò, nướng gừng, luộc bánh phở và may một cái túi nhỏ xíu đựng gia vị phở Bắc quê hương...Khi công việc của người bếp phụ xong, đầu bếp chính Thanh Nam bước vào bên bếp điện, mở tủ lạnh lấy xương bò ra tắm rửa kỳ cọ, cắt bỏ mấy cục mỡ thừa vớt đi, rồi nêm vào thùng nước dùng ba muỗng nước mắm, một muỗng bột ngọt, một cục đường phèn Quảng Nam, nửa cục đường phỉ Quảng Ngãi!

Chàng phân tích: “*Người Huế không nấu ăn ngon được vì họ ăn cay quá, nấu phở cần phải tận tình dùng vớt bọt, nhưng đừng vớt mỡ trắng tay quá!. Khi thường thức tô phở, em nên biết rằng phở cần chút nước béo, vài ba giọt sao óng ánh.”*

Cầm đôi dưa cà trở lát thịt xào lăn trên chảo mỡ, Thanh Nam bảo: “*Ở Việt Nam, anh đã ăn cải làn, bí đao, bầu... Sang đây, anh không thể nào ăn zucchini và brocoli được. Ăn phải đúng cách, nấu phải đúng kiểu, món nào ra món đó.”*



Một chiều thứ bảy trong Safeway thịt bò bán đại hạ giá., buy one get one free. Thừa lúc Thanh Nam mãi chọn mấy miếng thịt thăn, thịt mỡ, ba rọi...thằng con lớn đẩy xe đi chất hai két nước ngọt.

Thanh Nam nạt: *“Không được mua nhiều nước ngọt như vậy.”*

Thằng bé vặn hỏi: *“Tại sao không được hả bố? Coi! Bố mua bao nhiêu két bia kìa!”*

*“Bố lớn, mày nhỏ.”*

*“Mình equal mà bố”*

Tôi chen vào: *“Mình bình đẳng mà bố.”*

Khi đồng hồ trong chợ chỉ đúng vào số 5 , thời gian ấm nhất của ngày, thằng con lớn đòi về nhà gấp, Thanh Nam bảo tôi gọt vỏ khoai tây, cắt thành khối vuông nhỏ để chàng làm mashed potatoes. Cao thủ đầu bếp trong ngôi nhà Lỗ Tấn này sở trường nhiều món chứ không phải một vài! Khoai tây nghiền bấy xong, Thanh Nam trộn thịt jambon vào rồi dùng thìa lớn múc ra bốn đĩa cho bốn đứa con đang há miệng như bốn cái mỏ hoét.

*“Non quá bố ơi!”*

Thanh Nam cười giỡn thằng Cu Tý: *“Bố ngon mà con...À bố tên gì?”*

*“Xanh Nam !”*

Thanh Nam quay lại bếp điện xúc thêm một đĩa khoai bấy đưa cho tôi :

*“Em ăn đi.”*

Thứ bảy tuần sau, trẻ con không chịu đi shopping với bố mẹ. Khi ở chợ về, tôi chạy vội vô nhà, vì mấy ngày trước, họ đạo ở miền Đông điện thoại cho biết đã gửi hai thùng áo quần và đồ chơi cho trẻ con.

Thanh Nam khệ nệ xách hai túi đồ ăn từ xe vào bếp cắt giọng cà khịa:

*“Ra xe đem đồ ăn vào chứ em, em để một mình anh phải xách hai cái túi này nặng ..nặng nặng... đựng hai ga lông sữa bò ở trong.”*

Ba thằng con vội chạy ra bê đồ ăn vào một phút xong ngay.

Ba năm trôi mau, vàng trắng chưa qua hết mấy chu kỳ sáng tối thì Thanh Nam vào bệnh viện, mổ, khám và tái khám.

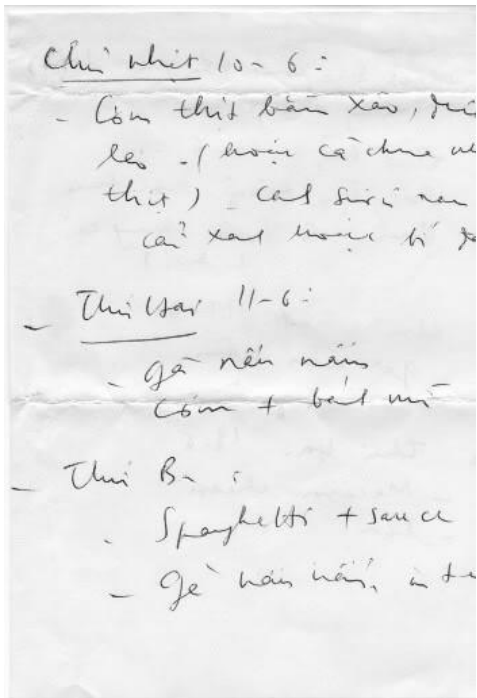
Sau cuộc giải phẫu rùng rợn, Thanh Nam vẫn gượng gạo khoẻ mạnh, bộ mặt thụng xuống dưới áp lực của ống nhựa, ống hút đặt trong mũi trong miệng.

Từ ngày mất tiếng nói, chàng viết : *“Ngày xưa ăn chơi, sang Mỹ bỏ chơi chỉ còn ăn... Một thằng khoái ăn ngon như anh mà trời không cho đốp.”*

Rồi lại viết: “Cái khổ của kiếp người là chỉ có một đời để sống mà lại có quá nhiều đời khác để mơ.”

Mỗi tuần lễ, Thanh Nam đều soạn sẵn một thực đơn:

- Chủ nhật ngày 10 tháng 6: Cơm thịt băm xào dưa leo hoặc cà chua nhồi thịt.  
Canh sườn heo rau cải xanh, hoặc bí đao.
- Thứ hai ngày 11 tháng 6:  
Gà nấu nấm ăn với cơm hoặc bánh mì.
- Thứ ba :  
Spaghetti ăn với sauce cà chua.  
Gà nấu nấm ( left over }
- Thứ năm ngày mười bốn tháng sáu  
Phở.  
Ngâm gạo nếp nấu xôi.



Buồn? trộm em đi đâu  
chuyến qua cũng vậy  
chuyến đi đâu cũng vậy  
bè bõ như vậy?

Thanh Nam đọc sách, ôm kinh Phật tụng âm thầm, cố gắng tập thể dục thực hành những lời thiền chỉ dạy. Hàng phục vọng tâm, an trụ chân tâm. Có những đêm thức giấc, đứng sau cửa kính mờ, Thanh Nam nhìn ra ngoài trời không trăng sao, có những ngày an phận nín thở, Thanh Nam đi tới đi lui, ngồi nằm... Có khi con cái tan trường về, Thanh Nam vui cười nấu ăn, coi tivi, lòng thư thái an lành như lá bạch dương êm ái chạm vào nhau khi có gió. Còn tôi ngồi bên cạnh, tôi nghe bộ tiêu hoá của chàng réo sôi ùng ục, đồ ăn cử động trong bao tử, chuyển từ ruột non tới ruột già xuống hậu môn. Bằng hữu đến thăm, gửi thư gửi thiệp chúc mừng. Thơ và văn, thiền và thuốc, và những cơn đau khủng khiếp vỡ đầu bể ngực từ cái ống nhựa đặt trong cổ thay thế cho thanh quản, khí quản gì đó phải cắt bỏ vứt đi, và từ những phản động hoá học của thuốc mê, thuốc tỉnh, thuốc viên, thuốc nước, thuốc bột, trụ sinh, an thần, morphine.

Thi sĩ Huyền Không, tức là Hoà thượng Thích Mãn Giác, viết thư thăm, gửi theo hai câu thơ:

*Ta từ vô sinh tử về chơi,  
Ngồi trên chóp đỉnh, mỉm cười với trăng.  
Huyền Không.*

Thầy Mãn Giác khuyên tôi đừng quá sợ hãi bệnh hoạn của thân xác, nên an nhiên tự tại \_chữ của nhà Phật\_ có nghĩa là mặc kệ, để đó, dẹp đi... chấp nhận cái bất hạnh, như cậu bé mỉm cười với trăng. Tôi hãy chuẩn bị lo cho Thanh Nam một ba lô nhẹ, một va li nhỏ để chàng dễ dàng xách theo trong chuyến đi chót. Đôi mắt sắt đá của tôi có bao giờ biết khóc?. Thầy Mãn Giác vẫn dạy tôi những bài Thiền học để tâm tính dằm lại. Người Mỹ đã bắt đầu học Thiền để mưu lợi cho sức khỏe và cầu an cho tâm thần. Sao tôi mãi mãi mang nặng những khổ đau vô thần? Chàng em trai của tôi vẫn vắng tôi như vậy.

Thanh Nam đem xấp giấy ra viết xuống: "*Thích Mãn Giác ngày xưa có theo Cộng sản không?*"

Trông Thanh Nam lúc đó giống như một chiến sĩ H.O. Tôi trả lời:

*"Không. Báo Mỹ bảo Thầy là một chiến sĩ chống Cộng. Thầy là một Thiền sư về mặt tương tự như một Samurai trong các môn võ thuật Nhật bản."*

Tôi kéo ra từ trong trí nhớ mấy câu thơ của thi sĩ Huyền Không :

*Chùa xưa mái ngói cũ,  
Trèo lên kéo cây sào.  
Đêm khuya rồi không ngủ,  
Khều rụng bao nhiêu sao.*

Thầy Mãn Giác một lần hỏi tôi : *“Chị Túy Hồng còn nhớ tên người đàn bà Việt Nam đầu tiên vào chùa tu là gì không?”*

Sư Huyền Không hứa sẽ gửi thêm một số tài liệu Phật pháp trong đó có chương bản về Mạn Đà La.

Thầy Mãn Giác ngày xưa tu học ở chùa Bảo Quốc Huế, du học tại Nhật Bản.

Chùa Bảo Quốc xưa, một hàng thông xanh, một một luống cải xanh. “Gió thông đưa kệ tan niềm tục, hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.” Bướm bướm toả ra một đoàn rộng cánh bay, ve ve thì tụ lại trong các lùm cây. Gần chùa có một tiệm cho thuê xe đạp, hai ba cái lớp xe bằng cao su và những xích sắt treo vào vách. Ngày đó một mình , tôi đạp xe qua cầu Ván, rượt tới Morin, ghé Sát-Făn-rông mua bánh choux à la crème, rồi phóng tới ngã giữa. Tiệm cho thuê sách Ngô văn Mịch mở cửa bảy ngày trong tuần. Tôi ký tên vào cuốn sổ cũ mượn mấy cuốn tiểu thuyết của văn sĩ Thanh Nam về nhà đọc.

Thanh Nam đã viết quá nhiều tiểu thuyết loè loẹt màu sắc xã hội đáng cay, viết một cách dễ dàng và kiếm sống bằng ngòi bút của mình... Chàng viết cho bà nội trợ đọc, cô bán hàng đọc, nữ sinh, nữ công chức đọc.. và đã bắt đầu viết khi tuổi đời còn sớm bánh mắt, khi trí khôn và sức học chưa đủ cho một người cầm bút. Thanh Nam dùng thì giờ để đi chơi nhiều hơn thì giờ ngồi viết bài. Đây là một lỗi lầm không phải nhỏ. Người tu sĩ bỏ đời theo đạo, người nghệ sĩ, kẻ đã nghe tiếng gọi của nghiệp dĩ từ cao xanh, phải cố gắng thí phát thì giờ của mình vào nghệ thuật. Người nghệ sĩ Việt Nam luôn luôn nên cố gắng trau dồi khả năng , tức là phải học hỏi thêm. Trước cái đẹp, nhà văn cảm xúc mười phần, hấn viết xuống trên giấy , người đọc chỉ nhận được một phần. Kịch sĩ, ca sĩ, văn thi sĩ, trong mấy kẻ sĩ đó, kịch sĩ đóng hài kịch tức là những cây cười cần phải học thêm nhiều hơn ai hết. Hề cần phải học. Hề là kẻ phải hiểu biết nhiều, sâu rộng và lạnh trí mới ứng khẩu nói ra những lời chọc cười.

Với truyện dài, Thanh Nam thất bại. Với truyện ngắn , tức là các sáng tác nhỏ đã đăng trên các báo Hiện Đại, Sáng Tạo, Thế kỷ 20, Thanh Nam không thất bại. Tập truyện “Buồn ga Nhỏ” xuất bản năm 1962, tái bản lần thứ nhất năm 1965 và tái bản lần thứ hai tại hải ngoại năm 1983 cho thấy rằng Thanh Nam là cây bút viết truyện ngắn có ích cho tiếng Việt.

Sau năm 1975, Thanh Nam làm được tập thơ “Đất Khách”.

Thi sĩ Nguyên Sa gọi điện thoại khen: *“Moa không ngờ Thanh Nam làm thơ hay đến như vậy. Nếu moa bị đày đi Côn đảo hoặc bị đưa sang Reunion, moa chỉ mang theo bên mình mỗi một tập thơ “Đất Khách” mà thôi.”*

Bác sĩ Nguyễn Đăng Diệm ở Seattle cũng đã nói giữa toà soạn báo Đất Mới:

*“ Phải chăng bệnh ung thư dạ khiến Thanh Nam làm được một cái gì....”*

Nhà văn trẻ Chu Vương Miện, một cây bút chủ lực của nguyệt san Văn trước 1975, cũng viết thư thăm :

*“Anh buồn quá! Thơ anh thật tuyệt vời, anh Thanh Nam ạ..”*

Trước năm 1975 ở Việt Nam, chợt xuất hiện các nhà văn nữ viết tự truyện. Theo giáo sư Sharon O'brien giảng dạy tại đại học Dickinson college, lối viết tự truyện chỉ thành công một phần nhỏ trong văn chương mà thôi. Đưa cái tôi vào tác phẩm, vạch sống áo để lộ tấm lưng ra, giải bày đời tư trên giấy trắng ... người viết tự truyện thường bị phê bình là thiếu đề tài, nghèo tư tưởng. Ngoài ra, văn tự truyện còn bị nói là thời thượng.

Trái lại với văn tự truyện, thơ tự tình được đề cao lên. Bà Huyện Thanh Quan với mấy bài tả cảnh u hoài tình non nước, Cao Bá Nhạ với khúc tự tình oan khiên đau khổ đã được đưa vào sách giáo khoa dạy học, và hậu thế còn lấy tên họ đặt tên đường.

Nói chung , thơ gồm hai phần: lời và ý. Mỗi chữ mỗi câu là một sự cố tình sắp đặt gồm có âm thanh , vần điệu và màu sắc. Mỗi ý tưởng là phần thân và tâm của thi sĩ. Thơ tự tình của Thanh Nam, chữ và nghĩa không chênh lệch mấy, chữ nhiều và nghĩa cũng khá nhiều, là tâm thần bất ổn của người lìa nước ra đi lòng nao nao nỗi sầu viễn xứ và nỗi buồn quốc hận Ba Mươi Tháng Tư

*Canh bạc trần gian dù thắng bại  
Nào về đất lạnh giống nhau thôi.*

.....  
*Ghé thân lữ thứ trăm miền  
Nỗi buồn nào cũng mang tên Sài Gòn.*

.....  
*Giống như người lính vừa thua trận.  
Nằm giữa sa trường nát gió sương.*

.....  
*Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá tự do.*

Thanh Nam không khéo tay làm thơ tình. Ta có thể tạm kết luận rằng Thanh Nam làm thơ vì tình bạn và lòng hiếu hữu. Rõ ràng tình bạn đã đuổi tình yêu đàn bà ra khỏi lòng chàng:

*Uống say mai sớm bạn lên đường  
Thân lai nương nhờ chốn viễn phương  
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi  
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương  
Ta như giếng bão tan rồi hợp  
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương.*

Tình quê hương trong thơ Thanh Nam thật dịu dàng qua từng ngón tay lằng lơ của Chàng:  
*Hai mươi ba tuổi gặp Sài Gòn  
Như gặp người yêu chưa phần son.  
Bờ ghềnh làm quen thành phố lạ  
Mặn nồng nhiệt đới nắng trao hôn.  
Thanh Nam.*

Thỉnh thoảng Thanh Nam cũng làm một vài câu thơ vui.

Buổi Sáng

Ngó ra buổi sáng quê người  
Tiếng xe lăn bánh, nhịp đời bon chen.  
Giã từ ngôn ngữ đã lâu  
Hôm nay thêm nói một câu chửi thề.  
Hoặc  
Bụi đời đầy đã lòi cơn sốt  
Mang chuyện tương lai tháu cáy hoài.

Lâu lâu ,chàng lại viết câu đối :

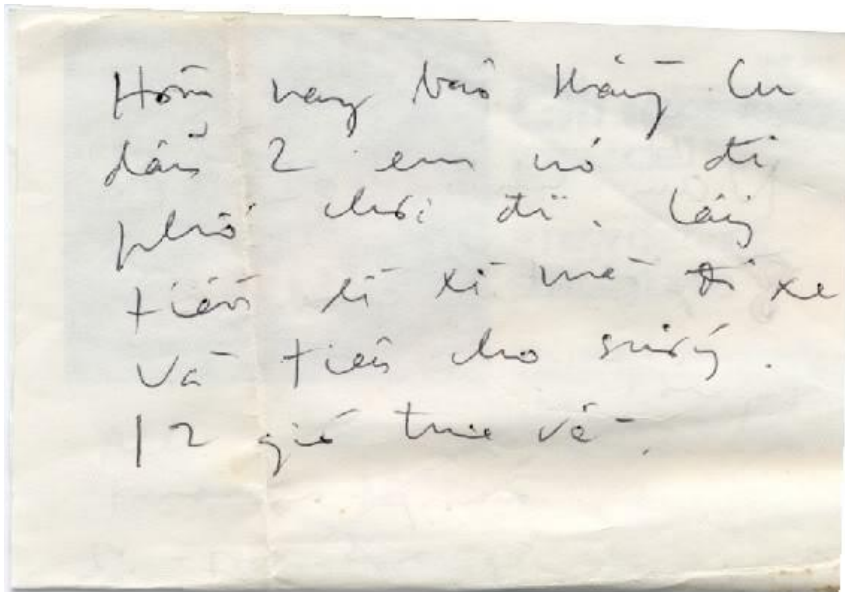
“ Vừa mới Tết bính thìn, chín Tết ôm hờn xa tổ quốc.  
Giờ xuân giáp tí, một xuân nào hẹn cùng quê hương.”

Thanh Nam mất sau gần mười năm ở Mỹ, xác được hoả thiêu trong một nhà táng lúc đó hoa xum xê nở banh ra. Hoa auriculas, hoa thrift và một vài hoa lạ không có tên trong tự điển Việt Nam.

Giữa xấp giấy chàng viết nguệch ngoạc trong những tháng ngày mất tiếng nói, có một đoạn nhỏ: “Anh nhận thấy mấy đứa con sao dại khờ và vô tâm quá, chúng cứ tự nhiên... Nếu chúng nói được những câu buồn thương này nọ, chắc lúc anh ra đi , anh sẽ khó cất bước, khó..”

Tôi vội cãi: “Con Ti nó ăn ít quá mà anh, còn ba thằng đực thì cứ quanh quẩn ở trong nhà không nói năng... Bà y tá bảo rằng tình cảm của trẻ con đôi khi còn biểu lộ ở sự học có sút kém hay không..”

Ngày hôm sau Thanh Nam viết xuống tiếp : “Hôm nay bảo thằng Cu dẫn hai em nó đi phố chơi đi. Lấy tiền lì xì mà đi bus và tiêu cho sướng. Mười hai giờ trưa về.”



Hôm nay bảo thằng Cu  
dẫn 2 em nó đi  
phố chơi đi. Lấy  
tiền lì xì mà đi xe  
và tiêu cho sướng.  
12 giờ trưa về.

Thơ tức là người. Thanh Nam mang một lòng hiếu hữu thương bạn hiền. Tình đàn bà , người đàn bà trong thi tập “Đất khách” và trong cuộc đời ngắn hạn, bất hạnh của Thanh Nam, không được vẽ và chiếu ra rõ nét, không biết chàng đã nhung nhớ ai trong dĩ vãng khi đang nằm trên chăn gối hiện tại:

*“Nửa khuya nghe động tiếng mưa buồn  
Mái lạnh hiền người giọt giọt tuôn.  
Chăn gối bỗng thơm mùi dĩ vãng  
Dịu dàng mộng cũ ghé môi hôn”.*  
*Mộng cũ-Thanh Nam.*

Người tức là thơ. Thanh Nam đau yếu nhưng tình bạn trong chàng vẫn dồi dào sức khoẻ:

*“Xin chào bằng hữu gần xa  
Dẫu chưa quen biết đã là anh em”.*

.....  
*Ôi hỡi quê hương bè bạn cũ  
Nhưng ai còn mắt giữa sa mù*

.....  
*Ôi bạn ôi ta ,chiều đã xế  
Phù sinh thương mình ly rượu xuống*

Sau hết, Thanh Nam có biệt tài làm báo, làm tổng thư ký toà soạn, làm chủ bút bao sân tất cả mọi công việc viết lách. Trang trong thiếu bài, trang cuối còn mấy chỗ trống, Thanh Nam tìm bài khác lấp vào, vá vào trám hết tất cả mọi lỗ khuyết ngay tức khắc. Chính chàng đã đề nghị quý vị chủ báo miền Nam ngày nào, hãy đưa phần tiêu thuyết vào trang hai để độc giả dễ dàng xếp đôi tờ báo lại ngồi đọc chuyện tình bất cứ chỗ nào.

Nhiều người bảo rằng khi đến giai đoạn cuối, cancer gây ra những cực hình tra tấn dã man, những cơn đau xé xác thân ra, bệnh nhân kêu rên ngày đêm không ăn ngủ... chỉ mong được chết để giải thoát... Nhưng Thanh Nam đã mất tiếng nói, mất âm thanh để kêu đau... Ba thằng con bất hiếu ngủ chung giường đâu có biết cha sắp chết, chúng nằm xoay ngược trở ngang, hất gối xuống giường, đập mền xuống thảm. Thanh Nam chỉ biết ghi vào hồi ký “đau, đau, đau...”

Trước khi đi vào hôn mê, Thanh Nam đã viết xuống “*Người nghệ sĩ có những lúc sống cầu thả, buông thả dây cương luân lý, nhưng em nên nhớ rằng từ ngày lấy em, anh không bao giờ phản bội thể xác em.*”

Đôi mắt Thanh Nam to nhưng cạn và mờ đục, lúc đó ánh lên, nhìn thẳng mặt tôi. Tôi thấy tôi hiện diện trong cái nhìn thật thà đó: ở chàng, tình nghĩa vợ chồng cũng quý báu như lòng hiếu hữu ái mộ bạn hiền.

Ngày 27 tháng 5 năm 2007

© 2007 gio-o

## Lần thăm cuối cùng Mai Thảo

*Bài này đã đăng trên Văn Học do nhà văn Nguyễn Mộng Giác làm chủ bút, xuất bản tại Cali tháng 6, 1986, số đặc biệt tưởng niệm nhà văn Thanh Nam*

Nay đúng một năm, kể từ ngày Thanh Nam không còn, tôi chưa một lần trở lại Seattle, nơi Thanh Nam đã sống gần trọn mười năm đất khách với Tuý Hồng và các con, cũng là thành phố Tây Bắc tôi đã sống hơn hai mùa mưa, từ 1979 đến 1981, và cùng làm việc hàng ngày với Huy Quang, Nguyễn văn Giang và Thanh Nam ở tờ Đất Mới.

Không trở lại. Chẳng phải vì Thanh Nam mất, mọi liên hệ tình cảm gắn bó bấy lâu tôi có với Tây Bắc, vì cái chết của bạn ở đó, đã nhất loạt rời đứt. Cũng chẳng phải vì tôi chẳng còn một bằng hữu, một thân tình nào khác ở Tây Bắc ngoài Thanh Nam. Trái lại. Từ và qua Thanh Nam, Tây Bắc đã đem lại cho tôi rất nhiều bằng hữu mới.

Những người bạn này vẫn hàng tuần điện thoại về Santa Ana nói chuyện với tôi, cũng là những người đã lo toan mọi điều cho gia đình Thanh Nam lúc bầu đoàn thể từ nhà văn mới từ tiểu bang New Jersey qua, thay thế cho anh em văn nghệ ở xa, săn sóc Thanh Nam suốt thời gian mấy năm nằm bệnh, và cũng những bằng hữu chung ấy của Thanh Nam và tôi, đã là những người cùng Tuý Hồng đưa linh cữu Thanh Nam đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Riêng nói về cảnh thổ, Seattle một mình một cõi với thông rừng điệp điệp, hồ vịnh cẩm tú, còn là một trong những thành phố ở Mỹ tôi yêu và có nhiều kỷ niệm nhất, thân thiết ấy, dù có hay không, dù còn hay đã mất Thanh Nam.

Chưa trở lại với Seattle, đúng hơn, chưa trở lại ngay chỉ là vì, mỗi lần hình dung lại, thần trí tôi vẫn còn váng vất vì mấy chuyến sau cùng về thăm Thanh Nam, khi tôi được tin từ bệnh viện Thanh Nam nằm chữa trị, bệnh tình ngày một trầm trọng hơn của bạn, trong nhận định tàn nhẫn lạnh lùng của y học, đã coi như tuyệt vọng hoàn toàn.

Mấy lần cuối về 4614 Othello ấy - cả thấy bốn lần - trong cái ý nghĩ bất lực và buồn thảm của về thăm, không một người đau mà một tử thi hấp hối đang tiến dần tới lâm chung, tới lòng huyết, khiến chuyến đi nào tưởng cũng chỉ còn là một gặp mặt lần cuối, chắc chắn suốt đời tôi không bao giờ có thể quên. Mà tôi thì thù ghét thậm tệ mọi vĩnh biệt, mọi lần cuối. Thành có cái ý nghĩ là mấy chuyến đi ấy còn quá gần, chỉ như mới sáng nay, chiều qua, hãy để giữa chúng và tôi có một người lắng, một cách biệt. Rồi trên một trạng thái tinh thần khác, mùa thu này, mùa xuân tới, không chừng, hãy trở về Seattle thăm Tuý Hồng và thắp một nén hương viếng thăm lên bàn thờ bạn.

\*\*\*

Lần thứ nhất của bốn lần sau cùng, tôi tới ngôi nhà Othello một mình, vào buổi sáng. Chờ cho hơi muộn, Thanh Nam đã thức dậy.

Tôi ngồi nói chuyện với Tuý Hồng ở phòng khách, thấy bạn đứng trước cửa toa-lét mở ngỏ. Thanh Nam gật đầu với tôi, nhưng lại đi vào phòng tắm đóng chặt cửa lại, ở khá lâu trong đó mới ra. Trọng bệnh quả đã làm ngừng chậm hẳn mọi tỏ hiện mừng rỡ, tức khắc, vốn là nét cá tính đáng yêu nhất của con người Thanh Nam, mỗi lần thấy bạn.



Lần đó, tôi đã tránh nhìn kỹ, nhìn lâu cái hình hài tiều tụy của bạn.

Cần gì phải nhìn. Chỉ cần thấy Thanh Nam chậm chạp đi tới, cái mũ cát-kết trên đầu che dấu mái tóc đã rụng hết bởi sự công phá của thuốc chữa, với một xấp giấy và một cây bút chì, ngồi xuống và bắt đầu bút đàm, tôi đã thấy trọng bệnh, chỉ sau một thời gian ngắn, đã vùn vụt leo thang.

Bút đàm thì Thanh Nam đã phải vậy, từ hai năm trước nếu tôi nhớ không lầm, ngay sau giải phẫu cuống họng. Nhưng bút đàm trước mạnh, vui, thoăn thoắt, giấy xé rào rào, ào ạt lắm kia. Nó hết như lối nói líu ríu, hấp tấp của Thanh nam khiến chúng tôi thường bật cười, sau vài tuần bia, rượu.

Lần này khác hẳn. Như cầm xấp giấy, cây bút trên tay, viết xuống một giòng chữ, những động tác nhỏ nhặt ấy đã đòi hỏi ở Thanh Nam một cố gắng phi thường. Lần đó, cái câu mở đầu thông thường “Mày thấy trong người thế nào?” tôi không hỏi nữa, không bao giờ nữa. Thanh Nam thì hỏi. Trên giấy. Toàn về bằng hữu. Vũ Khắc Khoan ? Tôi trả lời. Gật. Mặc Đỗ ? Tôi kể. Gật. Anh em bên nhà : Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ ? Tôi thuật. Gật.

Rồi thỉnh thoảng Thanh Nam ngưng viết, ngưng hỏi, tựa lưng vào thành ghế, mắt nhìn thẳng, gần như một tách thoát bất chợt, một riêng tây định thần. Gần như không còn thấy tôi ngồi bên cạnh.

Tôi ra phi trường, trở về Cali ngay buổi chiều hôm sau.

\*\*\*

Lần thứ hai tới Seattle, tôi điện thoại ngay cho Tuý Hồng, nhưng không tới nhà ngay mà đi thăm một vòng bằng hữu trước đã.

Tôi tới toà soạn Đất Mới. Đứng nhìn thật lâu chỗ ngồi làm việc của hai chúng tôi trong suốt hai năm. Nhớ lại những buổi trưa Thanh Nam đưa cơm nắm và ruốc bông tới, chúng tôi chia nhau ăn bên cạnh cái máy đánh chữ. Tôi đi lại con đường Rainier, hướng xuống thành phố nằm trên lòng vịnh, nhớ lại những buổi sáng màn mưa Tây Bắc kín trùm trời đất, Thanh Nam lái xe qua, ngưng lại, nhấn kèn gọi. Tôi đội mưa chạy băng qua đường, lao vào xe, ném hết nước mưa trên người vào bạn ngồi trước tay lái.

Chờ hai ngày rồi tôi rủ những bạn bè thân nhất của chúng tôi cùng tới. Khá đông. Khoảng mười người. Đó là lần vui nhất. Giữa trọng bệnh, Thanh Nam bất ngờ khoẻ hẳn lại, chừng như nhờ sự thí nghiệm và áp dụng một phương cách chữa trị mới.

Buổi trưa. Ngôi nhà đông đặc ồn ào, làm sống lại cái không khí hợp mặt náo nhiệt ồn ào chúng tôi đã có với Thanh Nam suốt hai mươi năm chung sống ở quê nhà và ở bất cứ một địa chỉ nào của Tuý Hồng Thanh Nam, từ căn phòng nhỏ chật ở building Cửu Long, tới ngôi nhà đường Bùi Viện do Nguyễn Sa nhượng lại, tới ngôi nhà trong một ngõ hẻm đường Lý Thái Tổ, chỗ ở sau cùng của Thanh Nam trước đêm cùng nhân viên Đài Mẹ Việt Nam theo tàu ra Phú Quốc.

Phải, bốn lần thăm sau cùng, chỉ lần đó là lần vui nhất, dấu chỉ là niềm vui che đi một sự thật, giấu đi những giọt lệ. Chúng tôi được giữ lại ăn cơm trưa. Cùng ngồi chen chúc trong căn bếp. Lần đó, lần cuối cùng trong đời, Thanh nam cười cười nay Tuý Hồng sang một bên (Huế nấu ăn, Bắc không ăn được!) đích thân làm món nhậu đãi bạn.

Lửa mở thật lớn. Chảo mỡ sôi sục. Những khoanh cá chép tươi, bụng phình trứng, để nguyên vẩy, chiên tới dòn tan, ăn với nước mắm tỏi gừng và ớt dầm cay xè. Rau muống, Thanh Nam chống tay canh chừng tới chín vừa, vớt ra để nguội, trộn đều với mè, bì heo và mắm tôm chanh, ăn với rau kinh giới, tía tô, hai món Bắc sớ trường từ quê nhà danh tiếng của Thanh Nam, cái bang văn nghệ tẩm tặc và đã ghi vào sổ vàng ẩm thực.

Nhớ lần đó, chúng tôi cùng thay nhau trò chuyện, cười đùa, không để một phút im lặng, một phút ngớt tiếng. Làm như bệnh tình Thanh Nam không còn nữa. Làm như chứng ung thư bác sĩ Mỹ khám phá thấy ở Thanh Nam là bố láo, không hề có.

Tội nghiệp cho cả đám người đến thăm bạn. Chúng tôi không biết làm gì hơn, và đều như thăm cảm ơn nhau đã cùng đem lại được cho Thanh Nam một buổi trưa vui, trong khi cùng biết rõ mạng sống Thanh Nam cũng chỉ là một vấn đề từng tháng từng ngày chẳng còn phép lại nào thay đổi được.

Lần đó, Thanh Nam đưa tiễn được chúng tôi ra tới đầu thềm. Vịn tay vào cây cột, gật đầu với từng người nắm tay từ biệt. Tối tôi, hắt hàm như có ý hỏi bao giờ mày về. Tôi nói “Tháng sau tao lại lên.”

Ra tới đường, nhìn trở lại, Thanh Nam không còn đứng ở ngoài thềm nữa. Cánh cửa của ngôi nhà Othello đã đóng chặt lại.

\*\*\*

Lần thứ ba tôi tới Othello giữa mùa hè. Cái trần mây vĩ đại gần như quanh năm phủ kín bầu trời Tây Bắc, cái trần mây đã rời đi. Trời Tây Bắc cao vút, xanh biếc. Đi lại con đường Rainier, khúc xa lộ từ phi trường vào thành phố, nhìn những thảm hoa muôn màu rực rỡ trước tất cả những ngôi nhà, những luống vườn đi qua, tôi có được cái cảm tưởng thân thuộc ấm áp chốc lát, giữa một buổi chiều Tây Bắc quang đãng, là tôi vẫn ở với Tây Bắc, chưa rời xa một ngày nào.

Sau này nghĩ lại, cảm tưởng ấy có được một phần vì tôi đã ở Seattle hai năm, nhưng, một phần lớn cũng là do ở Thanh Nam. Sự gắn bó của Thanh Nam với cảnh và người Tây Bắc. Với gia đình, do sự chọn lựa của Thanh Nam, định cư vĩnh viễn ở Tây Bắc. Với từng ngọn cỏ đường, từng ngọn thông rừng, từng hạt mưa mùa, như một cảnh tượng cố định và yên định đời đời của thân thể và phần đời êm đềm còn lại của Thanh Nam giữa màu xanh vĩnh viễn, bất tận của thông rừng và hồ vịnh Tây Bắc.

Gắn bó với hết thảy. Cùng hết thảy. Với thân tình cũ. Với thân tình mới. Gắn bó ấy ở Thanh Nam trung hậu tự nhiên, tròn, đầy, và mạnh mẽ hơn ở tôi nhiều, rất nhiều. Vấn tất là gắn bó với đời sống, kể cả những lúc đời sống phản phúc và thù nghịch nhất. Một gắn bó vô điều kiện. Đó là điều đích thực tôi không bao giờ có được. Nhưng nhờ có Thanh Nam, đôi khi tôi cũng có được cái cảm tưởng sung sướng như thế.

Lần về thăm thứ ba này, tôi không nắm vững được bệnh tình Thanh Nam hiện như thế nào. Biết sơ qua Thanh Nam vẫn phải ngày ngày tới bệnh viện chữa trị, lượng thuốc an thần mỗi ngày dùng nhiều hơn, vẫn di chuyển được ở trong nhà nhưng phải chống mình trên một cây gậy. Vậy thôi. Biết thêm là ngôi nhà Othello im lặng trọn ngày. Thanh Nam lúi sâu thêm vào âm thầm với bệnh, chừng như chẳng còn muốn gặp ai, dù là những chỗ thân tình nhất.

Tôi đến giữa buổi trưa. Tuý Hồng đi đâu chưa về. Bầu không khí trong ngôi nhà ngưng đọng hoàn toàn. Bầy nhỏ ngồi trên thảm coi tivi, cái máy đã vận nhỏ tới tối đa âm thanh. Con cháu Ty, đôi mắt tròn buồn chỉ tay vào phòng trong ra hiệu cho tôi Thanh Nam ở trong đó.

Tôi vào. Thanh Nam nằm nghiêng trên mặt đệm của một giường gỗ nhỏ, quay mặt vào tường, trên người không một tấm chăn đắp, mắt nhắm lại, bất động. Dấu vết đời sống chỉ còn chỉ còn thu lại, như một tờ chỉ, nơi tiếng thở vì vì, ú ú, nhọc nhằn thoát ra nơi lỗ hổng cuống họng bị giải phẫu che kín bởi một miếng vải trắng nhỏ bằng nửa bàn tay. Phiến vải phập phồng theo nhịp thở đứt quãng.

Con người thường hiện nguyên hình trong giấc ngủ mà tỉnh thức che dấu được. Phút ấy, đứng lặng trên thành cửa, nhìn bạn ngủ, tôi mới nhìn thấy sự hiện hình toàn vẹn của cái chết, của ung thư. Chúng đã đến bên giường, chúng đã ở trong bạn tôi. Và từng phút, từng giây, lan dần, trùm lẩn, lẩn dần, sự hủy hoại không tiếng.

Tôi lùi ra. Tuý Hồng đi chợ về. Đi theo người bạn gái đã rất thân thiết từ trước thời gian chị thành gia thất với Thanh Nam vào trong bếp, tôi hỏi :

- Thế nào ?

- Anh càng mệt thêm mãi. Nhiều ngày ở trong phòng tới chiều tối không ra. Vẫn đi lại được, nhưng khó khăn. Vẫn chịu khó nuốt vào người thực phẩm lỏng để còn hơi sức sống, nhưng chỉ được chút đỉnh rồi buông ra. Trưa nào cũng phải nằm. Tôi chỉ còn cầu mong giấc ngủ nào của anh cũng được thật đầy, cũng được thật ngon.

Một lát sau, Thanh Nam thức. Biết tôi tới. Mở cửa phòng đi ra. Một chiếc áo len cũ trên người, cái mũ cát-két, cây gậy ti nặng làm nghiêng đi một bên thân. Thanh Nam thận trọng bước từng bước trên mặt thảm, tới ngồi xuống cạnh tôi. Sự tàn phá của bệnh trạng nhìn thấy rõ rệt hơn nữa, so với lần trước. Bàn tay trái năm ngón co rút lại, như một nắm chặt chết cứng. Thần sắc nhợt nhạt. Một mặt đệm hình tròn, có đai vây như cái ghế dùng cho trẻ nhỏ đặt trên mặt sofa cho thể ngồi được vững chãi hơn. Vẫn còn bút đàm được, nhưng thật ít. Vài trang giấy nhỏ. Mỗi lần viết phải điều chỉnh cách ngồi lại, cả bàn tay co rút tì hết xuống mặt giấy.

Điều duy nhất không bao giờ thay đổi, cũng là vùng cơ thể trước sau trọng bệnh không bao giờ xâm nhập được, là một thần trí vẫn cực kỳ minh mẫn. Bút đàm :

- Mày vẫn làm báo dưới ấy mà! Sao lên luôn được vậy?

Tôi nói :

- Vẫn đi vài ngày được. Máy bay đang rẻ rẻ. Nghe tính rời về Cali. Hay lắm. Còn định vậy không?

Gật. Rồi Thanh Nam lắc lắc, hắt hàm về phía trong bếp, viết xuống giấy: "Tuý Hồng không chịu. Nói đâu cũng vậy thôi. Ở đây lâu, quen rồi." Tuý Hồng không chịu là đúng, tôi hiểu. Thanh Nam chẳng còn đi đâu được nữa. Chẳng còn đi đâu để làm gì nữa.

Lần thăm thứ ba ấy ngắn nhất. Cũng là lần thăm khiến tôi hoang mang và buồn thảm nhất. Căn phòng khách tối mờ. Thanh Nam ngồi cao hơn tôi một chút, trên cái mặt đệm đặc biệt có vòng đai giữ. Bàn tay nắm chặt không còn xoè mở được của bạn. Bút đàm của bạn "Sao lên

luôn được vậy ?” Và sau câu viết, có một câu không muốn viết “ Mày cố gắng lên thăm nhiều lần, vì sợ không còn lần khác nữa, phải vậy không?” Phải. Đúng vậy. Chính vì vậy, mà chỉ ở lần thăm buồn nhất ấy, tôi mới nói rõ với bạn lời vĩnh biệt.

- Còn gặp là được. Tao sẽ lên chơi Seattle, đến thăm mày nhiều lần nữa. Nhưng nếu không thấy nhau, thì coi lần tới sau cùng là lần từ biệt nhé!

Thanh Nam nhìn tôi. Lâu. Gật đầu. Và ngồi yên nhìn tôi.

\*\*\*

Sau lần thăm thứ ba, trong thâm tâm, tôi định không có lần thăm nào khác nữa.

Từ thời gian, hai chúng tôi cùng trẻ măng, Thanh Nam cùng Tô Kiều Ngân làm tờ Thăm Mý, bài viết đầu tiên của tôi ở miền Nam là một tùy bút ngắn trên tuần báo này, đến những tháng ngày ăn nhậu, bài bạc, chơi đêm liên miên trên căn phòng độc thân của Thanh Nam ở khách sạn Cửu Long, tới những chương trình thơ văn chúng tôi thành viết, thành đọc, cả chục năm liền trên ba đài Tự Do, Quân đội, Sài Gòn, tới tờ Nghệ Thuật cùng dựng bảng hiệu, cùng một toà soạn, đến cuộc tình Thanh Nam Tuý Hồng từ hé cánh đến tiệc cưới tưng bừng ở nhà hàng Đồng Khánh, tới những kỷ niệm vui buồn không nhớ hết, ở ba địa chỉ Nancy, Bùi Viện, Lý Thái Tổ.

Hãy chỉ kể vậy, đã gọi được là cùng với Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Anh Ngọc, Hoài Bắc, Vũ Quang Ninh hợp thành Cái Bang phái văn nghệ áo bần, tôi đã sống, đã ở, đã làm việc với Thanh Nam gần trọn một đời người. Thêm hai năm Đất Mới ở Seattle nữa. Thì đã là đầy đủ. Thì chẳng còn ân hận. Thì cái số bạn phải đi trước thôi cứ để bạn đi. Thì nếu chưa chia tay, cũng đã cầm tay nói lời từ biệt.

Tôi lại yêu cái chết của loài voi. Lặng lẽ. Không tiếng. Ở một đáy rừng. Dưới một mộ lá. Và thầm mong cho Thanh Nam được chết cái chết xa đời nhẹ nhàng, một mình như thế.

Nhưng tôi trở về Santa Ana mới được vài tuần, bằng hữu Tây Bắc đã tới tấp báo động xuống. Rằng Thanh Nam đã lúc tỉnh lúc mê. Rằng bác sĩ Mỹ chê không chữa nữa. Rằng tang lễ đã chuẩn bị. Rằng một nhà sư trẻ đã được mời tới ngôi nhà Othello tụng kinh làm lễ siêu độ cho Thanh Nam ở đầu giường. Tin dữ chấn động sinh hoạt. Nhiều an hem đòi lên thăm gấp Thanh Nam, gặp lại một lần trước khi Thanh Nam nằm xuống. Thế là tôi phải đi cùng. Và có lần thăm thứ tư.

Nhớ lại lần thăm trước, Thanh Nam tỏ ý không còn muốn tiếp bạn bè thăm viếng nữa, tôi đi Seattle trước một ngày. Và đến ngay Othello. Báo động thì đúng, nhưng tình trạng nguy kịch chừng như lại yên yên, thần thái Thanh Nam so với lần trước không sa sút gì lắm. Tuy bàn tay trái co rút không nắm lại được, vẫn cây gậy, sự di chuyển khó nhọc, cái đệm hình tròn có vòng đai để ngồi cho vững. Tôi cười, lấy giọng đùa cợt :

- Tường mày nằm dài ra rồi. Chưa. Hay lắm. Tao lên lần này còn có cả một phái đoàn văn nghệ Cali đi cùng. Họ sẽ tới đây ngày mai.

Thanh Nam tròn mắt nhìn. Một lát rồi cầm bút viết “ Dưới ấy lên Seattle trình diễn à? 30 tháng tư qua rồi. Vụ gì vậy ?”

- Chẳng có vụ gì hết. Anh em Cali rảnh rồi kéo nhau lên Tây Bắc chơi. Nhân tiện tới thăm mày thôi.

Viết : “Những ai?”

- Nếu đi đủ, Nguyên Sa, Du Tử Lê, Kiều Chinh, Quỳnh Như, Đỗ Ngọc Yến hoặc Nguyễn Đức Quang. Hoàng Quốc Bảo nữa.

Thanh Nam lắng nghe, bậm môi, nghĩ ngợi, đoạn cầm bút viết : “Chẳng tới thăm tao bao giờ bỗng dưng tới cả một đoàn vậy. Bảo họ đừng đến. Tao không muốn gặp.”

- Sao vậy? Tôi hỏi.

Viết : “ Nguyên điều này đã: tao rất mệt, không thể ngồi lâu, không thể đủ sức tiếp chuyện từng người.”

Cuối cùng Thanh Nam cũng bằng lòng, chỉ viết dặn là nói với anh em đến ít phút thôi rồi cho nằm nghỉ. Dặn vậy mà hôm sau, khi tôi đưa Kiều Chinh, Nguyễn Đức Quang và Hoàng Quốc Bảo tới, Thanh Nam đã chờ sẵn bằng một đợt chờ thật vui mừng, thật cảm động. Nắm tay Nguyễn Đức Quang. Chỉ Hoàng Quốc Bảo, gật gật. Như muốn nói đã nhận ra ngay. Để yên cho Kiều Chinh ôm lấy thật chặt rồi cười thân mến.

Lần cuối cùng tiếp bằng hữu phương xa trưa ấy, ở Thanh Nam là một phong cách rất tươi tắn, ung dung và chững chạc. Ngồi tựa lưng, khoan thai. Nét mặt nhẹ nhõm. Cây gậy cầm thẳng. Tôi nói Nguyên Sa, Du Tử Lê, Quỳnh Như phút chót không đi được, gửi lời thăm. Gật. Kiều Chinh : “ Anh khoẻ đi rồi về Cali chơi với tụi này.” Cười. Gật. Chăm chú nghe Nguyễn Đức Quang. Quay sang với Hoàng Quốc Bảo.

Buổi thăm định chỉ vài phút, kéo dài hơn nửa tiếng đồng hồ. Rồi khuôn mặt chợt nghiêm lặng lại, viết, trao mẫu giấy cho tôi. “Tao mệt, phải đi nằm ngay rồi.” Mọi người hiểu, cùng đứng lên.

Và cái hình ảnh cuối cùng, sau cùng chúng tôi có về Thanh Nam buổi trưa hôm đó ở giữa phòng khách ngôi nhà Othello, đích thực là một hình ảnh của bỏ đi, của lên đường đi vào vĩnh viễn: chống trên cây gậy, quay gót, Thanh Nam chậm chậm đi qua từng người chúng tôi, đi vào phòng riêng.

Tôi nhìn xuống cây viết, xấp giấy để lại trên mặt bàn. Đàm thoại một đời với bạn, với đời, lần này là chấm dứt. Chấm dứt hẳn.

\*\*\*

Mười năm. Từ biến động, từ đổi đời, từ địa ngục, từ cõi chết trôi ra, sống sót, tới bờ đất mới, nghĩ mình được may mắn phục sinh, lửa đạn đã tránh đường, đại dương còn ném trả, mười năm ấy hình như chúng ta không còn bận tâm về cái chết, chẳng còn những tư duy về cõi chết, nhìn thấy cõi chết. Nhất là cái chết của một người thân.

Cái chết, dưới những hình thái khác, ở trong lửa đạn, ở giữa nghìn trùng, của người tử tù trong ngục tối, của hàng triệu trẻ nhỏ chết đói ở Phi châu, của cuồng tín Trung Đông, của nạn nhân kỳ thị, chúng ta sống với, mỗi ngày, qua báo chí, truyền hình, với khái niệm về những hình thái của sự chết ấy như một hiện tượng thời đại, một tai họa tập thể, và phản ứng theo chiều hướng

nhận thức ấy. Còn cái chết bình thường, như đời người trước sau rồi cũng một lần phải chết, chúng ta lại không còn có suy tư gì về nó nữa, hoặc chỉ một thoáng nghĩ, phút chốc rồi thôi.

Cuộc sống tưởng như một mớ lòng bùng không còn hình thể là vì vậy. Bởi chính cái chết mới định nên hình dáng đời sống, như sự định hình của một con đường là ở phần mở đi và ở nơi chấm dứt của con đường.

Thành ra cái chết trở thành một xa lạ dần mãi, một khái niệm mơ hồ, một ý niệm trừu tượng.

Cái chết của một người thân, của Thanh Nam, chứng ung thư, một bệnh viện ở Tây Bắc, sự vật lộn âm thầm, đơn độc, tuyệt vọng, can đảm của Thanh Nam với Tử thần, mái tóc rụng, cây gậy, cái cát-két, mẩu giấy cây bút của bút đàm, bốn lần về Seattle thăm bạn, khi bệnh tình bạn đã hoàn toàn tuyệt vọng ở ngôi nhà Othello, cho tôi thấy lại một lộ trình người, và giữa những đứt đoạn khắp cùng, một chu kỳ đời sống, một chu kỳ toàn vẹn.

*Không ai còn ai mất. Ai cũng chết mà thôi.* Hoàng Cầm. Thơ Hoàng Cầm.  
*Tưởng như Phú Quốc đêm rời quê hương. Rời.* Thanh Nam. Thơ Thanh Nam.

Cuối cùng là Thanh Nam đã có hàng nghìn địa chỉ trong mỗi người thân, trong mỗi chúng ta. Như câu văn bất hủ của Sacha Guitry : *Năm mộ của người đã mất nằm trong trái tim những người còn sống.*

Chị Tuý Hồng, ở xa, tôi gửi lên Tây Bắc cho chị lời thơ ấy của Hoàng Cầm, câu văn ấy của Guitry. Như một nén hương nhờ chị thắp thay tôi lên bàn thờ Thanh Nam. Ngày giỗ đầu.

Tháng 6, 1986

## Buồn ga nhỏ

Nếu một ngày nào, người ta sẽ bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống ở đây...

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy. Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi hẻo lánh. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cấp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà ra đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm. Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đui và xấu xí như một đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng

ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hấy còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thì nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm. Một hôm, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn. Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn soi rõ nét mặt đần độn và đỏ như của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hở ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

- Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi anh Tứ đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ. Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông như ngày trước nữa. Hảo ngỡ người ra ngó Kiên. Mớ tóc đang nhợt nhạt lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

- Cô Hảo trông tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

- Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói nàng vừa cúi xuống nhấc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giầy đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

- Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lắm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế giễu mình vì đã lấy một người chồng già.

- Anh nói sao?

- Bác đâu?

Hảo thở dài nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

- Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

- Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cắt vội mớ tôm lên chạn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

- Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đổ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

- Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

- Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường lơ đãng:

- Ba năm rồi...

- Ai thế?

- Người này chắc anh cũng biết.

- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Tín? Có phải bác Tín...

Kiên không nói hết câu, nhìn chằm chặp vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui. Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy:

- Thôi, tôi phải về đằng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm...

Kiên ngập ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói bằng quơ nhưng Hảo cho là ám chỉ nàng:

- Chồng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác...

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ tới bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp. Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa một ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ của y đã đem từ Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên cho những ý nghĩ thầm kín đang dấn vật trong lòng nàng. Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình băng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng khua rộn rã của trường học vẳng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngất phía xa thì Kiên đi tới.

Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo đáp ứng:

- Mời anh vào chơi trong nhà...

Và nàng đi nhanh vào nhà. Kiên chậm bước theo sau.

- Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiều lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

- Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

- Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe rõ một tiếng nấc ngán ngùi trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ:



- Sao anh về Sài Gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?
- Không, chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hào cười gượng gạo:

- Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

- Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là... cô Hào, bây giờ chị đã là...

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hào đang đặt trên thành ghế.

- Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hào tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hào như ngày xưa...

Hào nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

- Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hào không mắc công chuyện gì, Hào hãy ra ga...

- Không được đâu, Hào run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hào đứng:

- Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hào giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

- Không... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hào có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

- Hào có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hào. Vì Hào mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hào bây giờ không còn là Hào ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hào, nhìn thấy Hào đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hào. Tôi...

Kiên còn nói nhiều hơn nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hào. Trong một lúc, Hào thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết gay gắt. Chưa bao giờ Hào được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hào rung mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hào kêu lên qua hơi thở dồn dập:

- Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vồn nhìn vào. Hào giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần...

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nép vào một góc tối nhất của sân ga, Hào nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hào thấy rõ chồng mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chồng nàng không còn lắc nữa, Hào mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hào dẫm lên đám cỏ rừng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hào không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngủ độn của ông chồng với hai câu vọng cổ. Hào muốn bật khóc nhưng không sao khóc được.

Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

## Đất khách thương nhớ Thanh Nam Đặng Tiến

Thơ Việt in ở nước ngoài càng ngày càng nhiều, nhất là ở Bắc Mỹ. Nhưng thơ hay, không nhiều. Nhất là thơ hay mà vượt lên khỏi những hận thù, mê chấp, càng hiềm.

*Đất khách* của Thanh Nam là một trong những dòng nước trong hiềm hoi đó. Tôi xin giới thiệu với bạn đọc, trong một niềm đau đớn vô biên. Là Thanh Nam không còn nữa. Anh đã vĩnh viễn bỏ chúng ta từ ngày 2 tháng Sáu 1985, sau một cơn bệnh dài và đau đớn ở phổi, tại Seattle, Mỹ, nơi anh và vợ, nhà văn Túy Hồng, định cư từ thời di tản, tháng Năm 1975. Anh thọ được 55 tuổi.

Ở các đô thị miền Nam ngày xưa, Thanh Nam nổi tiếng về văn xuôi, truyện dài, truyện ngắn. Ít ai được đọc thơ anh, tuy thỉnh thoảng anh đăng báo vài bài. *Đất Khách* do nhà xuất bản Sống Mới, Arkansas, ấn hành năm 1983, gồm khoảng hai mươi bài thơ, một số làm trong nước trước 1975. Toàn tập vẫn nhất trí: hồn thơ và lời thơ của Thanh Nam trước sau không thay đổi.

*Đất Khách* là cuộc sống lưu lạc xứ người. Nhưng thật ra nó là nỗi nhớ triền miên một thế giới đã xa xăm. Ngay những bài thơ làm ở quê nhà đã mang những xa cách của lưu đầy, với rất nhiều chia ly, mất mát. Trong thơ, cũng như văn xuôi của Thanh Nam, nổi bật hai điểm: lòng nhân hậu và niềm nhớ khôn khuây.

Là người Hà Nội, nhưng khi rời kháng chiến về thành, thì anh đã lạc loài:

*Ta về chân bước bơ vơ  
Ngựa xe lạc nẻo kinh đô nhọc nhằn  
Men say thu ấy chưa tàn  
Nhớ thương chung một âm đàn xót xa.*  
(1951)

1953, anh vào Sài Gòn thì lại nhớ Hà Nội bằng những câu tha thiết:

*Hà Nội ơi, ôi biết đến bao giờ  
Ta lại thấy bóng Tây Hồ bát ngát  
Gió Trúc Bạch hương sen nồng ngậy ngát  
Chiều Cổ Ngư phượng đỏ một khung trời  
Tuổi học trò xe đạp lượn từng đôi  
Những chủ nhật trên đường vui mở hội  
Trời xanh biếc đẹp như màu cốm mới  
Yêu làm sao kỷ niệm tuổi hai mươi  
Mới ngày nào nay đã quá xa xôi  
Hồi cặp mắt và nụ cười phố Huế  
Trong xa cách hãy giữ gìn ta nhé  
Những sớm thu, chiều hạ hẹn hò xưa  
(...) Đêm Sài Gòn trở lạnh những mùa mưa  
Thấy hiu hắt cơn gió thu Hà Nội*  
(1953)

Những câu thơ Hà Nội trong sáng, chân thành. Hay ở trong chân tình của người viết. Sau cái tuổi hai mươi hoa bướm, về sau này, trên đất Mỹ, thơ Thanh Nam vẫn giữ cái nét thật thà, đơn hậu như thế, dù những kỷ niệm có phần mờ đi:

*Đất khách năm tàn vẫn gió mưa  
Ngồi bên ly rượu đón giao thừa  
Nhìn qua khung cửa mờ hơi nước*

*Chợt nhớ mưa phùn đất Bắc xưa  
(...) Trong góc hồn đau dĩ vãng buồn  
Vẫn còn xanh ngát cõi xuân non  
Tuồng như khói pháo chưa mờ nhạt  
Trên lối hoa đào trải mộng thơm  
(1982)*

Những nét hiện thực của cái Tết miền Bắc: mưa phùn, khói pháo, hoa đào... Nhưng trong thơ Thanh Nam, cả văn xuôi nữa, nó thấp thoáng mơ hồ như một thiên đường trong ảo giác <<*nhớ cái dạo ở Hà Nội... Cái dạo ấy sao mình sung sướng thế nhỉ?*>> (truyện ngắn Quyên, 1985). Đời không bao giờ đẹp bằng mộng. Thơ là khả năng của ngôn ngữ ảo hóa được sự thực thành cõi mộng. Vì vậy mà cuộc đời mới cần thơ và chịu đựng thi nhân. Thơ nhớ thương dĩ vãng xưa không hiếm; nó còn mòn sáo nữa là khác. Nhưng ở Thanh Nam, nó bủa giăng trên tất cả tác phẩm, văn cũng như thơ, và tạo ra được những hình ảnh nhức nhối:

*Ngó đời lẩn lóc vòng xe  
Rã rời xích chuyển ê chề bánh quay  
Ngó lui hun hút đêm dài  
Những xuân đã lánh, những đời đã xa  
Rót thêm ly nữa mời ta  
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu  
(...) Bốn mươi lăm tuổi quay nhìn  
Cái trôi cùng với cái chìm đuổi theo.  
(1974)*

Trong sinh hoạt văn nghệ các đô thị miền Nam trước 1975, Thanh Nam là một tác giả ăn khách, sống hoàn toàn vào ngòi bút và sống thông thả. Nhưng vẫn thương nhớ không nguôi. Phải chăng là vì, trong thâm tâm, anh chưa toại ý?

So với văn chương thời đó, thì Thanh Nam có phong cách riêng, là lối hành văn đôn hậu diễn đạt lòng nhân đạo dạt dào, thỉnh thoảng nhắc đến chuyện Thạch Lam. Anh thương cảm những người đàn bà lỡ bước trong một xã hội nhiều cám dỗ, một cô bé nghèo khó phải đi ăn trộm, một anh kép phụ, một người đánh xe chở một mơ ước một cánh đồng xanh. Sống nhờ ngòi bút, từ 1949 anh phải viết truyện đăng báo hàng ngày; loại truyện này, có lúc không đều tay, có lúc phải chiều theo thị trường - nghĩa là thị hiếu. Thậm chí, 1966, chính quyền Sài Gòn đã cấm in ba cuốn tiểu thuyết của anh. Thanh Nam đã tâm sự về kiếp nhà văn thời đó:

*Mười lăm năm đó từ phiêu bạt  
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài  
Viết muốn đã bao thẳng mệt mỏi  
Sang giàu đếm được những ai đây?  
Lưới đời chân đã bùn như vương  
Mất vãn trời cao rớt cánh tay.*

Đọc văn xuôi Thanh Nam, biết gạt bỏ cái phần thời thượng, ta sẽ thấy hình ảnh của nhà văn chân trong bùn, tay vói trời xanh, là một hình ảnh thật.

Thanh Nam là bậc hiền giả lạc loài trong một xã hội bon chen. Rồi cũng phải bon chen để sống. Phạm vi bài này không cho phép tôi dài dòng về truyện của Thanh Nam. Gần đây, anh có cho tái bản tập truyện *Buồn ga nhỏ*. Đề nghị gia đình cho in tiếp *Cánh đồng xanh phía dưới*, gồm những truyện thuộc loại hay nhất trong văn chương Sài Gòn thời đó.

Một khía cạnh của thơ Thanh Nam, gần gũi với độc giả hơn: tâm sự người Việt lạc loài trên đất khách.

*Tuyết đổ dày thêm, đêm lạnh buốt  
Người về phòng nhỏ, bóng cô đơn  
Mở chai bia lạnh thay cơm tối  
Ngồi đọc thư nhà, lệ chứa chan.  
(1981)*

Bài thơ chỉ vồn vện có bốn câu. Đúng là <<tứ tuyệt>> của cổ thi. Nghĩa là không có điều gì thêm, và không nên thêm điều gì.

Có lúc anh rộng lời hơn. Cùng một giọng thơ cổ điển, Thanh Nam vạch lên nền trời lưu lạc những nét thơ bi tráng:

*Uống say mai sớm bạn lên đường  
Thân lại nương nhờ chốn viễn phương  
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi  
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương  
Ta như giếng bão tan rồi hợp  
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương  
"Lặn độn bên trời chung một lúa">>  
Say càng chua xót, tỉnh càng thương  
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng  
Râu tóc thêm gần với tuyết sương  
Trên đất tạm dung, đời tạm trú  
Còn gì ngoài mối hận mệnh mang  
Tuổi già ví tựa thân tơ mỏng  
Cuộc sống trăm cơn gió bạo cuồng  
Ôi loạn, ôi ta, chiều đã xế  
Phù sinh thương mình ly rượu suông.*

Dau khổ của Thanh Nam là tâm sự chung của nhiều người Việt ở nước ngoài, đã ra đi trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác. Khí hậu trong thơ anh, đậm thắm, chùng mịch, hơi xa xưa một chút, là khí hậu của lứa tuổi trung niên tàn mộng.

Thanh Nam đã có lần chua cay ghi lại những cảm giác cụ thể, những năm đầu tiên đến Mỹ (1977):

*Chấp nhận hai đời trong một kiếp  
Đành cho giếng bão phũ phàng đưa  
Đầu thai lần nữa trên trần thế  
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ  
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt  
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ  
Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi  
Thân phận không bằng đứa măng phu  
Canh bạc chưa chơi mà hết vốn  
Cờ còn nước đánh phải đành thua  
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do.*

Hai câu cuối thăm thía và chua xót. *Đất Khách* của Thanh Nam, như lòng anh, là một thế giới rộng mở. Giữa muôn trùng tranh chấp, và mê chấp, đọc thơ Thanh Nam như thoát ra ngoài hệ lụy:

*Lòng như trắng tỏ, hồ im sóng  
Thấy rõ hư huyền chuyện trước sau*

Có lúc mình phải biết quên mình để yêu được một ánh trăng. Đối với những kẻ yêu thơ, yêu đất nước, quê hương, bạn bè, thơ Thanh Nam tỏa ra một ánh sáng dịu dàng, như ánh trăng muôn đời trong cổ thi, trong ca dao. Ánh sáng trong xanh mang về những mùa thu đã xa xôi mà vẫn còn hiu hắt trong lòng ta. Thơ Thanh Nam buồn, man mác êm dịu, chứ không ảo não, bi lụy. Vì trong tận cùng của nhớ nhung, Thanh Nam còn tin ở con người, tin ở cuộc sống, và tin ở quê hương như một giá trị bất diệt, như một "vàng trắng nơi đáy sông."

Có người cho rằng thơ Thanh Nam không mới, về ý lẫn lời. Ví anh không làm thơ để làm thơ, hay để thành thi sĩ. Anh đã nổi danh trong nhiều địa hạt khác, nhất là tiểu thuyết. Anh làm thơ, như người xưa, để gửi một chút tâm sự mà anh không ký thác được trong tiểu thuyết - phần lớn viết để đăng báo hàng ngày. Anh làm thơ cho mình để đánh dấu một quãng đời, và cho bạn bè: anh in thơ là để lưu chút tình riêng cho những kẻ:

*Cùng một lúa bên trời lặn đặng*

Anh không theo khuynh hướng nào, mà cũng không mong tạo trường phái.

Do đó Thanh Nam không bắn khoan sáng tạo ngôn ngữ, mà chỉ cần nói lên lòng mình, ở những cung bậc vừa với sự lắng nghe của bằng hữu. Ngọn gió xưa ngân trên cung đàn cũ, làm sóng sánh một ánh sao khuya - đó là thơ của Thanh Nam - hôm nay đã muôn đời im tiếng.

Thanh Nam mất đi, nhiều đứa viết văn trong bọn chúng tôi thấy bản thân mình như mất đi một chút nhân hậu, một chút tư cách. Những năm dài lâm trọng bệnh, anh vẫn viết hồi ký <<Hai mươi năm viết văn làm báo ở Sài Gòn,>> một tư liệu quý hiếm sau này sẽ trở thành thiết yếu cho người viết văn học sử. Thư cho bạn bè ở xa, anh vẫn khoe mình khỏe - để cho đời khỏi bận tâm.

*Canh bạc trần gian dù thắng bại  
Nẻo về đất lạnh giống nhau thôi.*

Lời dặn dò của Thanh Nam soi đường cho chúng ta tìm lại nhau, gần nhau hơn.

20-6-1985  
(Trích *Thế Kỷ 21*)

## Vài kỷ niệm viết lách với Thanh Nam

### Bình Nguyên Lộc

Di cư vào Nam được mấy năm thì Thanh Nam cũng đành phải để cho mình rơi vào cái "bể trầm luân" của chính tôi. Cái bể trầm luân ấy không có nước mắt. Mồ hôi được thay cho lệ. Tôi muốn ám chỉ đến việc viết tiểu thuyết cho báo hàng ngày.

Nếu không có đơn đặt hàng thì chắc chúng tôi chẳng bao giờ nhào vô ngành đó, nó giống giống như làm công chức phần nào, kẻ hành nghề không còn tự do định đoạt về thời dụng biểu của mình nữa. Sống thường thì là có thể lười bốn năm hôm liền tiếp, chẳng cần viết chữ nào

hết. Nhưng báo hàng ngày đâu có để yên cho ta tha hồ mà lười. Khổ một cái là họ không để yên, nhưng ta lại cứ lười và đến phút chót, thường thì ta phải mò lại tòa báo để viết, tẻ hơn nữa, phải chun vào nhà in để viết, nơi đó không có bàn, thiếu ánh sáng, thiếu không khí, giữa mùa đông vẫn nghe nóng bức vô cùng. Đồ mò hôi là tại vậy. Còn nhớ anh Hoàng Anh Tuấn, mỗi lần phải chun vào nhà in của một tờ hàng ngày ở Sài Gòn, anh ấy phải cời trần ra, mặc quần đùi cẩn thận rồi mới dám vào. Vào xong, anh ấy ngồi xồm như các chị bán cá, vì ghế ở đó tởm quá, anh không đủ can đảm để ngồi theo cách bình thường. Anh này kén ghế lắm, nếu phải ngồi ở hiệu giải khát không mấy sang trọng, anh ấy cũng ngồi xồm như thường, bất kể thiên hạ, chẳng hạn như ở mấy cái bàn ngoài cửa hiệu giải khát Kim Sơn, đại lộ Lê Lợi, loại bàn mà Pháp gọi là Table de terrasse.

Nhà in Sài Gòn là nơi làm việc phản luật lao động nhứt thế giới, điều đó thì ai cũng biết, nhưng sao các tay viết lách lại chen vào đó để làm gì...? Tòa soạn của một tờ hàng ngày nghèo nhứt, vẫn không thiếu bàn. Ấy, người ở ngoài nghề không làm sao mà biết được chuyện bê bối của các tay viết tiểu thuyết cho báo hàng ngày, mà kẻ này là một. Phải chun vào nhà in, vì thợ sắp chữ họ gào họ hét, họ đòi bài, ta vào đó, xé giấy ra từng mảnh nhỏ, viết được ba bốn giòng chữ thì nộp cho một anh thợ để anh xếp chữ ngay, kéo không kịp in. Ta lại viết ba bốn giòng nữa giao cho anh thợ thứ nhì, nếu anh thợ nhứt khi nãy, làm chưa xong công việc. Chun vào nhà in để được gần thợ, hầu nộp bài cho nhanh ấy mà! Dĩ nhiên là bài không bao giờ qua tay các thư ký tòa soạn, mà các ông ấy cũng mong khỏi phải đọc bài, vì các ông chỉ có mấy mươi phút mà phải đọc hết năm tiểu thuyết, thì quá đau đầu.

Cái chuyện nộp bài từng giòng, vào phút chót tuy ít xảy ra, nhưng vẫn có xảy ra cho bất kỳ tay viết tiểu thuyết nào viết giúp cho nhứt báo. Thường thì các tay này viết ở nhà. Nhưng đừng tưởng là viết ở nhà là ít vất vả hơn. Như thế này: sáng ra, ta mang truyện đến nộp cho nhà báo. Xong rồi ta đi ăn sáng, và ta rất có thể gặp bạn. Đầu lảo với nhau độ hai tiếng đồng hồ, về tới nhà là đã mười giờ đúng. Một người bà con ở tỉnh lên chơi. Sáu tháng họ mới đến một lần thì ta không thể tiếp họ lơ là được. Ta tiếp khách thân suốt năm tiếng đồng hồ, bỏ buổi nghỉ trưa. Họ ra về xong thì ta buồn ngủ vì mệt. Ngủ dậy là đã chiều, và gần tới bữa ăn. Ăn cơm xong là đã tối. Có ai đó nhắc ta rằng đêm nay sẽ chiếu lần đầu phim Notre Dame de Paris, mà báo chí ngoại quốc khen là hay lắm. Thế là ta đi xi nê, xuất tối. Về đến nhà là 11 giờ đêm. Đã buồn ngủ rồi, thôi để khuya thức dậy sẽ viết đoạn tiểu thuyết phải nộp vào lúc bảy giờ sáng hôm sau.

Ta để kim đồng hồ cho nó reo hồi bốn giờ sáng. Đồng hồ đã làm tròn nhiệm vụ còn ta thì không, vì vào lúc bốn giờ đó, ta còn cần ngủ thêm, nên ta cứ mặc kệ cho đồng hồ kêu gọi. Chính vì thế mà hồi tám giờ sáng, ta mới phải viết trong các lò bát quái là các nhà in Sài Gòn. Phần lớn các kỳ bài của tiểu thuyết Đò Dọc, tôi đều đã viết như vậy, nhưng cũng không làm tròn nhiệm vụ. Tôi viết ít hơn khối lượng chữ phải nộp mỗi ngày, và để cho đầy cái ô mà nhà báo để dành cho tiểu thuyết của tôi, tôi đã hối lộ cho thợ nhà in, nhờ họ cứ cho xuống dòng mãi. Hễ tôi chấm câu, là họ phải xuống dòng. Về sau, khi tiểu thuyết này in thành sách tôi đã quên mất mưu trá cũ, cứ đưa báo cắt cho họ, không có bớt những lần xuống dòng lạm phát nên nhiều người đọc sách thường hỏi: "Quái sao cái anh tác giả này mắc chứng gì mà một trang sách, cho xuống dòng đến tám lần?"

\*\*\*

Thanh Nam tưởng chỉ có mình anh là gặp nạn đó, anh tâm sự về sự phiền phức đã xảy ra cho anh. Tôi cho anh biết rằng tôi cũng đã lâm vào cảnh đó trước anh nữa kia. Anh hỏi "Làm sao để thoát?"

Những gì mà tôi đã đáp với Thanh Nam, nhớ đâu tôi đã nói ra một lần nào, trong báo hàng tuần

nào đó ở Sài Gòn, tôi không còn nhớ nữa, không nhớ tên báo, nhưng nhớ thật rõ những gì tôi đã viết. Tôi nói với Thanh Nam như sau: "Tôi đã được quen biết với Nhất Linh. Tôi đã than với anh ấy là tôi tìm hứng khó khăn quá. Nhất Linh đáp rằng tìm hứng là lỗi làm việc không tốt. Phải noi gương Thạch Lam mới được, là mỗi ngày cứ nỗ lực viết một số trang nhứt định nào đó. Rồi thì nó sẽ quen đi, là sẽ làm việc được dễ dàng như thường mà chẳng cần hứng bao giờ..."

- Và anh đã nghe theo lời Nhất Linh ?

- Ừ.

- Kết quả ra sao ?

- Ban đầu khổ vô cùng, nhưng cũng đã gần đắc đạo rồi.

- Thật hay không nè ?

- Bảo đảm sẽ có kết quả.

- Tôi sẽ thử xem sao.

Tôi không nói đến vấn đề đó nữa. Thanh Nam cũng thế. Hai năm sau, chính Thanh Nam trở lại vấn đề. Anh nói: "Tôi bây giờ khác trước, tôi sợ viết tiểu thuyết cho báo hằng tuần, báo hằng kỳ, hơn là viết cho báo hằng ngày".

- Anh hết sợ báo hằng ngày thì tôi hiểu. Chắc anh đã áp dụng phương pháp Thạch Lam chứ gì ?

- Ừ, như anh đã gợi ý.

- Nhưng sao lại sợ báo định kỳ ?

- Là tại ta quên kỳ hạn và quên nộp bài. Còn với báo hằng ngày thì vì phải nộp mỗi hôm, ta không thể quên được.

Cả hai chúng tôi đều cười khà vì cả hai đều lâm vào cảnh quên nộp bài cho các báo định kỳ, không phải vì quá bận với báo hằng ngày mà vì quên thật sự.

\*\*\*

Một hôm Thanh Nam hỏi tôi :

- Thỉnh thoảng tạp chí Bách Khoa tiên liệu trong một câu ám chỉ rằng văn tài anh sẽ xuống thấp, chỉ vì quen viết vội cho báo hằng ngày, anh nghĩ ra sao về ý kiến đó ?

- Anh có nghĩ như Bách Khoa hay không nè ? Nếu có thì tôi mới đáp, bằng không thì đáp làm gì. Nếu anh không nghĩ như Bách Khoa, thì tức là anh nghĩ như tôi, tôi đâu có cần phải nói thêm gì.

- Tôi không bao giờ chú ý đến những điều Bách Khoa viết. Nhưng nghe tạp chí ấy nói, tôi cũng đâm lo cho anh, và cho cả tôi nữa.

- Tôi thấy là viết cho báo hằng ngày, không có hại gì hết. Ta đã nghe Nhất Linh, theo phương pháp Thạch Lam, tức viết mỗi ngày một số trang nhất định, vậy thì có giúp cho hằng ngày hay không, ta vẫn phải viết mỗi ngày cái khối lượng chữ đó mà, có phải vậy không nè ?

- Ủ. Và thế thì báo hằng ngày đâu có làm hai ta được ở điểm nào. Vậy tôi an lòng tiếp tục viết cho báo hằng ngày.

\*\*\*

Thanh Nam thường phàn nàn cái sở nào đó mà làm thể kiểm tra cho các công dân đã thành niên. Anh bảo rằng ở cái khoản nghề nghiệp, họ ghi anh là quân nhân, báo hại anh chẳng dám đi chơi đâu xa hết, thí dụ đi Đà Lạt, vì sợ cộng sản xét xe dọc đường, thấy anh quân nhân, họ sẽ mần thịt anh. Nhưng nếu không có cái thể kiểm tra báo đời ấy, chắc Thanh Nam cũng chẳng đi chơi đâu xa được. Viết tiểu thuyết cho báo hằng ngày rất giống người tù, phải có mặt luôn luôn tại cái thành phố mà báo hằng ngày đặt trụ sở. Đi Đà Lạt chơi năm bảy hôm thì trong khoảng thời gian vắng mặt, ai viết thay cho ta? Khổ lắm, nhà có tang, vẫn phải nộp bài như thường. Đây là kinh nghiệm bản thân. Nếu ta không nộp bài trong mấy hôm nhà ta có tang khó, nhà báo cũng không làm gì ta được nhưng ta mất tín nhiệm đối với họ, và họ sẽ không mời ta viết nữa. Sau khi cuốn tiểu thuyết ấy được đăng hết. Theo nguyên tắc, ta phải viết xong rồi mới bán cho họ thì ta không thể viện là quan hôn tang tể hay đau ốm để mà khỏi nộp bài. Nếu ta phải vào bệnh viện đi nữa, thì vợ con ta cũng phải mang bài đến cho nhà báo, vì nhà báo đâu có nhìn nhận tình trạng ta chưa viết gì hết lại dám nhận lời, còn để lấy tiền ứng trước, rồi mỗi hôm mỗi rặn từng bài.

\*\*\*

Dầu sao, Thanh Nam cũng đã là một tiểu thuyết gia, chứ không phải chỉ là nhà văn mà thôi. Nhiều nhà văn lười lác, nhưng không viết được tiểu thuyết bao giờ, nhứt là viết cho báo hằng ngày. Những người viết không được, không phải là những người dở đâu, tiểu thuyết là một văn thể, y hệt như phê bình là một văn thể. Không làm được văn thể nào đó, không có nghĩa là dở. Nhưng làm được thì vẫn tốt hơn là làm không được. Và Thanh Nam đã làm được, mà làm từng ngày cho báo hằng ngày nữa, chứ không phải làm xong rồi mới bán cho báo hằng ngày để họ in từng kỳ. Công việc này, ai chưa làm, cứ tưởng dễ, chứ nó rất là khó. Các nhà phê bình văn học sẽ nói: Tác phẩm có giá trị hay không, là do chính phẩm chất của nó, chứ nào phải do tình trạng khó tạo nó ra hay dễ tạo nó ra. Đánh là như thế, không cãi vào đâu được với nhà phê bình, nhưng tôi cứ nói ra, không phải để đề cao văn phẩm của Thanh Nam, mà để chỉ nói rằng Thanh Nam đã làm được một việc khó làm. Làm được một việc khó làm, cũng đã là một đức tính lớn, cần được nói tới chứ. Còn cái việc khó làm ấy, nó có đẹp hay không thì chỉ có các nhà phê bình mới đủ thẩm quyền khen chê. Đây là một người thường nói về một nhà văn, và ý kiến của kẻ nói ra, chỉ là ý kiến của người thường.

Và những người thường có lẽ sẽ hỏi: "Tại sao các anh lại để cho lọt vào cái mà các anh gọi là "Bê trầm luân" ?" Chẳng biết người khác thì sao, chứ Thanh Nam với tôi là vì sinh kế. Thuở đó, lương của công chức bậc trung mỗi tháng là bốn nghìn. Nhưng viết tiểu thuyết hằng ngày, mỗi tháng được bảy nghìn. Viết được hai cái mỗi ngày kiếm được 14 nghìn. Có người chủ trương rằng làm văn nghệ nên bất vụ lợi. Đó cũng là một quan niệm hay. Nhưng người ta trả tiền, mà vô điều kiện, không có đòi hỏi mình cái gì hơn là có bài mỗi hôm, chẳng lẽ mình lại chê tiền ? Nhận tiền nhuận bút nào có phản đạo đức gì đâu chứ. Làm nghề khác chưa chắc tự do hơn.

Thế nên khi tôi hỏi đùa Thanh Nam có bị mặc cảm gì chẳng trước dư luận của các tạp chí về văn chương của báo hằng ngày. Thanh Nam thành thật đáp :



- Sao lại mặc cảm ? Chắc anh không có, thì tôi cũng chẳng có.

\*\*\*

Nhưng Thanh Nam vẫn cứ thấy khổ, cái nỗi khổ nó cũng đã hành hạ tôi, như đã hành hạ Thanh Nam. Khi ta quen viết tiểu thuyết cho báo hằng ngày rồi, thì nếu chẳng có báo nào đặt cho ta viết, thì ta chẳng còn viết được gì nữa cả. Không anh nào còn đủ can đảm để viết một tiểu thuyết mà chưa chắc sẽ có ai mua, cho dầu đề tài của tiểu thuyết ấy được ta thương mến nhiều lắm. Bấy giờ thì nhà văn đã biến thành con trâu kéo cày, và y lại thích bị biến như vậy. Không có chiếc roi cày quát cho, y chẳng viết gì được hết.

Nghe đâu như là Honoré de Balzac, về sau cũng đã biến thành trâu cày như thế, và lắm khi nhà báo phải cho người đi lòng bắt ông ta về nhốt lại, ông ta mới viết được. Cả hai, Thanh Nam và tôi cũng đều không còn đủ can đảm hạ bút, nếu không bị thúc hối. Cái anh quân nhân đời nhà Đường cứ nằm trên cát khi Tỳ-Bà "mã thượng thôi", nhưng chúng tôi thì lại cần Tỳ-Bà thôi thúc, có bị thôi thúc mới làm việc được. Đó là một cái bệnh rất kỳ lạ, do thói quen của báo hằng ngày tạo ra. Bệnh này chắc là khó trị vì không có vi trùng nào hết, thì thuốc trụ sinh mạnh nhất cũng đành bó tay.

\*\*\*

Ở Sài Gòn có hai ông chủ báo hằng ngày, đó là anh Huỳnh Thành Vị và anh Phạm-văn-Tươi. Hai anh này cứ trách tôi sao không đưa cho hai anh vài bộ tiểu thuyết để hai anh được chọn lựa. Có lẽ Thanh Nam cũng đã bị hai anh ấy trách móc như thế.

Thế nên Thanh Nam và tôi chẳng bao giờ được dịp hợp tác với Huỳnh Thành Vị và Phạm văn Tươi. Đó là hai ông chủ báo không biết tẩy của bọn tôi, cứ ngỡ chúng tôi có sẵn lu bù tiểu thuyết trong học tủ, vì họ thấy báo nào mua truyện là chúng tôi có ngay, chưa bao giờ từ chối hợp tác với báo nào hết. Sự thật thì tuy có sẵn đề tài, nhưng chúng tôi chẳng có bao giờ viết ra hết, đợi có còm-măng mới cặm cùi viết, rồi sau đó, bị roi cày quát mãi, mới tiếp tục được hoài hoài. Đó là một thói xấu, nhưng đã mắc bệnh mà không thuốc chữa, thì đành phải chịu vậy.

Anh Lê Ngọc Châu, chủ nhiệm tạp chí Bách Khoa, mười hôm hoặc nửa tháng mới cho báo của anh ra một kỳ, lại còn nhát hơn các ông chủ báo hằng ngày nữa. Anh ấy nói: "Các anh viết cái kiểu đó, ngộ nhớ nửa chừng đường, các anh bí, thì tôi sẽ phân trần ra sao với độc giả". Nhưng kinh nghiệm đã cho thấy là chúng tôi chẳng có bao giờ bí hết. Thanh Nam lại còn dặn tôi: "Nếu rủi ro anh bí, cứ cho tôi hay, tôi sẽ mách nước thoát bí dễ dàng." Chẳng rõ mách lối của Thanh Nam ra sao, vì tôi chưa có dịp vấn kế người bạn đồng nghiệp đó.



Văn Học số 5, Tháng 6.1986  
Số đặc biệt "Tưởng Niệm Thanh Nam"

## Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay

(Buổi nói chuyện gồm 9 tác giả Mai Thảo – Viên Linh - Tạ Tỵ - Nguyễn Mạnh Côn Vũ Khắc Khoan - Thanh Nam – Sơn Nam – Bình Nguyên Lộc – Trần Thanh Hiệp)

\*\*\*

Miền Nam không thiếu các Tạp chí Văn học Nghệ thuật, song hầu hết là các báo ra hàng tháng, hay nửa tháng mới ra một số, lớp nhiều tuổi qui tụ trên các tờ *Văn Hóa tập san*, *Văn Hóa Ngày Nay*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*; lớp trẻ qui tụ trên các tờ *Sáng Tạo*, *Văn Nghệ*, *Hiện Đại*, *Thế Kỷ 20*... Nhưng báo văn chương ra hàng tuần, khoảng 1956 có tờ *Nhân Loại* của nhóm Tam ích, mãi 1965 mới có tờ *Nghệ Thuật* của Mai Thảo.

Và sau này, 1969 có *Khởi Hành*. Nghệ Thuật tuy chỉ sống trong 2 năm, 56 số, song là tờ báo văn chương đầu tiên in offset nhiều màu rực rỡ, chú trọng tới sinh hoạt, thảo luận bàn tròn, phỏng vấn, vốn là lãnh vực trước đó ít được khai thác. Khởi Hành vừa thu thập được đủ bộ *Nghệ Thuật*.

Nơi 9 tờ báo đăng tải bài ghi chép cuộc nói chuyện kể là kỳ thú giữa 9 tác giả, (*tới nay 7 người đã khuất bóng*), đề tài là "Nói chuyện về Tiểu Thuyết Việt Nam Hiện Nay." (1965).

Xin đăng lại dưới đây.

*Đặt vấn đề thực trạng tiểu thuyết Việt Nam lên mặt thẩm, chủ ý của Nghệ Thuật là đề cập đến một thực tế văn học, mà tầm quan trọng hàng đầu đích thực đang đòi hỏi những theo dõi và tìm hiểu thường xuyên, phía người viết cũng như phía người đọc tiểu thuyết. Thực tế tiểu thuyết Việt Nam hiện nay như thế nào? Thực tế đó nổi hình trong những hiện tượng, phát sinh từ những nguyên nhân, cấu thành bằng những động lực nào? Đó là những khía cạnh của vấn đề được trả lời bởi ý kiến những tác giả có mặt trong buổi nói chuyện mà những nét chính được ghi nhận tóm tắt sau đây. Cũng cần lưu ý: tinh thần cuộc nói chuyện khác biệt với tinh thần một cuộc tranh luận. Có thể cuộc nói chuyện không đưa tới một kết luận nào. Nhưng vấn đề đã được đặt ra. Và nhiều ý kiến hợp lại bao giờ cũng có hiệu lực của một chiếu sáng khởi đầu và cần thiết.*

\*\*\*



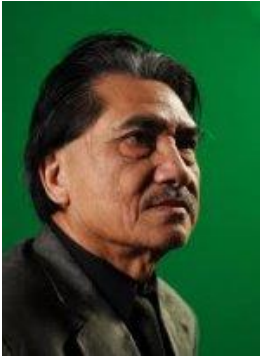
Nhà văn Mai Thảo  
(1927-1998)

### MAI THẢO:

Nói đến tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, không phải là xác nhận một trở thành đã hoàn tất, mà là theo dõi những chặng đường của một vận động đang tuần tự hình thành. Vận động đó là một vận động của ý thức, một vận động của nghệ thuật. Cũng là một vận động của một trí tuệ, của

đời sống. Mùa màng gặt hái chưa đầy tay. Chúng ta chưa có những tác phẩm lớn. Nhưng hiện tượng nhìn thấy là một viễn tượng tốt đẹp. Những nhà văn đáng nói đến nhất của chúng ta hiện nay đều thực hiện tác phẩm của mình qua một trường thành và một vượn tới nào đó của ý thức. Viết có suy nghĩ, có tìm kiếm, có thái độ. Mặc dầu còn một vài hiện tượng "nói dài" yếu hệt và lạc lõng, tiểu thuyết hiện nay đã được đặt ra khỏi vùng ảnh hưởng của tiểu thuyết tiền chiến. Đó là một trong những bằng chứng cụ thể về cố gắng đứng về phía cái mới ở những người viết bây giờ.

Vậy có thể khẳng định cho tiểu thuyết bây giờ như những công trình thực hiện đánh dấu cho một thoát ly và một phá vỡ đáng kể. Bằng *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền trước hết như một mở đường, rồi đến những tiểu thuyết mới nhất của Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu v.v. theo sau là một số người viết trẻ khác mà tác phẩm đầu tay nào cũng là một thí nghiệm táo bạo và cần thiết, chúng ta đã nhìn thấy thấp thoáng những chân trời và những ngã đường mới trên đó Tiểu thuyết Việt Nam đang đi tới. Thu hẹp, thì là chối từ những tiêu chuẩn nghệ thuật đã làm nên giá trị và lẽ phải của tiểu thuyết quá khứ. Nhìn rộng và sâu vào hiện tượng, thì là những người viết bây giờ thấy đều đã phủ nhận và xa lạ hoàn toàn với cái thế giới của những tác phẩm cổ điển.



Viên Linh

#### **VIÊN LINH:**

Tôi đồng ý với anh Mai Thảo về nhận định Tiểu thuyết Việt Nam hiện nay là một vận động tuần tự hình thành, nghĩa là đang thoát ly và phá vỡ. Nói như thế còn có nghĩa là đồng ý hiện tại là một đồ nát. Trong đồ nát thế nào cũng có viễn ảnh một kiến trúc mới nhưng đồng thời cũng còn có những kẻ thâm lợm với vữa thừa thải để kiểm ăn riêng. Vậy trước hết ta cũng cần thanh toán những kẻ xây sự nghiệp trên vài mảnh giá trị cũ, cho công trường chúng ta được quang đãng ạch sẽ.

Tôi tạm xin lỗi các anh để chia lô công trình hôm nay. Tôi chia tiểu thuyết Việt Nam hiện tại ra làm những loại sau đây:

- *Loại hữu sự*: Tiểu thuyết loại hữu sự kể một câu truyện nào đó mà câu chuyện ấy là chính. Tác giả nó lấy câu chuyện ấy để ngầy ngà người đọc qua mọi chi tiết. Nói một cách khác, nhân vật của loại hữu sự lúc nào cũng bận rộn với đạo lý làm người (*đã được xác định*) và lương tâm của hần: tâm lý ấy thông suốt cả cuốn chuyện. Loại này, theo tôi đi song song với cải lương.

- *Loại thời sự*: Gọi là thác loạn, gọi là tuổi hai mươi, khai thác những cái- buồn-nói-lên-lời của những tác giả thô thiển. Loại này đi song hành với tân nhạc cải cách và nhạc thời trang ngoại quốc.

- *Loại tâm sự*: Câu chuyện không còn là chính nữa mà cảm xúc là chính. Thứ tâm sự ở đây có cái ướm át trữ tình, có các nhân vật phong nhã. Loại này đi song song với thơ tiền chiến, hiện đang còn kéo dài.

- *Loại vô sự*: Vô sự ở đây không có nghĩa là không có chuyện gì mà là có rất nhiều chuyện trong một tác phẩm, rất nhiều nhân vật, rất nhiều mặt được nói đến. Cái chính không còn là câu chuyện, nhưng là sự việc, sự vật, là tất cả cái gì trông thấy kể cả không khí, cái vẻ, cái bóng của cuộc sống. Loại này đi song song với Thơ Tự Do.

Thâu tóm ý kiến vừa trình bày, tôi thấy loại tiểu thuyết hữu sự sẽ còn kéo dài vì nó cần thiết cho những người đọc vô sự, và loại tiểu thuyết vô sự đang tiến tới một cách hùng vĩ, vì nó là công việc của người làm văn học nghệ thuật hữu sự. Nói cách khác, loại trên chỉ có giá trị với độc giả, còn chính những người viết ra nó thấy đều vô ích cho nghệ thuật.

### TA TÝ:

Đồng ý với Mai Thảo là người viết hôm nay đã đẩy người đọc đứng chung trên điểm khởi hành. Nhưng ý thức tiến lên lại là chuyện khác. Chúng ta, người viết, không thể loại bỏ cuộc sống vì cuộc sống tạo thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn kích động nghệ thuật và hình thành những trào lưu nghệ thuật mới. Nhưng chúng ta đừng quên chính cuộc sống đã giết những trào lưu đó một khi không còn thỏa mãn được đòi hỏi cấp bách của tâm hồn con người. Bởi vậy một trào lưu nghệ thuật sống được là nhờ sức sáng tạo dồi dào và thành đạt của nó. Nó phải cố gắng dù rằng cố gắng với nỗi bi thảm dằng dặc. Nó là hiện thân của nghệ thuật.



Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn  
(1920 - 1979)

### NGUYỄN MẠNH CÔN:

Vấn đề tiểu thuyết là một vấn đề lớn. Lớn như đời sống của một dân tộc, vì - đáng lẽ phải thế - tiểu thuyết thể hiện đời sống của dân tộc. Cuốn tiểu thuyết nào làm được như vậy sẽ được gọi là "*tác phẩm lớn*" của thời đại - của một thời đại.

Nhưng ở Việt Nam chưa có tác phẩm nào lớn, tại sao?

Tôi muốn nói về cuộc sống thu hẹp trong thành phố, hoặc giả có điểm thêm một vài chuyện đi "*đi cho nhanh để về cho sớm*" không cho đa số những người cầm bút hiện nay là hy vọng của chúng ta, được biết gì về những biến động to lớn khủng khiếp đang xảy tới bên ngoài Sài Gòn.

Tôi không chối người ở trong Sài Gòn cũng lo nghĩ, cũng đau đớn. Nhưng kẻ không có đồ máu không thể hiểu cảm giác của người cụt mất chân tay. Mà chính những người đó mới làm nên cuộc sống thật, cuộc tranh đấu thật, dù ngã về phía nào cũng thế. Một cuộc ly dị đang thành hình. Tôi sợ những người cầm bút trẻ không làm gì khác hơn được là viết mãi về hệ phố,

với những tư tưởng quanh về *"thái độ sống"* tuy có thâm trầm nhưng hết sức trưởng giả và vô cùng ích kỷ.

Tôi không có chủ tâm *"làm luân lý"* ở đây. Nếu chúng có lợi cho người cầm bút thì *"trưởng giả"* hay *"ích kỷ"* cũng có thể được coi là tốt. Điều tôi sợ là chúng sẽ làm cho người nghệ sĩ rời xa cuộc sống thật, để xác nhận cuộc sống *"giả vờ"* là cuộc sống thật. Quan niệm *"giả vờ sống"* là quan niệm hiện sinh của một số tác giả. Tây phương có đời sống quá đầy đủ và tương lai quá bảo đảm, có thể không cần biết đến đại chúng; hoặc giả, do nền nếp đã vững chắc của ngành xuất bản, có thể uốn nắn cả ý thức hưởng thụ nghệ thuật của đại chúng.

Tôi không tin - đồng thời cũng không muốn - trạng thái ấy có thể đến trong xã hội Việt Nam. Một phút trước khi Khuất Duy Hải chết với chiếc trực thăng rơi, người ta không thể nói anh *"giả vờ"* làm phóng viên cho đài Sài Gòn. Một ngày sau trận đánh lớn, đứng ngấm hàng trăm xác chết của đồng bào - toàn là thanh niên - có ai nữ bảo họ giả vờ chiến đấu và đang giả vờ chết? Tôi nghĩ rằng J.P. Sartre có trở lại và được tham dự cuộc sống trên đất nước ta, từ ngoại ô Sài Gòn trở ra, nhà văn này sẽ phải xác nhận rằng quả có một cuộc đấu tranh đích thực với những giá trị xác thật và tâm tư đích thực. Ông ta sẽ viết về cuộc đấu tranh ấy. Hoặc nếu ông ta vì lẽ gì đó mà không ra khỏi đô thành được, thì cuộc sống ào ạt, mãnh liệt của một số đại chúng chiếm tỷ lệ rất lớn, sẽ đặt ông ta trước sự lựa chọn một là xác nhận, và tích cực tham dự cuộc sống ấy, rồi thể hiện nó vào tác phẩm; hai là phủ nhận nó, cứ lợi dụng những điều kiện sống (*dù sao cũng còn*) để dãi của một văn sĩ có độc giả, mà chối bỏ trách nhiệm, dựng đứng lên cái bộ mặt lập dị lơ mơ, lạc lõng, mà đồng thời cũng kiêu ngạo, dối trá của những *"nhà trí thức đứng trên cuộc sống."*

#### **MAI THẢO:**

Đối với người đọc, cái mà người viết bây giờ đã thực hiện được, là đã đẩy được người đọc mình đến đứng chung với mình trên một điểm khởi hành mới, thỏa thuận gia nhập với mình vào hành trình mới, cũng cảm thấy cần thiết như mình là phải có những thí nghiệm mới, đưa tới những khám phá và những thực hiện mới. Nội dung tiểu thuyết hiện nay dồn đuổi người đọc ra khỏi cái tinh thần thường ngoạn bình yên hằng cửu là thái độ xưa cũ của người đọc trước những tác phẩm cổ điển. Tác phẩm cổ điển là những cuốn kinh thánh bằng văn chương. Đọc và tin. Giữa tác phẩm cổ điển với tác giả cổ điển và người đọc là một trạng thái chấp nhận và thỏa thuận hoàn toàn về đời sống và cho chính bản thân người đọc.

Đọc bây giờ khác. Đọc không còn đem lại yên ổn cho tâm hồn, mà trái lại, tiểu thuyết bây giờ bảo người đọc là cuộc đời không phải như vậy đâu, như trong những tác phẩm cổ điển. Bằng những lột trần tàn nhẫn, bằng những đào sâu xuống những tầng đáy chưa khám phá của tiềm thức và tâm linh, tiểu thuyết chúng ta hiện nay đã thành công một phần nào trên ý tưởng đem lại cho người đọc một đòi hỏi mới, tạo cho người đọc một nhận thức mới. Nói khác, ở người đọc đã có một thái độ mới về tiêu chuẩn thường ngoạn. Qua tiểu thuyết chúng ta hiện nay, người viết và người đọc đã gặp nhau trên một đất đứng chung. Đó là những bản khoản đòi xét lại.



Họa sĩ Tạ Ty tự họa  
(1921-2004)

### **TẠ TY:**

Nói rằng thất bại hay chưa đạt tới mức độ của cái mới hoàn toàn, tôi cho như thế chưa đúng. Tôi muốn nói, sự tồn tại của tiểu thuyết không phải do sự đạt tới hay trưởng thành mà chính ở những băn khoăn và chưa-tới-nơi ở mỗi con người viết cũng như người hưởng thụ. Nói đến tiểu thuyết hôm nay là nói đến sự vươn tới, sự bứt đi của mỗi đam mê, thôi thúc.

### **VIÊN LINH:**

Về liên quan giữa người đọc và người viết, tôi xin dùng lại cái hình ảnh kiến trúc. Trong những tiểu thuyết cổ điển, mà tôi gọi là tiểu thuyết hữu sự, kiến trúc đã hoàn toàn xong, hoàn toàn hoàn tất khi người đọc bước vào, ngự ở trong đó, xoay chuyển nhìn ngắm những cái đã bày biện sẵn ở trong đó. Với những người viết mới, kiến trúc không bao giờ hoàn tất, nghĩa là người thường ngoạn bước vào đó không để ngự ở trong đó. Họ phải góp sức, họ phải cùng tạo tác với tác giả.

Đẩy mạnh nhận định này, nảy sinh những vấn đề sau đây:

- Giá trị một cuốn tiểu thuyết không-phải-bây-giờ vốn đã nằm sẵn trong số lượng độc giả có sẵn. Độc giả nhiều là cuốn sách có giá trị. Độc giả ít là tác giả tầm thường. Nói như vậy cũng có nghĩa là người ta viết để phục vụ một phương trình so sánh 2 phân số: mà phân số thứ hai bao giờ cũng lớn hơn phân số thứ nhất: làm sao được, khi độc giả là độc giả có sẵn, chiếm được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

- Với những nhà văn mới, tôi thấy họ từ chối số độc giả có sẵn: Tác phẩm sẽ tự tạo một khối độc giả mới. Vậy khi số thành không lớn, thì không phải tác phẩm không được đón nhận nhiều, mà bởi vì chính tác giả nó không chấp nhận phân số thứ hai, không làm một bài so sánh hai phân số.

Theo ý tôi hiểu thì anh Mai Thảo khi nói về liên quan giữa người đọc và người viết, đã dường như coi người đọc là một khối cố định. Anh chỉ nói đến tác phẩm cổ điển và tác giả cổ điển. Tôi muốn thêm: còn có những độc giả cổ điển nữa. Tuy nhiên, độc giả mới Việt Nam bây giờ rất ý thức, rất nhiều, theo một tỷ lệ tương đối với nó cách đây 5, 10 năm. Nếu có ý kiến thắc mắc tại sao còn nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới, *(cũng như nhiều người còn thích thơ tiền chiến hơn thơ tự do)* tôi xin được trả lời: ở đâu cũng vậy, kẻ dờ nhiều hơn người hay.

Vậy thì, ở phía nào người viết và người đọc cũng có một mảnh đất chung hết, cái khác là mảnh đất ấy nó như thế nào mà thôi, một vườn hoa có rào dậu hay một khu rừng biên giới. Một Vương quốc hay một lãnh thổ Cộng Hòa. Nhân đây tôi cũng muốn nói với một số anh em đồng

tuổi vắng mặt: có nhiều người không biết rằng các anh đang ấp ủ những tác phẩm riêng, hay đang viết, điều ấy không có giá trị gì hết: họ ở ngoài lãnh thổ Cộng Hòa của chúng ta.

#### **MAI THẢO:**

Thất bại, đúng hơn là điểm chưa đạt tới được của những tiểu thuyết hiện nay, là người viết đứng về phía cái mới nhưng chưa hình thành được châu đảo, biểu hiện được sinh động thể nào là cái mới. Tiểu thuyết mới chỉ là một động lực phá vỡ được cái cũ mà chưa là một hiện tượng sáng tạo cấu thành được cái mới. Cho nên, nó chỉ mới tác động được ở người đọc như một lay chuyển bàng hoàng, nâng được cái việc đọc lên bình diện một suy nghĩ cần thiết, một đòi hỏi duyệt lại, một nhu cầu tìm kiếm. Và dừng lại ở đó.

Còn thuyết phục được người đọc, làm ánh sáng, kim chỉ nam, ý thức dẫn đường cho người đọc bắt gặp được thực trạng đời sống thì chưa. Thất bại vừa nêu ra, theo ý tôi, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Người viết chúng ta chưa tích lũy được một vốn sống đầy đủ. Nhận thức về đời sống của người viết chúng ta cũng chưa thấu triệt và toàn diện. Những tiểu thuyết có ý thức nhất của chúng ta hiện nay mới chỉ là những hòn đá thăm đường. Nghe thấy cái tiếng động của hòn đá ném tới. Nhưng chưa nhìn thấy sự thực hiện hình trên nơi chốn hòn đá ném tới. Dẫn được người đọc đi theo. Nhưng chưa dẫn được người đọc tới nơi.

#### **VIÊN LINH:**

Nếu động lực mới chưa thành một cái nền, thì không phải là nó thất bại. Nó còn đang đi và nó chưa ngừng lại cũng như nó chưa quay đầu về. Tuy nhiên, quả là động lực ấy chưa được dùng hết, dường như vì vấn đề mục đích, một vấn đề cổ điển: viết để đi tới đâu, trong lúc này?



Nhà văn Vũ Khắc Khoan  
(1917-1989)

#### **VŨ KHẮC KHOAN:**

Viết tiểu thuyết hôm nay theo tôi chỉ là một phương tiện thiếu thốn khả năng để con người bắt lực tự thực hiện.

#### **TA TÝ:**

Tiểu thuyết không phải là một bài học luân lý hay đạo đức. Nó là cuộc sống với những khía cạnh tốt và xấu. Tôi tin rằng, không có một người viết nào khi cầm viết lại mang ý nghĩ khuyến dụ hoặc khích động con người lao vào tội lỗi, mà chính ra họ chỉ trình bày, hình dung và diễn đạt những-chứa-chấp-không-kìm-hãm được mà họ đã chịu đựng trong dân vật, đón đau tốt độ. Sinh hoạt văn học không phải là sinh hoạt phóng nhiệm, vì vậy đứng trước sự băng hoại tất nhiên của một dòng sông nào đó, con người có mặt phải phản ứng và phản ứng trung thành đến thô bạo những gì cần phải nói. Tiểu thuyết hôm nay không còn và không thể mang tính



chất văn chương thuần túy mà nó cần phải nói lên, nói thật to tiếng nói của con người với tất cả thẩm quyền thiêng liêng mà nhân danh con người nó- có-được.

**VŨ KHẮC KHOAN:**

Người viết tiểu thuyết giờ đây cô đơn và ích kỷ. Nó không kêu lên, như Nguyễn Du:

*Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*  
Nó viết cho nó.

**TẠ TỰ:**

Điều làm cho chúng ta thắc mắc, không phải là sự sợ hãi với viễn tượng đau buồn của chiến tranh hay niềm tuyệt vọng của con người trước vũ trụ mà chính ra người làm văn chương cũng như người hưởng thụ cho đến nay vẫn chưa có ý niệm chân xác về giá trị và sự trường cửu của văn chương trong ý thức tuyệt đối. Bởi thế, tiểu thuyết vẫn được hình dung như những miếng vá trên cuộc sống tả tơi chứ chưa hình thành một nguồn động lực luân lưu, dào dạt, xô vỡ mọi ý tưởng thoái hóa, đầu hàng. Tôi vẫn nghĩ, mãi mãi nghĩ rằng tiểu thuyết phải mang trách nhiệm về sự hiện diện của con người toàn bộ với mọi khía cạnh sắc bén để chứng minh sự cao quý của nghệ thuật và cuộc sống lớn bên ngoài. Đó là ý nghĩa duy nhất của tiểu thuyết.



Thanh Nam

**THANH NAM:**

Những năm trước, khi ngồi vào bàn viết cầm đến bút là tôi nghĩ ngay đến độc giả. Truyện này tôi sẽ viết cho ai? Lớp độc giả nào đó sẽ đọc tôi? Và tôi hình dung thấy họ. Cốt truyện do đó không còn là của tôi nữa. Tôi sống, tôi nghĩ, tôi hành động theo những nhân vật của tôi. Như một số feuilletons tôi đã viết và đã in thành sách trong thời gian gần đây, tôi đã đóng vai một người kể chuyện cho một số người nghe hơn là một nhà văn viết một tác phẩm cho chính mình. Nói thẳng ra, tôi viết để sống. Tôi không chối cãi là ở những cuốn truyện đã có nhiều non kém, còn nhiều cẩu thả. Tôi cũng không ân hận gì về những điều đó. Tôi phản đối thái độ phủ tay trách nhiệm để nguy trang cho mình một khuôn mặt trí thức, tiến bộ. Tôi đứng về phía những anh em sống bằng ngòi bút, sống bằng cái nghề viết feuilletons khốn nạn ở xứ sở này. Nhưng tôi cũng không đồng ý với một vài đồng nghiệp của tôi đã hài lòng để tự khoác lên người mình cái danh hiệu văn sĩ, tiểu thuyết gia, vội vã nhận ngay chút danh vọng nhất thời, chút tên tuổi phù du để nghĩ rằng như vậy là đã đủ, đã có quyền tự mãn.

Luôn đây, tôi cũng phản đối hai ý kiến quá khích của Viên Linh. Đó là việc Viên Linh đã chia... tiểu thuyết như chia lô đất để rồi kết án những kẻ đã thâm lượm vôi vữa thừa thải để kiếm ăn riêng. Tôi nghĩ lời kết án đó có hơi nặng nề đối với những anh em kiếm sống hằng



ngày bằng ngòi bút, những người mà theo tôi biết khi cầm bút chọn nghề cũng đã ôm ấp, nâng niu rất nhiều hoài bão nhưng cuối cùng đành phải thỏa hiệp với cuộc sống.

Ý kiến thứ hai của Viên Linh mà tôi không đồng ý là Viên Linh đã... kết án độc giả. Anh giải quyết thắc mắc của Mai Thảo một cách quá dễ dãi, hờn nhiên khi phân tách tại sao nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới và cho rằng ở đâu thì kẻ dở Cũng nhiều hơn người hay.

Sự thật, theo tôi nghĩ, kẻ dở và người hay ở đây không phải là độc giả mà là người viết. Chính người viết phải trách nhiệm lấy tình trạng đó chứ không thể trách lời xói mòn... kẻ dở (*người đọc*) nhiều hơn người hay. Phải tìm hiểu thêm nữa, như người bán hàng tìm thị trường tiêu thụ, phải nghiên cứu tại sao món hàng này chạy, món hàng kia ế chứ không thể đơn giản kết luận rằng tại khách hàng không biết giá trị của loại hàng. Vấn đề này thật ra tế nhị vô cùng, phạm vi một buổi nói chuyện không thể cho tôi trình bày được hết ý kiến và tôi rất mong sẽ được trở lại trong một kỳ nói chuyện khác.

Nói vậy không có nghĩa là tôi chống lại những ý kiến mà từ đầu các anh đã nêu ra trong buổi nói chuyện này. Tôi hiểu rõ nỗi băn khoăn của người cầm bút hôm nay. Viết cái gì? Viết để đi tới đâu trong lúc này?

Xin thú thật là chính tôi- người cầm bút như một dũng sĩ sử dụng một đường gươm quen thuộc, theo lời Mai Thảo nói, cũng cảm thấy băn khoăn, lúng túng trước vấn đề đó. Thế nên, như tôi đã nói lúc đầu, những năm trước khi ngồi vào bàn viết là tôi đã nhìn thấy ngay độc giả của mình, viết dễ lắm, dễ hết sức. Bây giờ, tôi chịu. Không thể hình dung ra độc giả của mình là ai nữa. Không hiểu rằng tại mình mệt mỏi hay là tự cảm thấy độc giả đã mệt mỏi vì mình rồi?

Tôi vốn ngại thảo luận và rất sợ bị phát biểu ý kiến, hôm nay nói như thế này kể cũng là quá nhiều rồi.

Xin nhường lời để anh Sơn Nam cho biết thêm ý kiến.

#### **SƠN NAM:**

(Tác giả *Hương Rừng Cà Mau* cười nói đồng ý, đồng ý nhưng không nói rõ đồng ý ở điểm nào)



Bình Nguyên Lộc

#### **BÌNH NGUYỄN LỘC:**

Theo tôi, những độc giả không có khuynh hướng xã hội cũng đang chờ đợi những cái gì mới lạ hơn, cái đó không phải là sự siêu hình (*ở đây nên dùng danh-từ trừu tượng thì đúng hơn*) của những tiểu thuyết gọi là tiểu thuyết mới. Họ chỉ cần một sự mới xoàng xoàng của quan niệm

thứ nhì về tiểu thuyết mà thôi. Xin nói rõ thêm rằng độc giả đây là đại- đa- số trung lưu, chứ không phải bình dân đại chúng, mà cũng không phải một thiểu số trí thức.

### **NGUYỄN MẠNH CÔN:**

Tôi không có ý bênh vực một lập trường "dấn thân" hay thóa mạ một lập trường "ngụy tín" nào hết. Tôi đã nói bất cứ lập trường nào cũng tốt, nếu nó đưa đến những tác phẩm lớn. Tôi chỉ sợ rằng các tài năng hiện tại của chúng ta - tôi không có ý gì giấu cợt - vì quá bận vào việc đi tìm bản thân (*l'étant*) nên họ không có dịp tự thể hiện bản ngã (*l'être*), nên chẳng bao lâu về sau, họ sẽ bị qua mặt bởi đại chúng về tâm lý. Và như thế chẳng hóa ra đáng tiếc lắm hay sao?

Một bạn quen đã hỏi tôi: - Như vậy nhà văn phải làm gì về "sống thật"? Câu hỏi thật khó, mà tôi không có bản phạn trả lời. Vì sao? Vì ai có ý thức, người đó sẽ tự trả lời sao cho hợp với các điều kiện khách quan, chủ tâm của hẳn. Tôi không ngu dại đến độ muốn làm thầy thiên hạ. Tôi chỉ nói lên sự lo lắng của tôi - lo lắng giữa hy vọng. Vì tôi không chối rằng hiện chúng ta có nhiều cây bút có thiên tư rất lớn. Kể cả ngành viết tiểu thuyết về tuổi thiếu niên - vốn dĩ là một ngành rất khó - cũng có những cây bút có triển vọng lạ lùng. Tôi chỉ sợ rằng, dù muốn dù không, một số nào đó trong họ vẫn còn chịu ảnh hưởng của những tác giả Tây phương cận đại (*khí họ mới vào đời, bắt đầu muốn đập phá, thì gặp ngay những bậc thầy về đập phá: họ tin chỉ có mình mới hiểu những bản khoán về cuộc sống: chẳng khác những người mới được đọc Karl Marx lần đầu, bao giờ cũng tin chỉ có họ mới hiểu trạng thái "vong thân" của con người xã hội tư sản!*) Họ đóng chặt cửa đưa vào khu vực kiến thức, không chịu tìm và cũng không tiếp nhận những tư tưởng hoặc cũ hơn - ví dụ của Khổng Tử - hoặc mới hơn, của khoa học. Họ đào sâu vào tâm hồn của chính họ và từ chối sự tiếp tay của người chung quanh. Theo chủ thuyết hoài nghi, họ là những người hay nói những lời quả quyết nhất. Đó là cái thảm trạng của con rắn cắn phải cái đuôi của chính nó.

### **VŨ KHẮC KHOAN:**

Nhìn ra cuộc sống có nhà lầu, có người, có ánh trăng, bỗng người ta bắt gặp một hẻm nhỏ. Người ta bỗng nhiên thấy tự ràng buộc với cái hẻm nhỏ này. Cái hẻm nhỏ trở thành một cái cớ. Để đi sâu vào, để đào sâu hoắm thêm vào nữa. Để có lẽ đi tìm một hình ảnh của chính mình. Để có lẽ bắt gặp chính thân nhân của mình. Hẻm có thể khai thông. Mặt trời mọc phía bên kia hẻm nhỏ. Hẻm có thể đen ngòm hơn trước. Narcisse nhìn thấy Narcisse. Con người có thể nhìn thấy, phản ảnh qua mặt nước suối trong, một bộ mặt Satan. Tác giả và độc giả tiểu thuyết hôm nay là như vậy.

### **MAI THẢO:**

Nếu dùng một hình ảnh để diễn tả tâm trạng của người viết tiểu thuyết bây giờ, cũng như để diễn tả tác động của tiểu thuyết bây giờ đối với lớp người thường ngoạn, thì đó là hình ảnh ngầy ngất choáng váng của một kẻ lú lẩn đầy lâu năm trong hầm tối, bước những bước lảo đảo đầu tiên giữa vùng mặt trời chói lọi của một ý thức được giải phóng và tự do. Tôi muốn nghĩ những tiểu thuyết hay nhất của chúng ta hiện nay là những bản tuyên ngôn, những bài đề tựa mở đầu cho những công trình sáng tạo đích thực chưa có nhưng tất yếu phải có.

Nói là thí nghiệm cũng không đúng hẳn, nhưng nói là từng người chúng ta đang tự chia sẻ trong một hướng tới song song và đồng thời về rất nhiều ngã đường. Ngôn ngữ, bút pháp, đất đai trên đó tiểu thuyết chúng ta đang được xây dựng, thầy đều còn nằm trong giai đoạn vận động hình thành bằng những kết tinh, chọn lựa và kiếm tìm nhiều mặt. Điều đáng ghi nhận nhất là những cuốn kinh thánh văn chương một thời là những tác phẩm cổ điển đã được cả người viết và người đọc đồng lòng xếp vào bảo tàng văn.

### **TRẦN THANH HIỆP:**

Cách đây hơn 5 năm, chúng ta đã có dịp nhận định về tiểu thuyết Việt Nam trong khuôn khổ một cuộc thảo luận về vấn đề nhân vật trong tiểu thuyết. Hồi đó chúng ta có thái độ hơi khe khắt. Không phải vì chúng ta muốn khe khắt mà tại vì chúng ta phải chối bỏ một số khuynh hướng bảo thủ, suy tôn vô điều kiện cái cũ. Thời gian vừa qua đã chứng tỏ rằng muốn có tiến bộ phải có sự đoạn tuyệt với quá khứ dù rằng sự đoạn tuyệt ấy chỉ có thể hữu ích nếu nó được thực hiện theo đúng "biện chứng" tiến hóa.

Gần đây, nhận định chung về văn nghệ, tôi có dự đoán rằng trong vòng mười năm nữa, những người cầm bút tại miền Nam - tất nhiên có cả những người viết tiểu thuyết - chắc chắn sẽ sáng tác được những tác phẩm lớn có nhiều giá trị. Được yêu cầu trình bày ý kiến về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, tôi thấy vẫn còn có thể giữ nguyên lời dự đoán lạc quan của tôi. Nhân dịp này, tôi xin nói thêm một vài ý nghĩ khác của tôi cũng về vấn đề tiểu thuyết Việt Nam.

Trong số các tác phẩm ngoại ngữ được nhiều người đọc nhất hiện nay ở đây có những tác phẩm của trường phái "*Tiểu Thuyết Mới*" (Nouveau Roman) mà đại diện là Alain Robbe-Grillet và Nathalie Sarraute. Cái mới dễ nhận nhất trong tác phẩm của họ là một bút pháp đặc biệt được mệnh danh là "*chủ nghĩa khách quan*." Rồi đây bút pháp ấy có thể sẽ được sử dụng tại Việt Nam trong những tác phẩm sắp thành hình.

Didier Anzieu trong tạp chí "*Les Temps Modernes*" số 233 tháng 10- 1965 có viết rằng tiểu thuyết của A. Robbe Grillet giống như những cảnh trống rỗng trong đó diễn ra những biến cố vô nghĩa và rải rác dăm ba đồ vật vô ích, không có ý nghĩa gì đối với con người. Người đọc chán ngán và mệt mỏi. Nhưng nếu chịu khó đọc thì sẽ thấy xúc cảm mạnh mẽ và sâu xa mà không thể hiểu thấu về nguồn gốc của sự cảm xúc đó là ở đâu. Đó là một sự cảm xúc thuần túy và huyền bí. Một sự giải thích không làm cho chúng ta hài lòng.

Tuy nhiên, các ý kiến của Lucien Goldmann trong quyển "*Pour une sociologie du Roman*" có thể làm sáng tỏ quan điểm của Didier Anzieu. Theo L. Goldmann thì bút pháp của Robbe-Grillet đã là chứng tích của một thời đại trong đó con người trở nên thụ động hơn trước đối với đồng loại cũng như đối với ngoại vật. Vì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hậu bán thế kỷ XX đưa tới hậu quả là một sự tiêu hủy bất cứ một sự quan trọng nào của cá thể trong các cơ cấu kinh tế và do đó trong toàn thể đời sống xã hội, một đời sống mà giá trị đổi chác và giá cả quan trọng hơn những đặc tính cố hữu của con người hay đồ vật. Có thể chúng ta không hoàn toàn đồng ý với L. Goldmann với cách giải thích của ông về trường phái Tiểu Thuyết Mới.

Nhưng về phương diện thực tế, một bút pháp chủ quan tuyệt đối để thiết lập nên những tương quan mới giữa người với người với ngoại vật bằng một sự đồng hóa (*người=vật*) vẫn có hậu quả là phi- nhân-hóa con người.

### **VŨ KHẮC KHOAN:**

Từ Nietzsche, con người mất yên ổn, cái thế yên ổn người công dân lương thiện nhìn lên trên thấy Thượng Đế luôn luôn mỉm cười hiền hậu, đi ra ngã tư thành phố thấy ông đội xếp cầm gậy chỉ đường. Tâm trạng bất ổn này phát sinh tự Châu Âu, nơi trạm định cư đầu tiên của Thượng Đế, nơi thiết lập trung tâm huấn luyện của lứa đội xếp đầu tiên. Tâm trạng này, hôm nay, đã vượt nhiều biên giới, đã trở thành tâm trạng chung cho đa số thế hệ hôm nay, với một vài dị điểm địa phương. Ở đây, hôm nay cũng vậy. Bởi thêm vào Nietzsche còn bè lũ Marx, còn Freud, còn Sartre và đồng bọn, còn SKZ, còn B52. Thế hệ tiền chiến đã cảm thấy bất ổn trong cái thế giới trung hiếu tiết nghĩa. Thế hệ hôm nay dĩ nhiên cũng đã thấy ngọt ngào trong không khí một áp Quỳnh Nê, một bến đò Gió.

### **TRẦN THANH HIỆP:**

Tiểu thuyết Việt Nam trong một xã hội Việt Nam cổ truyền đang biến chuyển, nhưng chắc chưa thể tới mức độ của các xã hội tư bản tiên tiến nhất hiện tại - liệu có thể dung nạp được những tác phẩm kiểu trường phái Tiểu Thuyết Mới hay không?

Câu trả lời dành cho tương lai nhưng tùy thuộc phần lớn vào ý thức sáng tạo của những người cầm bút bây giờ.

### **VŨ KHẮC KHOAN:**

Thiên nhiên quần quai, con người méo mó trên họa phẩm. Nhạc điệu hoặc hiện nguyên hình, thuần chất là nhịp ngày một điển bái [*chắc in sai, không hiểu là gì?*] của trống da đen, hoặc mất hút trong những vần thơ bất đắc dĩ tự mệnh danh là Thơ tự do. Kèn trompette Armstrong bỏ bạn đồng hành yên phận, nổi loạn đào ngũ, rít lên từng cơn tuyệt vọng.

Và tiểu thuyết dĩ nhiên cũng vậy. Đừng hỏi tại sao. Không có tại sao gì cả, khi những người con gái Sagan lại đắm mình trong lời nhạc Prévert, lại không biết ngon mà vẫn uống từng hơi Vạt 69, không có tại sao gì cả khi họ yêu một cách rất bức mình. Tôi nghĩ rằng tôi cảm thông với tiểu thuyết hôm nay. Có thể tôi hiểu sai. Nhưng tôi không thích tiểu thuyết hôm nay.

*Tác Giả của báo Nghệ Thuật  
(Khởi hành số 192&193, Tháng 10&11.2012)*

## **Thung lũng da đỏ Indiantown Gap, 1975**

### **Viên Linh**

Ngày 3 tháng 8, 1975, tôi xuất trại Indiantown Gap ở tiểu bang Pennsylvania để đi Washington, D.C., Thanh Nam lo lắng vô cùng. Trong thời gian sửa soạn rời Sài Gòn, không một ngày nào, mỗi chiều đi làm về, tôi không dừng cái xe Lambretta trước nhà anh trong ngõ Lý Thái Tổ, gần tiệm phở Tàu Bay. Đó là do anh yêu cầu: mỗi ngày phải ghé cho anh biết tình hình tin tức đi hay ở ra sao. Cũng không mấy khó vì tôi cũng ở đường Lý Thái Tổ. Chúng tôi trước đó đã quyết định đi cùng với nhau, nếu phải rời đất nước.

*Cổng trại Indiantown Gap, tháng 5, 1975, là trạm chuyển tiếp người tị nạn Cộng Sản Việt Nam tại miền Đông Hoa Kỳ. Một vài trí thức văn nghệ sĩ miền Nam đã tới đây trước khi đi định cư có Nghiêm Xuân Hồng, Cao Văn Luận, Thanh Nam, Túy Hồng, Viên Linh,... Tác giả Viên Linh đã trở lại thăm trại cũ vào năm 2009, như trong hình. (Photo by Ilene Rosenberg, visiting professor of Art at Penn. State University)*

Đây cũng là một cái duyên hơi lạ thường.

Không biết vì nguyên do nào, tháng 11, 1974 tôi được mời làm việc cho Đài Mẹ Việt Nam, một đài bí mật phát thanh thẳng ra Bắc từ một trạm phát tuyến ở Đông Hà. Nơi làm việc là Nhà Số 7 đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn. Chỉ biết tôi được mời cấp tốc, không qua một thủ tục nào, dù đài trực thuộc Tòa Đại Sứ Mỹ [Xem Frank Snepp, Decent Interval, đoạn nói về sự thành lập đài này]. Tôi không muốn nhận vì lúc đó vừa mở nhà in Phúc Hưng trong Chợ Lớn, vừa ra nguyệt san Thời Tập, khá bận. Vào làm mới biết trưởng ban biên tập là ông Khánh, vừa đột ngột rời chức vụ, tôi được mời thay chỗ của ông. Hai tuần sau, Túy Hồng được mời phụ trách viết mục Tâm Tình Phụ Nữ, một chương trình 5 phút phát thanh. Các chương trình khác còn nhớ có nhà văn Võ Phiến. Đó là hai cộng tác viên từ bên ngoài, viết bài nào ăn nhuận bút bài đó; còn nhân viên tới đài tám tiếng một ngày có nhà văn Trúc Sỹ, anh Nguyễn Thượng Tiến, nhà văn Xuân Vũ, cô Hằng, Thượng Tá Tám Hà, nguyên phó tham mưu Sư Đoàn 308 gì đó hoạt động quanh

vùng Nha Trang, mới hồi chánh. Cố vấn trực tiếp là anh Edward X.

Cho nên mỗi tuần tôi giúp Thanh Nam bằng cách nếu có thể, đến lấy bài của Túy Hồng, nếu không anh phải đạp xe từ Lý Thái Tổ lên Hồng Thập Tự, quá xa cho một chiếc xe đạp mini. Trong những tháng ngày biến động kế tiếp, không một ngày nào chúng tôi không bàn bạc với nhau. Tình trạng khẩn trương hẳn khi Ban Mê Thuật thất thủ vào tháng 3, 1975. Các nhân viên làm việc cho đài được hỏi ý kiến có muốn di tản không trong trường hợp phải “di tản theo cơ quan?” Thanh Nam và tôi không nghĩ ngợi. Ta đi. Và đi cùng với nhau. Do đó, ngay từ bước thứ nhất sửa soạn phải rời bỏ Sài Gòn, anh và tôi sửa soạn chung.

Đi cùng một xe hơi nếu có thể. Đến cùng một điểm hẹn. Ngã Tư Trương Minh Giảng-Hiền Vương. Vào cùng một trú điểm. Phú Quốc. Lên cùng một con tàu. American Challenger... Sở dĩ như thế là vì trước khi lấy Túy Hồng, anh chia phòng với tôi trên lầu ba cao ốc Cửa Long đường Hai Bà Trưng. Xuống cùng một Thành Phố Lầu, Orote Point, Guam. Nhưng chia tay khi vào Đất Khách. Bất đắc dĩ. Tôi còn nhớ cặp mắt thất thần của Thanh Nam khi tôi bảo anh gia đình tôi đã được gọi đi định cư ở Washington, D.C. Nhà thờ Mount Vernon bảo trợ gia đình chúng tôi tọa lạc trên đường số 9, N.E. ở thủ đô. Trước đó tôi đã bàn với anh: nhớ chỉ xin đi một trong hai nơi mà thôi: Nữ Ơc và Hoa Thịnh Đốn, thủ đô của ngành báo chí xuất bản, và thủ đô của quyền lực. Nhớ đừng nhận đi bất cứ đâu, ngoài hai nơi đó. “Vừa ở gần nhau, vừa tới chốn văn minh, vào ngay chỗ văn minh, không họ đưa mình vào sống với Da Đỏ thì bỏ mẹ, vì mình không biết săn bắn.”

Hai tháng sau, tháng 10, 1975, sau mấy ngày Thanh Nam gọi điện thoại không ngừng, tôi mua một cái vé xe buýt 14 Mỹ kim từ Hoa Thịnh Đốn đi New Jersey thăm anh. Anh dặn tôi nhiều lần trong điện thoại: “Cậu nhớ mua một chai Johnny Walker cổ đỏ, chai vuông; hay một chai Black and White cổ tròn cũng được.” Tôi mua được một chai cổ đỏ khi xuống xe buýt ở Nữ Ơc, lên một xe buýt khác đi tiểu bang New Jersey gần đó, giá vé là 2 Mỹ kim 60 xu. Trong túi có 100 mk cho chuyến đi, đi về tính ra đã mất 28 mk xe đò, chai rượu đầu 9 mk, là 37 mk, hai lần vé Nữ Ơc-New Jersey là 5 mk 20 xu, vị chi gần 43 mk, còn lại 50 mk sau khi cả phê thuốc lá, hậu tính. Chuyến đi này để lại nhiều “kỷ niệm đau thương”: thực tế, nhà thờ nói với vợ tôi sẽ cúp viện trợ vì tôi có tiền đi chơi vô bổ chỉ mới hai tháng ra trại (hàm ý gia đình tôi dư dả); thứ hai, đó là lần cuối cùng tôi gặp Thanh Nam; thứ ba: chai rượu Thăng Johnny Đi Bộ (Johnny Walker - chữ do Mai Thảo đặt từ những tháng năm ở Sài Gòn ba chúng tôi cùng làm tờ tuần báo Nghệ Thuật), có rượu ngay đây nhưng bạn tôi lại không uống.

Tôi không bao giờ quên được cái lúc mở bao giấy dầu kéo chai rượu ra. Đang tưởng một cuộc tao phùng của hai chàng đấng tử coi nhau như anh em, sau chuyến đi mười ngàn dặm khứ quốc, tạm trú quê người ở hai vùng băng giá, nay lại gặp nhau. Nhưng Thanh Nam dúm ngay chai rượu trở vào trong bao. Cất đi thật lẹ. Nhón nhác nhìn Túy Hồng. Rồi kéo tôi ra khỏi nhà, sau khi nói với vào: “Anh ra tiệm với Viên Linh.”

Chúng tôi không nói gì với nhau trong nhiều phút. Vừa đi, vừa hút thuốc. Trời tháng 10 ở miền Đông bắt đầu lạnh. “Đi uống bia,” Thanh Nam nói. Tôi hơi suy nghĩ. Tại sao có rượu ngon không uống cho đỡ ghiền, lại đi uống bia?

Dần dần tôi cũng nhớ ra. Trước hết là một nền cỏ xanh tinh mơ sương đọng của Khe Trại Da Đỏ. Khoảng 6 giờ sáng, thung lũng Indiantown Gap. Hôm trước tôi hẹn Thanh Nam là sẽ gọi anh đi uống cà phê sáng hôm sau, và dự định rủ anh Nghiêm Xuân Hồng cùng đi. Anh Nghiêm Xuân Hồng và Linh Mục Cao Văn Luận ở Trại 6. Chúng tôi ở Trại 5. Hai trại cách nhau khoảng 15 phút đi bộ.

Tôi đến sớm, vắng bóng người. Hình như còn quá sớm, có thể là mới hơn 5 giờ. “Thanh Nam!”

- tôi gọi vọng vào. Thanh Nam đã chờ sẵn, thấy thấp thoáng sự di động. Đây là trại lính, nhà sàn cất cao trên nền cỏ, bằng những cột gỗ to bản, vững chắc. Cùng một lúc, qua khe ván, tôi nhìn thấy bộ mặt Túy Hồng, và cái dáng của bạn tôi. Đôi mắt Túy Hồng sáng quắc. Mái tóc rối. Rồi khuôn mặt Thanh Nam hiện ra, thiếu não. “Cậu đi trước đi.” Đại khái như thế, và tôi im lặng gật đầu. Trong thung lũng xanh ngát của Khe Trại Da Đỏ, tôi hướng về Trại 6 đi kiểm Nghiêm Xuân Hồng. Đầu đã gần 6 giờ sáng. Cô con gái của tác giả Người Viễn Khách Thứ Mười hiện ra. “Bố cháu còn đang ngủ.” Anh có vợ thì vợ không cho đi. Anh không còn vợ thì con gái không cho đi. Tôi tới chỗ uống cà phê một mình, không hề gì.

Một thoáng chuyện cũ diễn ra trong đầu trong khi Thanh Nam và tôi đi bộ trên vỉa hè của một tỉnh nhỏ New Jersey, hướng tới một tiệm bán thực phẩm dành cho khách mua đi. Không bàn ghế. Tôi mua một xâu bia như anh thích. Ra ngoài, trên đường trở về nhà, anh nói: “Mình về nhà uống.” Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau, sau đó anh dọn đi Seattle, tiểu bang Washington làm báo Đất Mới với các ông Nguyễn Văn Giang, Vũ Đức Vinh.

### **Thanh Nam**

*Tờ lịch đầu năm rút hững hờ  
Mới hay năm tháng đã thay mùa  
Ra đi từ thuở làm ly khách  
Sầu xú hai xuân chẳng đợi chờ  
Trôi dạt từ Đông sang cõi Bắc  
Hành trình trơ một gánh ưu tư  
Quê người nghĩ xót thân lưu lạc  
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn du*

...

*Chấp nhận hai đời trong một kiếp  
Đành cho giông bão phủ phàng đưa  
Đầu thai lần nữa trên trần thế  
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ  
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt  
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ  
Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi  
Thân phận không bằng đứa măng phu  
(Thơ Xuân Đất Khách, 1977)*

Bài này Thanh Nam làm nhân cái Tết thứ hai trong cuộc sống lưu vong, Mồng 1 Tết Đinh Tỵ nhằm ngày 18 tháng 2, 1977, dưới nhan đề ghi “Gởi Viên Linh.” In lại trong thi tập cùng nhan đề, trang 13. Thanh Nam tên khai sinh là Trần Đại Việt, người Nam Định, ra đời ngày 26 tháng 8, 1931, vào Nam lập nghiệp năm 1952, từ trần tại Seattle ngày 2 tháng 6, 1985. Tác phẩm đã xuất bản - 1957: Hồng Ngọc, Người nữ danh ca. - 1963: Giấc ngủ cô đơn, Buồn Ga Nhỏ, Còn một đêm nay. - 1965: Bầy ngựa hoang, Giông lệ thơ ngây, Những phố không đèn - 1968: Mấy mùa thương đau. 1983: Đất Khách, thơ, Seattle. Tạp chí Hiện Đại ra đời khoảng 1960, trụ sở tại đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn, trong ban chủ trương có Nguyễn Sa, Thanh Nam. Năm 1965 Thanh Nam là thư ký tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật, sau đó 1966 nhường cho Viên Linh.

&&&

Đoạn viết này được bổ sung 40 năm sau, một ngày trước Nguyên Đán Ất Mùi 2015, người viết nhân dịp thấp một nén nhang chiêu niệm bạn, và các bằng hữu văn chương đã nằm xuống trên đất khách. Nhớ bạn thơ, đậm ăm nhất là đọc lại thơ bạn, nhất là những bài thơ được sáng tác

ngoài đất nước, sau những ngày rời bỏ quê hương, và hơn nữa, những đoạn thơ về mùa xuân trên đất khách.

**Mai Thảo**

Một dấu tròn vo vĩ đại tròn  
Là mây, mừng tuổi đó nghe con  
Trong không ngoài rỗng không gì hết  
Không cả không là cái số không.  
(Mừng Tuổi Minh, 1989)

**Mặc Đỗ**

Đêm lạnh lẽ loi thơ thần ngồi  
Nhâm nhi toan cạn nửa chai thôi  
Giao thừa mỗi Tết tình thu gọn  
Lạ hoắc đêm nay không Tết tôi.  
(Giao Thừa, 2000)

**Cao Tiêu**

Áo xưa giờ bạc  
Người cũ phương nào?  
Gặp xuân đất khách  
Mưa gieo nặng sầu.  
Ta giữ trong ta  
Cội thơm nguồn cũ  
Thơ vẫn thơ hoa  
Lòng tươi nét chữ.  
(Tạp chí Văn)

**Cung Trầm Tường**

Hoa xuân nồng, trái xuân ngon  
Mùa xuân công chúa hương còn ở đây  
Em đi chiều biếc chân mây  
Sao hôm năm cánh rơi đầy mắt sầu  
(Công chúa)

**Hà Huyền Chi**

Cứ mưa thả xuống hồn tôi  
Những gai buốt lạnh như đời tha hương  
Cứ đêm vò nát tim buồn  
Những xuân lữ thứ khói hương nhạt nhòa  
Cứ đau nở giữa đài hoa  
Cứ nằm đè xuống tuổi già quạnh hiu  
Cứ lang thang giữa chợ chiều  
Cứ tôi khờ khạo nghĩ theo nếp mòn  
(Xuân Lữ Thứ, 1990)

**Hà Thúc Sinh**

Chúa xuân đeo túi nặng  
Ghé nhà ai hỏi han  
Giữa đường tôi về gặp  
Một lão già tần ngần

Này ông ơi, thi sĩ  
Có gì tặng hoa thơm  
Có gì cho nắng ấm  
Có gì giúp lão không  
Lục túi trên, dự tính  
Lục túi dưới, bắt ửng  
Lục trong đầu, khát vọng  
Lục trong tim, mối hờn  
Lục khắp cùng xó xỉnh  
Trên kệ sách bụi đầy  
Trên máy chữ mòn mỏi  
Chỉ có những đêm dài  
Có gì cho lão không  
Ông thi nhân, bạn cũ  
Thưa đây những thanh gươm  
Tôi mài vì cố xứ.  
(hòa bình và tôi, 1994)

#### **Hồ Tuấn Nhã**

Đất lạ xuân về ta nhớ quá  
Cây nêu như một thứ hồn xưa  
Đã khuất chìm đâu sau miếu đồ  
Sau đời những nắng sớm mưa trưa.  
Mới đó mà sang thêm thế kỷ  
Chân đi chân ở năm bản lẻ  
Gió đưa khói pháo thêm sông núi  
Ta đưa phiêu linh xa vời quê.  
(Nhớ Cây Nêu Ngày Tết Xưa, 1999)

#### **Hoàng Anh Tuấn**

Anh nâng chén môi hoa đào ướm mộng  
Uống cho vơi từng mực rượu lưu vong  
Đêm trừ tịch ngọn đèn khua giao động  
Khi âm ba thổi huyền hoặc gối chần.  
(Yêu Em, 2004)

#### **Huy Trâm**

Mùa xuân đổi mới đang lên  
Nhưng không đổi được sầu trên phận người.  
(Mùa Xuân Với Em)

Trong các thi sĩ có thơ trích dẫn trên đã tới Hoa Kỳ, Thanh Nam, Mai Thảo, Cao Tiều, Hoàng Anh Tuấn, đã là người thiên cổ. Còn lại Mặc Đỗ ở Austin Texas, Cung Trầm Tưởng ở Saint Paul, Minnesota, Hà Huyền Chi ở Seattle, Hà Thúc Sinh ở Bắc Cali, Hồ Tuấn Nhã ở Seattle, Huy Trâm ở Cali. Thơ Xuân hải ngoại sẽ tiếp tục với những tên tuổi khác trong kỳ kế tiếp.

#### **Thanh Nam**

##### **Võ Phiến**

(trích Văn Học Miền Nam)



Trước 1954 đất nước chưa phân chia cho nên những điều Đoàn Thêm nói là nói chung cho cả nước, cho tình hình vùng quốc gia từ Bắc chí Nam. Riêng tại miền Nam lúc bấy giờ cuộc sống còn hơn ở Bắc: dễ dàng hơn, “vui” hơn. Vì vậy ngay trước 1954 đã có nhiều đồng bào Bắc đi vào Sài Gòn sinh sống, trong số đó có những văn nghệ sĩ hoặc vừa rời bỏ kháng chiến trở về hoặc vẫn ở trong thành từ trước: Phạm Duy, Hồ Dzếnh, Phạm Đình Chương, Thanh Nam, Trần Lê Nguyễn v.v... Trần Lê Nguyễn vào Nam trước Thanh Nam và viết thư rủ rê bạn. Thanh Nam kể: “Khoảng đầu năm 1953, Trần Lê Nguyễn ở Sài Gòn viết thư rủ rê tôi vào Nam (làm ăn). Sài Gòn với Trần Lê Nguyễn lúc đó đúng là một thiên đường. Thư nào anh cũng ca ngợi cảnh Sài Gòn, người Sài Gòn và nhất là những nơi chốn ăn chơi đặc biệt Tây phương của Sài Gòn như các sông bạc Kim Chung, Đại Thế Giới...”<sup>[2]</sup> Thanh Nam muốn soát lại cho cẩn thận bèn viết thư hỏi Vĩnh Lộc. “Lộc cũng trả lời đại khái như Nguyễn, rằng Sài Gòn rất dễ sống, dễ kiếm tiền nếu chịu khó và vấn đề ăn ở cũng giản dị hơn ở Hà Nội nhiều.”<sup>[3]</sup>

\*\*\*

Thế rồi khi đời đã về chiều, bỏ cuộc ra đi, ở nơi đất lạ không khỏi có lúc ngơ ngác: “Những bạn bè vui buồn có nhau trong hai mươi năm cũ bây giờ ở đâu?” Tại một thị trấn tây bắc Hoa Kỳ, Thanh Nam có lần kiểm điểm:

“Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ  
Đưa nuôi cừu hận, đưa phong ba  
Đưa nằm yên phận vui êm ấm  
Đưa nhục nhằn lê kiếp sống thừa.”  
(‘Thơ xuân đất khách’, *Đất khách*)

Đó là những “đứa” may mắn nhất. Trải qua một thời chiến tranh dài rồi trong cơn tan rã sụp đổ mà lại thoát đi được chẳng qua là một số ít. Trong số còn lại, có kẻ gục ngã trên chiến trường (Y Uyên, Doãn Dân v.v...), có người phải dùng cách nọ cách kia mà kết liễu cuộc đời (Nhất Linh, Tam Ích, Dzoãn Bình v.v...), có kẻ bỏ mình trên đường thoát thân tìm tự do (Chu Tử, Trần Đại...), có người gục ngã vì tù đầy (Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Côn...), và rất đông là cái số quần quai trong lao tù, có kẻ đến tận ngày nay chưa thoát khỏi (Như Phong, Duy Lam, Phan Nhật Nam, Trần Dạ Từ, Doãn Quốc Sỹ...).

\*\*\*

**Phụ đính I:**

**Thanh Nam, chia tay “Đất khách”**  
**Viên Linh**

Hình như đó là khoảng năm 1962 gì đó, chúng tôi quen biết nhau trong lúc cùng làm chung một tờ báo: tuần báo chuyên về nghệ thuật trình diễn có tên là Kịch Ảnh, chủ nhiệm chủ bút là Quốc Phong, tổng thư ký Tòa Soạn là Mai Thảo. Thanh Nam viết truyện dài từng kỳ, còn tôi là thư ký Tòa Soạn. Hai chàng trai một ương ương, một chập chững vào đời, chia nhau căn phòng C9 ở tầng thượng tòa cao ốc. C11 Thái Thủy ở. Cũng ở tầng này, đầu dãy là anh Vũ Xuân Tự, mà một ngày nào đó, anh tự buộc đá vào người, lặn xuống sông Sài Gòn, lẳng lặng về bên kia thế giới, bỏ lại cái ô đen trước kia chẳng lúc nào rời anh, dù trời nắng hay mưa. Tầng dưới có anh Trần Nhã chuyên viên dịch Anh Việt, và viết bài bằng Anh ngữ cho tờ The Saigon Post. Tòa building này cũng là trạm chót của Thanh Nam và tôi trong cuộc sống độc thân. Rời căn phòng

đó, anh lên xe hoa với Túy Hồng. Tôi là một cố vấn của Thanh Nam trong việc anh lập gia đình với cô giáo nhà văn nữ.

Đêm khuya lắm, chúng tôi vừa từ khiêu vũ trường Mỹ Phụng trở về. Cũng chẳng nhớ đi bộ về, hay đi taxi về nữa. Đã mỗi người vài ba chai 33. Cái khoảng trống trước mặt Mỹ Phụng thật mênh mông, ngay đầu đường Hai Bà Trưng, ngó ra bờ sông. Gió sông thổi đêm khuya mát rượi. “Đi không cậu.” Đó là câu hỏi chúng tôi nghe thường trực hàng đêm mỗi khi từ vũ trường bước ra. Các bác xích lô. Máy ông taxi. Đôi khi trên băng ghế sau taxi đã có một cô gái ngồi sẵn. Đèn đường không sáng lắm, nhìn thoáng qua tóc bay và bóng men lúa mạch, trong tiếng nhạc bập bùng còn đuổi theo sau, thì cũng đẹp. Hoặc lúc nào cũng đẹp.

“Bến Bạch Đằng đêm khuya đưa khách, Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu...”

Đêm khuya lắm, đâu như gần hai giờ sáng. Thanh Nam nằm trên cái giường một; tôi nằm trên nệm trải trên nền gạch bông bóng loáng. Đầu giường mỗi người cũng một chai bia.

“Có nên lấy Túy Hồng không cậu?”

Vấn đề nghe ra có vẻ nghiêm trọng. Không rõ lúc ấy, nó nghiêm trọng đối với tôi như thế nào, khi viết những dòng này, thực không còn nhớ rõ.

Để trung thực với tôi, khi viết những dòng này, cũng là khó. Trước khi viết những dòng này, tôi ngó tấm hình đám cưới Thanh Nam. Trước hết, lục lại ký ức 35 năm trước để viết, là khó vô cùng. Thứ hai, viết về Thanh Nam thì không khó, nhưng viết về Thanh Nam Túy Hồng thì là chuyện khác. Sau nữa, viết về cái đêm anh phong cho tôi làm cố vấn hôn nhân, mặc dù thua anh gần mười tuổi, không phải dễ. Cuộc hôn nhân của anh, Túy Hồng đã viết nhiều trong cuốn “Tôi Nhìn Tôi Trên Vách”...

II. Tháng 8, 1975, tôi xuất trại Indiantown Gap ở tiểu bang Pennsylvania để đi Hoa Thịnh Đốn. Thanh Nam lo lắng vô cùng. Trong thời gian sửa soạn rời Sài Gòn, không một ngày nào, mỗi chiều đi làm về, tôi không dừng cái xe Lambretta trước nhà anh trong một con hẻm ở đường Lý Thái Tổ. Đó là do anh yêu cầu: mỗi ngày đi làm về, phải ghé cho anh biết tình hình, tin tức đi hay ở, ra sao. Cũng không mấy khó vì tôi cũng ở đường Lý Thái Tổ. Chúng tôi trước đó đã quyết định đi cùng với nhau, nếu phải rời đất nước. Đây cũng là một cái duyên hơi lạ thường. Tháng 11, 1974 tôi được mời làm việc cho đài Mẹ Việt Nam, một đài bí mật phát thanh thẳng ra Bắc từ một trạm phát tuyến ở Đông Hà. Nơi làm việc là số 7 đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn. Chỉ biết tôi được mời cấp tốc, không qua một thủ tục nào, dù đài trực thuộc Tòa Đại Sứ Mỹ. Túy Hồng phụ trách Câu Chuyện Phụ Nữ. Vào làm mới biết trưởng ban biên tập là anh Khánh, vừa đột ngột rời chức vụ. Tôi được mời thay chỗ anh Khánh. Cố vấn trực tiếp là Edward X. và Thượng Tá Tám Hà, nguyên phó tham mưu Sư Đoàn 300 gi đó hoạt động quanh vùng Nha Trang, mới hồi chánh. Cho nên mỗi tuần tôi giúp Thanh Nam, bằng cách nếu có thể, đến lấy bài của Túy Hồng, nếu không anh phải đạp xe đạp từ Lý Thái Tổ lên Hồng Thập Tự, quá xa cho một chiếc xe đạp mini. Và trong những tháng ngày biến động kế tiếp, không một ngày nào chúng tôi không bàn bạc với nhau.

Tình trạng khẩn trương hẳn khi Ban Mê Thuật thất thủ vào tháng 3, 1975. Các nhân viên làm việc cho Tòa Đại Sứ Mỹ được hỏi ý kiến có muốn di tản không, trong trường hợp phải “di tản theo cơ quan.” Thanh Nam và tôi không nghĩ ngợi. Ta đi. Và đi cùng với nhau. Do đó, ngay từ bước thứ nhất sửa soạn phải rời bỏ quê hương, Thanh Nam và tôi sửa soạn chung. Đi cùng một xe hơi. Đến cùng một điểm hẹn. Ngã Tư Trương Minh Giảng-Hiền Vương. Vào cùng một trú điểm. Phú Quốc. Lên cùng một con tàu. American Challenger. Có nhà thơ trẻ Bùi Ngọc Tuấn gặp tôi trên boong tàu. Xuống cùng một Thành phố Lều. Orote Point, Guam. Nhưng chia tay khi vào Đất Khách. Bất đắc dĩ.

Tôi còn nhớ cặp mắt thất thần của Thanh Nam khi tôi bảo anh gia đình tôi đã được gọi đi Washington D.C. Nhà thờ bảo trợ ở đường số 9, N.E. thủ đô. Trước đó tôi đã bàn với anh: nhớ chỉ xin đi hai nơi mà thôi: Nữ Ơc và Hoa Thịnh Đốn, thủ đô của ngành báo chí xuất bản, và thủ đô của quyền lực. Nhớ đừng nhận đi bất cứ đâu, ngoài hai nơi đó. “Vừa ở gần nhau, vừa ‘tới chốn văn minh, vào ngay chỗ văn minh’, không nó đưa mình vào sống với Da Đỏ thì khổ, vì mình không biết săn bắn.”

Hai tháng sau, tháng 10, 1975, tôi mua một cái vé xe buýt 14 Mỹ kim từ Hoa Thịnh Đốn đi New Jersey thăm Thanh Nam. Anh dặn tôi nhiều lần trong điện thoại: “Cậu nhớ mua một chai Johnny Walker cổ đỏ, chai vuông, hay một chai Black and White cổ tròn cũng được.” Tôi mua được một chai cổ đỏ khi xuống xe buýt ở Nữu Ước, lên một xe buýt khác đi tiểu bang New Jersey gần đó, giá vé là 2 Mỹ kim 60 xu. Tôi có 100 Mỹ kim cho chuyến đi, đi về đã mất 28 Mỹ kim xe đồ, chai rượu đầu 9 Mỹ kim, là 37 Mỹ kim, hai lần vé Nữu Ước, New Jersey là 6 Mỹ kim, vị chỉ 43 Mỹ kim, còn lại 50 Mỹ kim hậu tính. Chuyến đi này để lại nhiều kỷ niệm đau thương: thực tế, nhà thờ nói với vợ tôi sẽ cúp viện trợ vì có tiền đi chơi vô bổ chỉ mới hai tháng ra trại; (hàm ý gia đình tôi dư dả), thứ hai, đó là lần cuối cùng tôi gặp Thanh Nam; thứ ba: chai rượu Johnny Đi Bộ tôi mua tặng bạn nhưng tôi không được uống.

Tôi không bao giờ quên được cái lúc tôi mở bao giấy dầu kéo chai rượu Johnny Walker ra. Tôi hình dung một cuộc tao phùng của hai chàng lãng tử coi nhau như anh em, sau chuyến đi mười ngàn dặm khứ quốc, tạm trú quê người ở hai vùng băng giá. Thanh Nam cúi ngay chai rượu trở vào trong bao, cất đi. Rồi kéo tôi ra khỏi nhà, sau khi nói với vào: “Anh ra tiệm với Viên Linh.” Chúng tôi không nói gì với nhau trong nhiều phút. Vừa đi vừa hút thuốc. Trời tháng 10 ở miền Đông bắt đầu lạnh. “Đi uống bia,” Thanh Nam nói. Tôi hơi suy nghĩ. Tại sao có rượu không uống, lại đi uống bia?

Dần dần tôi cũng nhớ ra. Trước hết là một nền cỏ xanh tinh mơ sương đọng của Khe Núi Da Đỏ. Khoảng 6, 7 giờ sáng. Indiantown Gap. Hôm trước tôi hẹn Thanh Nam tôi sẽ gọi anh đi uống cà phê sáng hôm sau, và dự định rủ anh Nghiêm Xuân Hồng cùng đi. Anh Nghiêm Xuân Hồng và Linh Mục Cao Văn Luận ở trại 6. Chúng tôi ở trại 5. Hai trại cách nhau khoảng 15 phút đi bộ.

Tôi đến sớm, vắng bóng người. Hình như mới hơn 5 giờ sáng. “Thanh Nam,” tôi gọi vọng vào. Dường như Thanh Nam đã chờ sẵn, tôi thấy thấp thoáng sự di động. Đây là trại lính, nhà sàn cất cao trên nền cỏ, bằng những phiến gỗ to bản, vững chắc. Cùng một lúc, qua khe ván, tôi nhìn thấy bộ mặt Túy Hồng, và cái dáng của bạn tôi. Đôi mắt Túy Hồng cháy như lửa xanh. Mái tóc rối. Rồi khuôn mặt Thanh Nam hiện ra, thiếu não. “Cậu đi trước đi.” Đại khái như thế, và tôi im lặng gật đầu. Trong thung lũng xanh ngát của Khe Trại Da Đỏ, tôi hướng về Trại 6 đi kiếm anh Nghiêm Xuân Hồng. Đầu đã gần 6 giờ sáng. Cô con gái của tác giả Người Viễn Khách Thứ Mười hiện ra. “Bố cháu còn đang ngủ.”

Tôi tới chỗ uống cà phê một mình.

Trên vỉa hè của một tỉnh nhỏ, Thanh Nam và tôi tới một tiệm bán thực phẩm cho khách mua đi. Không bàn ghế. Tôi mua một xâu bia như anh thích. Ra ngoài, trên đường về nhà, anh nói: “Mình về nhà uống bia.” Đó là lần cuối cùng tôi gặp Thanh Nam. New Jersey.

Tháng 10, 1975. Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện đi Seattle thăm anh sau đó.

III. Bạch Quyên là ai, tôi chẳng rõ. Thanh Nam đôi khi nói với tôi về Bạch Quyên. Thanh Nam đôi khi cũng nói với tôi về Thanh Nga. Thanh Nam cũng có những mối tình trong mộng. Nhưng từ khi lập gia đình, anh là một người chồng gương mẫu. Vì là một người chồng gương mẫu, anh không còn sáng tác những tác phẩm hay như Giác Ngủ Cô Đơn. Cho nên nhắc đến Thanh Nam, đối với tôi là nhắc đến một người bạn trai già, gặp nhau ngoài phố, trong tiệm, không ăn với nhau một bữa cơm gia đình bao giờ, nhưng nhớ đến nhau qua Thơ Xuân Đất Khách, anh đề tặng tôi, hay qua Nước Mặn tôi tặng anh, đã in trong Thủy Mộ Quan. Xin dùng những đoạn thơ sau để tạm kết bài này.

Nước mặn  
(Tặng Thanh Nam)

Anh hỏi thời gian sáng hoặc chiều  
Lòng sương tuyết nhỏ có đều hiu  
Xa nhau nghìn dặm không tường mặt  
Như bụi như tro lạnh ít nhiều?

Như thể năm năm rồi đây nhỉ  
Đời ta thêm mực với sân rêu  
Quê người còm áo đau vô tận  
Sống tưởng chừng như chỉ bấy nhiêu  
Chốn cũ tâm hồn còn lẫn khuất  
Những tình xa lạc mất thương yêu  
Đêm qua mưa đổ cây phong lẻ  
Ấm một lòng lênh láng huyết chiều.  
Có phải mùa thu đời đổi sắc  
Hay hồn binh bại máu còn reo  
Mơ gì bạn cũ mơ ma gọi  
Tôn Tần còn tin bạn vẫn nghèo.  
Áo vàng thôi nhé Tâm là Phật  
Một lũ ô y chọn Chúa treo  
Nước mắt con ơ con chữa biết  
Việt Nam con hát líu lo đều  
Đêm đêm ba ngủ ba còn thấy  
Tuổi trẻ làm than vẫn mộng điều  
Một sớm buông tay rời hải phận  
Nhìn lui Đất Nước đã tàn xiêu.  
Hôm qua lại mộng mơ gì nhỉ  
Ngõ xóm làng thôn góc phố yêu  
Không phải mây may rừng với trại  
Tiếng hò tiếng hát tiếng ma kêu.  
Ở đâu quê quán đâu làng nước  
Đâu bạn đâu em quạ với điều  
Ngực mỏng thanh niên già trước tuổi  
Mắt vàng tri kỷ những đêm thiêu.  
Chung tay làm gối chung tâm sự  
Chung mối buồn riêng ít tưởng nhiều  
Ly nước san đôi ngoài biển mặn  
Ngậm đau cốt hủ hóa hình miêu.  
Chúng ta nửa kiếp trong phần mộ  
Tưởng sách là kinh, sĩ phải nghèo  
Tưởng tướng râu hùm ôi tướng khách  
Yêu người thực nữ hóa yêu Kiều.  
Anh hỏi làm chi ngày với tháng  
Đầu râu chưa bạc trí đã xiêu  
Tâm tư ta gửi bờ sông hận  
Còn xác ta trôi tựa cánh bèo  
Có phải ta còn, ta đã mất  
Mười điều trung tín chín điều điều  
Quê người họ Nguyễn rơi khăn nhỏ  
Một bệnh u cư ít tưởng nhiều.  
Anh hỏi làm chi anh hỏi lấy  
Lòng ta không khác, ý ta neo.  
Đêm qua mưa đổ cây phong lẻ  
Ấm một lòng lênh láng huyết chiều.

(Viên Linh - Virginia, 1980)

### 30 Tháng Tư đọc lại tập thơ “Đất khách” của Thanh Nam Nguyễn Đình Toàn

Trong tập thơ “Đất Khách” của Thanh Nam, Thái Thủy cho mượn để đọc, còn có thêm một lá thư viết tay của Tử Vi Lang được chụp lại, một trang rời in ba bài thơ tứ tuyệt của Thanh Nam, một đề tặng Vũ Quang Ninh, một đề tặng Trần Cao Lĩnh, và một chỉ thấy ghi ở bên dưới Tháng Sáu 1984.

Bài thơ đề tặng Vũ Quang Ninh có tên là “Mười Năm”:

Chớp mắt mười năm gặp lại nhau  
Ngậm ngùi tóc bạc ngó lòng đau  
Nụ cười như muốn tan thành lệ  
Trong mắt ân tình rộng biển dâu

Bài “gởi” Trần Cao Lĩnh là “Lời Xa”:

Rượu tiễn chưa trao lời giã biệt  
Tháng giêng theo tuyết bạn xa rồi  
Gió đưa khăn gói thành ly khách  
Có gặp hồn quê giữa xứ người?

Và bài “Phố Cũ” như sau:

Nhận thư bè bạn từ quê nhà  
Dò đọc tên đường thấy xót xa  
Ôi, đã nghìn thu vào tịch mịch  
Những anh hùng cũ, mỹ nhân xưa!

Những trang viết của Tử Vi Lang, không thấy ghi tên người nhận, nên không biết gửi cho ai, nhưng đọc tưởng chừng thấy thời gian ngừng lại:

Nhà văn Thanh Nam trú hơi thở cuối cùng tại Seattle, tiểu bang Washington, lúc 07 giờ tối ngày 02 Tháng Sáu năm 1985, thì qua hôm sau, tôi tiếp cú điện thoại của anh Vũ Đức Vinh gọi xuống Los Angeles, báo tin buồn ấy, và hỏi rằng:

- Hội Văn Hóa Việt Nam tiểu bang Washington chúng tôi muốn đăng một ai-cáo lên các báo, để cho các văn nghệ sĩ, ký giả và bằng hữu tại hải ngoại cũng như ở nước nhà biết tin. Vậy, chữ ‘Cáo Phó’ chỉ dành riêng cho gia đình anh Thanh Nam dùng, thì Hội Văn Hóa chúng tôi dùng chữ ‘Khấp Báo’ có được chăng?

Trong phút xúc động, tôi trả lời ngay:

- Được lắm chứ! Chữ ‘khấp’ không có nghĩa là khóc thành tiếng, mà ‘khấp’ chỉ là ‘ứa lệ’ khóc thầm. Anh thử nghĩ xem: Tại sao trời đất lại sinh chúng ta vào cái thế kỷ mà quốc gia dân tộc phải chịu nhiều đau thương tang tóc nhất lịch sử này? Có thể nói: Đa số chúng ta, chỉ vì quốc nạn mà trở thành kẻ cầm bút viết báo, viết văn. Thế rồi cuộc bể dâu hồng thủy đã khiến chúng ta phiêu dạt khỏi quê hương yêu dấu! Và trong khi các anh đang họp mặt, nắm tay nhau ở Seattle, cảm thán hiện cảnh, thắc mắc tương lai... thì Thanh Nam nằm xuống, vĩnh viễn ra đi!

Như thế, các anh - và cả tôi ở đây nữa - không ‘ứa lệ’ sao được?

Dứt cuộc điện đàm với anh Vũ Đức Vinh, tôi cầm bút thảo ngay bài thơ cảm thán này để đăng báo, gọi là ghi chút tình đồng nghiệp với Thanh Nam...

VĂN THANH NAM THỀ THỀ

Vô đoan thiên địa ngẫu sinh ngô  
Dữ nhĩ đồng kham khứ-quốc-sầu  
Dị địa khả lân vô nhất kiến  
Hoa-bang hàn vũ tống cô chu

Tử Vi Lang tự dịch bài thơ của mình như sau:

Nghĩa gì, trời đất sinh ta?  
Chung sầu khứ quốc, chốc đà mười xuân  
Tha hương chẳng gặp một lần  
Bang Hoa mưa lạnh đưa hồn hoài hương

Tập thơ “Đất Khách” của Thanh Nam đã được in ra cách đây đã hơn hai chục năm.

Thanh Nam đã qua đời chỉ hai năm sau khi “Đất Khách” được xuất bản.

Sách in khổ lớn, bìa và phụ bản bên trong là tranh và ảnh rất đẹp của Duy Thanh, Ngọc Dũng, Trần Cao Lĩnh.

Thanh Nam sang Hoa Kỳ năm 1975, tổng cộng cho đến nay đã gần ba chục năm.

Ba chục năm nơi đất khách dài hay ngắn?

Rất nhiều chuyện đã rơi vào lãng quên.

Nhưng cũng có rất nhiều chuyện người ta không thể nào quên được trong khoảng thời gian ấy, chuyện kể ở người đi, kể còn người mất, tang thương biến đổi, xa nhau khi tóc còn xanh, gặp lại mái đầu đã trắng cả... Lại còn những người một lần chia tay cũng là vĩnh biệt, chẳng còn bao giờ nhìn lại thấy nhau nữa!

Đối với một số bằng hữu, một số độc giả của ông, Thanh Nam ở trong trường hợp như vậy.

Những người đến muện trên miền đất Thanh Nam gọi là “tạm dung” này, cầm cuốn sách trong tay, chợt cảm nhận một nỗi buồn mênh mang.

Cuốn sách có thật.

Những dòng chữ trên giấy trắng, mực đen là có thật.

Nhưng cầm nó trong tay, người ta tưởng chừng chỉ đang cầm giữ một cái ảo. Ba mươi năm tóa tang, lụt lội nước mắt, hay dùng chữ của chính Thanh Nam “phí bao nhiêu tóc xanh đợi chờ”, rút cục cũng chẳng biết đợi chờ cái gì, quên hay nhớ thì tất cả mọi chuyện cũng đã tan vào hư không rồi, không níu lại được gì nữa, không sửa chữa gì được nữa.

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá tự do

Thanh Nam đã ghi lên trang đầu tập thơ của mình hai câu thơ ấy.

Lấy lòng của người ở lại để hiểu lấy nỗi đau của người đi được chăng?

Hiểu được hay không hiểu được, rồi sao?

“Đất Khách” của Thanh Nam tràn ngập một nỗi ngậm ngùi của thân lữ thứ, nhớ nước, nhớ người.

Oi hỡi quê hương bè bạn cũ  
Những ai còn mất giữa sa mù  
Mất nhau từ buổi tàn xuân đó  
Không một tin nhà, một cánh thư  
Biên biệt thời gian mòn mỏi đợi  
Rối bời tâm sự tuyết đặng tơ  
Một năm người có mười hai tháng  
Ta tròn năm dài Một Tháng Tư!

Trước 1954, ở Hà Nội, người ta đọc “Cuộc Đời Một Thiếu Nữ” của Thanh Nam, “Nhìn Xuống” của Sao Mai, “Cánh Hoa Trước Gió” của Nguyễn Minh Lang, “Mẹ Tôi Sớm Biệt Một Chiều Thu” của Hoàng Công Khanh... Năm đó Thanh Nam còn rất trẻ, mới chỉ trên dưới hai mươi.  
Ông nổi tiếng rất sớm.

Thanh Nam bỏ Hà Nội vào Nam trước khi xảy ra hiệp định Geneve, nên ông có dịp làm quen và chơi thân với hầu hết các nhà văn, miền Nam, nhất là những người làm việc trực tiếp tại các tòa báo.

Khi được tin Lê Xuyên mất mới đây, hầu hết những người quen biết Thanh Nam đều liên tưởng tới ông và những ngày Sài Gòn cũ là vì vậy.

Cuộc lưu vong 30 Tháng Tư 1975 Thanh Nam coi như là:

Chấp nhận hai đời trong một kiếp  
Đành cho giông bão phủ phàng đưa  
Đầu thai lần nữa trên trần thế  
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ  
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt  
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ

Có thể lấy cái buồn của người ở lại để hiểu nỗi khắc khoải của người ra đi và ngược lại chăng?  
Giả thử rằng được, giả thử rằng không, rồi sao?  
Mọi sự có gì khác với những gì đã xảy ra?  
Hai mươi chín năm rồi ba mươi năm.  
Những ai, còn ai mất?

“Đất nước” người ta có trở về được cũng vẫn chỉ là những cuộc viếng thăm.  
Những người “cùng một lứa bên trời lận đận” còn lại bao nhiêu ngày à còn có thể làm được gì nữa đây?

Ngoài trên một chục cuốn tiểu thuyết, Thanh Nam còn viết kịch thơ, làm rất nhiều thơ, viết lời ca cho nhiều ca khúc của các nhạc sĩ bằng hữu, từng phụ trách biên tập nhiều tuần san văn nghệ, biên tập cho nhiều chương trình phát thanh.

Ông sống đôn hậu với tất cả bạn bè và được mọi người yêu mến.

Ở Hoa Kỳ mới vào Xuân. Tết Việt Nam qua đã khá lâu rồi, có còn cũng chỉ còn cái rét Tháng Ba. Liệu có đủ lạnh để ta cùng nghe lại “Thơ Xuân Đất Khách” của Thanh Nam không nhỉ:

Canh bạc chưa chơi mà hết vốn  
Cờ còn nước đánh phải đành thua  
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do!  
Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ  
Đứa nuôi thù hận, đứa phong ba  
Đứa nằm yên phận vui êm ấm  
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa  
Mây nước có phen còn hội ngộ  
Thâm tình viễn xứ lại như xa  
Xuân này đón tuổi gần năm chục  
Đôi bóng mình ta say với ta

Đọc thơ mới giật mình: Thanh Nam mất mới ở tuổi năm mươi. Còn quá trẻ!  
Thế nhưng, có biết bao người như ông, có thể coi như đời đã mất từ nhiều năm trước đó, đứt ngang trước đó.

Bao giờ Tháng Tư sẽ không còn là viết thương của lịch sử chúng ta nữa nhỉ?

## "Cái chuông" hay "ái uông"? (chuyên đề Trần Dần)

*Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông,  
Chúng bảo nhau rằng: «ấy ái uông».*  
Hồ Xuân Hương

Văn học Việt Nam quả là chưa có nhiều người viết chuyên nghiệp và bản thân những người viết chuyên nghiệp cũng chưa có nhiều bài viết chuyên nghiệp, rồi ngay cả những sự chỉ trích sự không chuyên này cũng mang tính không chuyên.

Nguyễn Ly trong bài viết đăng trên Tiền Vệ về chủ đề Trần Dần ngay từ đầu đã nhận định nền văn học Việt Nam chỉ là «*một nền văn chương nghiệp dư*», nhưng đáng tiếc bản thân Nguyễn Ly lại là một bằng chứng của sự không chuyên này. Nguyễn Ly đã yêu cầu người cầm bút phải «*làm việc trên văn bản*» nhưng bài viết của Nguyễn Ly không dựa trên bất cứ một văn bản nào: Nguyễn Ly tự cho phép mình đưa ra mọi luận điểm một cách rất thoải mái, đầy cảm tính, mà không cần lý luận hay chứng minh cũng như phân tích.

Tôi xin đưa ra các thắc mắc sau, mong Nguyễn Ly trả lời một cách «văn bản».

### 1. Phải chăng «*lịch sử không phải là những gì đã xảy ra mà là cung cách diễn đạt những gì đã xảy ra*»?

Cách Nguyễn Ly định nghĩa về lịch sử (*lịch sử không phải là những gì đã xảy ra mà là cung cách diễn đạt những gì đã xảy ra*) cũng là một cách nhận định rất nghiệp dư và phản khoa học, nó đồng nghĩa với câu: lịch sử không phải là những gì đã xảy ra mà chỉ là sự xuyên tạc những gì đã xảy ra. Chính bằng nguyên tắc này, Nguyễn Ly đã xuýt xoa quá khứ khi viết: "Các ông (Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần) đã sống nhiều năm trong im lặng và nhẫn nhục, các ông đã được công chúng gán cho vàng hào quang tử vì đạo trong suốt thời kỳ dài đằng đẳng đó. Tất cả đã trở thành giai thoại". Tại sao Nguyễn Ly lại có thể bóp méo lịch sử đến vậy? Những người tham gia Nhân Văn – Giai Phẩm đã sống nhiều năm trong im lặng và nhẫn nhục, đã trở thành những kẻ tử vì đạo, điều này là Sự Thật chứ không phải là giai thoại.



Nguyễn Ly cung cho rằng chúng ta có "khá nhiều tư liệu" để có thể dựng lại thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm. Vậy xin Nguyễn Ly biết những tư liệu đó có thể tìm thấy ở đâu, do ai cung cấp, có thuộc về nhiều nguồn khác nhau, có được công khai bàn đến ?

2. Điều gì chứng tỏ: «*người đọc đã chờ đợi, đã háo hức và đã... hăng hục*» khi tác phẩm của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng được xuất bản?

Tôi thắc mắc không hiểu từ "người đọc" được Nguyễn Ly dùng trong nghĩa nào? Là số ít hay số nhiều? Là bản thân Nguyễn Ly hay ai khác nữa? Nếu có những bài viết phân tích sự "hăng hục", "thất vọng", khi đọc các tác phẩm của Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, xin Nguyễn Ly cho biết tên các bài đó, đăng ở đâu, năm nào để tôi có thêm thông tin.

Tôi nghĩ rằng Nguyễn Ly kết luận quá vội về việc đón nhận các tác giả trên. Ngay tại Việt Nam, "sự thật" không "đáng buồn" như Nguyễn Ly nhận định. Gần đây, người ta bắt đầu nghiên cứu về các ông, nhằm trả lại cho họ chỗ đứng xứng đáng trên văn đàn Việt.

Năm 1997, Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin (Hà Nội) in cuốn *Hoàng Cầm thơ văn và cuộc đời*. Hơn thế nữa, tác phẩm của Hoàng Cầm đã đi vào sách giáo khoa phổ thông, và được giảng dạy trong chương trình văn học lớp 12 tại Việt Nam, bên cạnh Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Ái Quốc, Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Tố Hữu,... "Bên kia sông Đuống" nhiều lần được chọn là đề thi (ví dụ: kỳ thi tuyển sinh của Đại học Sư phạm Vinh năm 1997, của Trường Cao Đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh 1993, v.v.). Nhà xuất bản Giáo Dục năm 1999 còn giới thiệu Hoàng Cầm trong bộ sách "Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường", với mục đích "giúp học sinh học tốt môn văn, để giáo viên tham khảo, đọc thêm,...".

Thử nghe giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh nói về thơ Hoàng Cầm: "...bước vào phạm trù siêu thơ là bước vào một thế giới khác, thế giới siêu nhiên, siêu thực. Một thứ thơ hướng nội ở độ sâu thăm nhất. Nó đi hẳn vào cõi tiềm thức, vô thức và diễn tả bằng chính ngôn ngữ mộng lung vô thức (...) *Điều bông hời... ới Điều bông*. Vâng tôi gọi thế là phạm trù siêu thơ. Vinh dự thay cho thi sĩ Hoàng Cầm, trong cuộc đời sáng tác hơn nửa thế kỷ của mình, đã tạo ra được một bài thơ như thế. Trong tình hình thơ hiện nay, hình như không riêng gì Hoàng Cầm, nhiều cây bút khác cũng đang muốn đi theo hướng thơ "phi lí" hay gọi là siêu thơ nói trên..." (*Văn và dạy văn*, NXB Thanh Hoá, 1993).

Giáo sư Lê Trí Viễn viết về "Bên kia sông Đuống": "Bài thơ này được phổ biến nhanh rộng, và rất lâu từ thời chống Pháp trước đây. Cái độc đáo của nó là mở đầu được với một giọng điệu nghĩa tình thâm sâu, đi thẳng vào lòng người..." (Lê Trí Viễn, *Đến với thơ hay*, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2001).

3. Giá trị các tác phẩm của Trần Dần:

Về Trần Dần, Nguyễn Ly viết:

- "Những tác phẩm "nằm" nay được dựng dậy đã không gây ra một chấn động thẩm mỹ nào như lẽ ra phải có".

- "Ông không đóng vai trò nào trong những giày vò trần trụi của chúng tôi, ông cũng chưa bao giờ là tấm biển chỉ đường cho lớp hậu sinh trong bóng hồn mang của đời sống tinh thần xù sờ, ngay cả khi chúng tôi có thể đọc ông trọn vẹn".

- "Dứt khoát thơ ông không phải là thứ thực phẩm mà nền văn học của chúng ta đói khát, không phải là thứ ánh sáng cuối đường hầm của hành trình khám phá và nhận diện".

a. Tôi không biết dựa trên cơ sở nào Nguyễn Ly định nghĩa một "chấn động thẩm mỹ", một "tấm biển chỉ đường", một "thứ thực phẩm mà nền văn học của chúng ta đang đói khát", một "thứ ánh sáng cuối đường hầm". Tôi cũng không biết trong lịch sử văn học, có nhà văn nào thoả mãn tất cả những yêu cầu (vừa thẩm mỹ vừa tinh thần) trên của Nguyễn Ly hay không. Riêng về Trần Dần, chỉ đọc một số bài viết về ông đủ thấy tác phẩm của ông – dù chỉ được công bố rất gần đây và còn chưa trọn vẹn – đã đánh thức những phản ứng mạnh mẽ trong giới cầm bút.

Cũng xin thêm là tiểu thuyết thơ *Cổng tỉnh* đã được giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 1995, tức là một năm sau khi nó được công bố chính thức.

Sau đây là danh sách một số tác giả viết về Trần Dần (ngoài các bài viết của Đoàn Cẩm Thi, Như Huy, Trần Trọng Vũ, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Thuận, Ngô Minh, Đỗ Minh Tuấn đăng lần đầu trên *Tiền Vệ*, mục Chuyên đề Trần Dần).

- Boudarel Georges, 1991, *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam*, Ed. Jacques Bertoin, Paris.

- Nam Dao, 2003, "Xổ bụi", Talawas.

- Dương Tường, 1998, "Lời bạt" cho *Mùa sạch*, nxb Văn Học, Hà Nội.

- Đặng Tiến, 1997, "Vĩnh biệt Trần Dần", *Diễn Đàn*, số 60, Paris.

- Hoàng Phủ Ngọc Tường, 1988, "Gặp gỡ Trần Dần - đối thoại mất ngủ", *Sông Hương*, số 5&6.

- Lương Thị Bích Ngọc, 1998, "Những người bay có chân trời", *Đại Đoàn Kết*, ngày 17.01.1998, tr.34

- Lương Thị Bích Ngọc, 1998, "Với những gì còn lại", *Tiền Phong*, ngày 08.01.1998, Hà Nội, tr.6.

- Nguyễn Hoàng Sơn, 1997, "Lại thêm một người trong «Người người lớp lớp» ra đi", *Tiền Phong*, ngày 23.01.1997, Hà Nội.

- Nguyễn Hoàng Sơn, 1997, "Vĩnh biệt một nhà thơ", *Văn nghệ*, ngày 25.01.1997, Hà Nội.

- Nguyễn Khải, 1995, "Người vợ", *Diễn Đàn* số 37, Paris (đăng lại)

- Nguyễn Trọng Tạo, 1997, "Đối thoại với Trần Dần", *Cửa Việt* số 17, tháng 10.1992, Huế, tr. 70-72.

- Nguyễn Trọng Tạo, 1997, "Bao giờ anh trở lại", *Văn Nghệ*, ngày 25.10.1997, Hà Nội.

- Nguyễn Văn Ký, Boudarel Georges, 1997, *Hà Nội 1936-1996 du drapeau rouge au billet vert*, Autrement, Paris, tr. 131-142.

- Nhất Uyên, 1997, "Trần Dần, một mối tình chung thủy cho người yêu và cho thơ", *Bông Sen*, số 29 tháng 4.1997, Paris, tr. 8 ; *Thế Kỷ 21*, số 97, California, tr. 42-50.

- Phạm Thị Hoài, 1997, "Thủ lĩnh trong bóng tối", *Văn học*, số 136, California, tr.23-30.

- Phạm Xuân Nguyên, 1998, "Đề hình dung Trần Dần", đăng lại trên *Talawas* 2003.

- Phong Lê, 1998, "Trần Dần - cái nói bao giờ và ở đâu cũng hiểm", *Sông Hương*, số 112 tháng 6.1998, Huế.

- Thụy Khuê, 1998, "Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm", *Văn Học* số 27 tháng 4.1998, California.

- Thụy Khuê, 1997, "Hồ sơ Nhân Văn Giai Phẩm", *Tao Đàn* số 3.1997, Muenchen, tr.20-27.

- Trịnh Bích Thủy, 1998, "Đọc «Mùa sạch» nghĩ về «Người thơ lạ»", *Đại đoàn kết*, số 39 ngày 14.501998, Hà Nội.

- Vân Long, 1997, "Một chút về Trần Dần", *Văn Nghệ* ngày 25.1.1997, Hà Nội.

- Xuân Đài, 1997, "Nhà thơ Trần Dần đã qua đời", *Phụ Nữ* ngày 22.1.1997, Hà Nội.

Danh sách này ngược lại hẳn với nhận xét của Nguyễn Ly về "sự im lặng đối với Trần Dần" hay "Trần Dần bị từ khước vì văn cách". Nếu đó là do các «fan» của Trần Dần viết như Nguyễn Ly nhận định, thật bất ngờ vì Trần Dần có đông đúc các «fan» như thế. Hơn nữa, họ lại thuộc các thế hệ khác nhau, làm việc trong nhiều lĩnh vực, có quan điểm chính trị và thẩm mỹ nhiều khi không đồng nhất, sinh sống ở cả Việt Nam lẫn hải ngoại... Hy vọng Nguyễn Ly bình tĩnh hơn khi đọc lại những bài này, để thấy rằng không phải bài nào cũng ca ngợi Trần Dần theo cảm tính.

b. Vì lý do gì một người tự coi là «người đọc tầm thường» như Nguyễn Ly, trong bài viết của mình, nhắc đi nhắc lại là «không hiểu» Trần Dần? Nếu đã «không hiểu» thì không nên chê. Đã «tầm thường» thì không đủ trình độ thưởng thức cũng như nhận định, không thể thay mặt được người khác. Ở đây, từ "chúng tôi" mà Nguyễn Ly nhiều lần dùng là không có căn cứ.

Cách suy diễn của Nguyễn Ly thật phản khoa học. Nó theo logique sau: "tôi" (Nguyễn Ly) không hiểu nhà văn X, suy ra những người khác cũng không hiểu nhà văn X, kết luận nhà văn X không có giá trị gì.

Theo tôi, nếu Nguyễn Ly "không hiểu" Trần Dần, có lẽ Nguyễn Ly nên tự hỏi "khả năng đọc" của mình, chứ đừng nên đổ lỗi cho Trần Dần. Cũng có thể Nguyễn Ly nên tìm đọc các tác giả khác hợp với "khẩu vị" hơn?

c. Đề nghị Nguyễn Ly chứng minh các tác phẩm sau này của Trần Dần «*tuy hình thức có tân kỳ hơn*» nhưng cũng là sự lặp lại của *Nhất định thắng* và *Người người lớp lớp*. Cũng xin Nguyễn Ly chứng minh nhận định: thơ Trần Dần «*dễ bắt chước*». Thế nào là *dễ bắt chước* và *khó bắt chước*? Theo tôi, đây không thể coi là tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm nghệ thuật. Nguyễn Ly dạo thử một vòng Hà Nội sẽ thấy tranh Phái «*rôm*» treo đầy vỉa hè.

d. Trên cơ sở nào Nguyễn Ly lại yêu cầu các tác giả của Nhân văn - Giai phẩm phải là «*tám gương về tinh thần sáng tạo mạnh mẽ, khoáng đạt và tự do*»? Những tác giả ngoài phong trào này không cần có tinh thần sáng tạo đó? Trần Dần, ba mươi năm bị «*nằm chờ*», không được quyền xuất bản, không được tiếp xúc với độc giả, mà vẫn sáng tác được một chục tập thơ, năm tiểu thuyết, mấy chục «*sổ bụi*»... Dù không "cảm" hay không đủ trình độ hiểu được những cách tân của ông, thì cũng không thể phủ nhận tinh thần sáng tạo của ông.

e. Nguyễn Ly có thể đưa ra một vài ví dụ về một tác phẩm «*gây chấn động thẩm mỹ*»? Trần Dần từng phát biểu trước các đồng nghiệp ở Huế rằng ông chỉ sáng tác cho «*những người bằng vai*», cũng như ông không làm «*văn vần*» hay «*thơ quảng trường*». Thế nên, Nguyễn Ly và những ai hy vọng đọc Trần Dần để bị «*chấn động*» hay ngất xỉu, choáng váng hoặc bỏ ăn bỏ ngủ dĩ nhiên phải thất vọng. Xe cứu thương chỉ đậu trước cửa rạp chiếu phim kinh sợ hay hình sự gây chấn, chứ không cần có mặt ở những nơi trưng bày nghệ thuật. Trần Dần không bao giờ muốn làm «*tám bảng chỉ đường cho lớp hậu sinh*» như Nguyễn Ly mong muốn, ông nói: «*Tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến*».<sup>[1]</sup>

Đương thời, Tiểu Thuyết Mới cũng bị báo chí Pháp chỉ trích là xa rời hiện thực, thiên về kĩ thuật mà bỏ bê trách nhiệm của người cầm bút. Roland Barthes đã đáp lại như sau: «*Viết là nghệ thuật đặt ra những câu hỏi chứ không phải là trả lời hay giải quyết những câu hỏi đó...*». Theo ông, Tiểu Thuyết Mới thành công vì đã đặt ra được câu hỏi: «*Phải chăng các sự vật đều mang một ý nghĩa gì đó?*». Câu hỏi này có vẻ đơn giản, nhưng tính triết học của nó thật lớn: từ trước đến giờ văn học «*chưa bao giờ nghi ngờ ngữ nghĩa của các sự vật... của tất cả những gì xung quanh ta, một sự kiện cũng như một vật thể*».<sup>[2]</sup>

Một trong những cách tân của Trần Dần là đặt sự vật, sự việc bên ngoài những ngữ nghĩa thông thường để cuối cùng, cực đoan đến độ không cho chúng một ý nghĩa nào nữa. Như câu thơ bất hủ của ông: *Mưa rơi không cần phiên dịch*. Thơ ông trần trụi con chữ. Chỉ có chữ trong cuộc phiêu lưu bất tận.

Không có cuộc cách tân nào dễ hiểu. Càng táo bạo càng khó hiểu. Không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới, ít khi công chúng mang hoa ra đón tiếp các nhà cách tân. Nhưng cách tân là «*điều kiện sống còn*» của mọi nền nghệ thuật: «*mỗi thử nghiệm, nếu không làm xuất hiện những đỉnh cao, thật cao trong sáng tạo thì ít nhất nó cũng làm cánh đồng văn học nghệ thuật đa dạng hơn...*»<sup>[3]</sup> Tôi tin rằng các tác phẩm của Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng<sup>[4]</sup> đang được khám phá, sẽ được khám phá.

\*\*\*

Tôi rất thương cảm cho Nguyễn Ly phải một mình chống lại những cách tân trong nghệ thuật, của đồng đạo những cái tên quen biết, thuộc nhiều thế hệ và địa lý. Từ Marcel Duchamp (1887-1968) và Trần Dần (1926-1997), đến những người bên vực cái Mới: Phạm Thị Hoài, Dương Tường, Phong Lê, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Đoàn Cầm Thi... Nhưng vì mục đích xây dựng của tranh luận nghệ thuật mà tôi vẫn tiếp tục đề nghị Nguyễn Ly trả lời trực tiếp và đầy đủ các câu hỏi tôi đã đặt ra trong bài «*Cái chuông hay ái ương?*».

Sau đây là vấn đề cốt lõi mà tôi thấy cần trao đổi từ 2 bài viết tiếp theo của Nguyễn Ly.

Nguyễn Ly đã viết tiểu luận «*Anh xích-lô và Marcel Duchamp*» chỉ để đề ra một nguyên tắc tâm đắc: «*Nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết*».

Nguyên tắc của Nguyễn Ly không thể áp dụng được trong các xã hội tự do nơi mọi người đều có quyền phát kiến, nơi những tác phẩm cách tân như của Duchamp không thể bị cấm đoán, bằng cách này hay cách khác sẽ được công bố, bằng con đường hợp pháp. Nhưng ngược lại, nguyên tắc đó có hiệu lực rất mạnh ở những đất nước mà văn hoá nghệ thuật bắt buộc phải đi trong một đường lối đã vạch sẵn, tất cả những trào lưu không đi đúng đường lối này đều bị lên án, kiểm duyệt, cấm xuất bản, cấm triển lãm. Mọi tiếp xúc với công chúng của một tác phẩm «có vấn đề» như vậy đều bị chặn đứng nhằm vô hiệu hóa tác dụng của nó trong xã hội cũng như trong nghệ thuật.

Ta hãy xem nguyên tắc này được Nguyễn Ly áp dụng như thế nào trong phê bình và nhận định văn học?

Nguyễn Ly đã sử dụng giai thoại khi kể về “vụ Marcel Duchamp đem chiếc bồn tiểu ra triển lãm mỹ thuật”, nhưng lại đề nghị không dùng giai thoại và lịch sử khi nghiên cứu Trần Dần, để không phải nhắc lại “Nhân văn giai phẩm”, để thực hiện nguyên tắc: «Nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết».

Chưa hề đề nghị độc giả đọc một câu thơ của Trần Dần, Nguyễn Ly đã tự động kết luận «*thất vọng*» lắm, «*hẫng hụt*» lắm, «*hẫng hụt là bởi kỳ vọng*» lắm. Với các tác phẩm đầu tay của ông thì Nguyễn Ly lập tức giẫy nẩy: «*tôi thiết nghĩ không cần trở lại với những Nhất định thắng, Người người lớp lớp...vì những giá trị nghệ thuật ít ỏi của những tác phẩm này là điều khỏi cần chứng minh*».

Tôi cũng không dám chắc bản thân Nguyễn Ly đã đọc *Cổng tỉnh* của Trần Dần. Tác phẩm được gọi là *trường thiên tiểu thuyết* này tràn ngập những dần vật tâm lý của nhà thơ, khi ông «*kiểm điểm bản thân cùng một thời đại buồn rầu*», khi ông bị chia xẻ giữa thơ và cuộc đời, giữa bản thân và tập thể, giữa cái đẹp và thất vọng, giữa ký ức và dự vọng, giữa một địa điểm mà ông thổ lộ: «*còn xa kia là phố tôi sinh / có sương sớm mọc trên đèn muện*» và «*một đầu ô tím*» mà ở đó ông «*vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù*», giữa tiếng gọi của Cách mạng và những cuộc phiêu lưu còn xa hơn cả Cách mạng. Thế là mười chín tuổi, ông «*xách va li tìm đi thuê thủ địa cầu*». Không bình luận một từ nào của *Cổng tỉnh*, Nguyễn Ly gán ngay cho nó cái nhãn hiệu tác phẩm «*không xuất sắc*» của «*dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa*» mà người đọc nào cũng chán ngấy đến mức chỉ mới nghe thoáng từ xa đã vội vàng bỏ chạy. Chớp nhoáng, Nguyễn Ly giành cho *Cổng tỉnh* ba dòng kết tội: «*Đây là một tác phẩm không có gì phức tạp...Chúng ta còn điều gì để bàn thêm về «Cổng Tỉnh» nữa không?*»

Vâng, «*khỏi cần chứng minh*», «*chúng ta còn điều gì để bàn thêm...nữa không?*» chính là phương pháp đánh trống lảng của Nguyễn Ly: đừng nói nữa, để cho người ta quên đi Trần Dần, bởi vì «*nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết*»!

Bằng cách này hay cách khác, Nguyễn Ly đều vội vàng đưa ngay kết luận: ở chỗ này Trần Dần là con số không, ở chỗ khác Trần Dần cũng là con số không. Nguyễn Ly đã chọn *Mùa sạch* và *Jờ Joạcx* làm hai nạn nhân mà Nguyễn Ly tin rằng trình độ non nớt, yếu kém của đa phần người đọc Việt Nam sẽ nhanh gọn gạt chúng qua một bên. Nguyễn Ly cũng cố tình quên không giới thiệu với người đọc rằng hai tác phẩm này được viết cách đây 40 năm, sát niên đại với nhau, nhưng bằng hai bút pháp rất xa nhau. Rõ ràng đây là hai cuộc tìm kiếm nghệ thuật nghiêm túc mà Nguyễn Ly đã phủ nhận vô căn cứ. Tôi xin nêu ra đây cụ thể:

- *Mùa sạch* là bản biến tấu vô tận của những từ *Trong, Sạch, Sáng, Mùa*, mà trong đó chữ được tập hợp theo những trật tự kỳ lạ để tạo thành những câu thơ chưa bao giờ tồn tại trong văn học cũng như trong khẩu ngữ. Nguyễn Ly đánh trống lảng không hề phân tích văn bản *Mùa sạch*, dù chỉ một chữ, và chỉ tấn công những bài viết về tác phẩm này. Đọc xong bài của Nguyễn Ly, người đọc không hề hiểu thêm một chút nào về chính bản thân tập thơ. Văn phương pháp quen thuộc của Nguyễn Ly: cố tình giấu đi bản gốc, để chẳng ai có thể lấy được gì từ nó, bởi vì «*nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng nào hết*»!

Nguyễn Ly phê phán những cách so sánh văn học trong các bài viết khác, nhưng bản thân lại đưa ra một dẫn chứng nực cười: cách lập từ của *Mùa sạch* đến từ P.Soupault với những lặp lại «*Georgia*» ở cuối mỗi câu. Tôi xin hỏi Nguyễn Ly, chữ «*amen*» được nhắc lại sau mỗi câu

thánh kinh, vậy P.Soupault đã chẳng cách tân chút nào khi học cách lập từ này từ đạo Thiên Chúa?

Cũng ở phần viết này, Nguyễn Ly cố tình tạo bằng chứng giả. Trong số những bài viết đã công bố về *Mùa sạch* (trước khi Nguyễn Ly viết *Lại chuyện giai thoại và văn bản*), tôi là người duy nhất nhắc đến Nouveau roman, nhưng chưa bao giờ tôi kể tên A.Robbe-Grillet hay G.Perec để so sánh với *Mùa sạch*. Người đọc xem lại bài *«Cái chuông hay ái uông?»* của tôi sẽ rõ. Nguyễn Ly tự động bịa ra sự so sánh trên, rồi từ đó nhận định rằng nó *«quê quặt»* và *«vô lý»*. Tại sao Nguyễn Ly lại xuyên tạc bài viết của tôi? Có phải vì «bí» chứng cứ không?

- *Jờ Joạcx* là tiểu thuyết một nhân vật - *nhân vật chính vừa bất chính* -, với những thèm khát duy nhất: thèm khát nhục dục. Những thèm khát không dấu diếm như chính cái tên riêng *“thằng truồng”*. Những thèm khát vượt mọi qui tắc đạo đức và lý trí như bản thân hẳn tự định nghĩa: *“toàn thân tôi là một chiếc sinh thực khí rút thánh bỏ trí của tất cả nam nữ”*. Tác giả Tôn Nữ Quỳnh Hương cho rằng chữ *sẹo* được kết hợp với rất nhiều chữ khác để mất đi cái nghĩa *sẹo* thông thường. Tôi không phản đối lập luận của chị, nhưng e rằng nó khó có thể áp dụng được vào trường hợp các điệp từ khác. Ví dụ: *NỮ* được ghép với rất nhiều chữ, nó có thể mang nghĩa *nữ* vẫn có (*nữ đồng hồ đeo tay, nữ xe đạp, nữ may ô, khuy iếm nữ, nữ áo đi mưa, nữ gắng tay, capót nữ, jung cụ nữ buông jờ, gót nữ, váy nữ, nách áo nữ, màn mùng chần nữ, lược nữ, bẻ tấm nữ, ngón chân nữ, nữ tiếng khóc...*), nhưng cũng có thể gọi nghĩa mới hoặc chẳng có một nghĩa nào cả (*nữ điện thoại, nữ hành lang, li jượn nữ, nữ địa chỉ, jờ nữ, nữ ô tô, nữ garajờ, nữ hợp đồng, nữ biệt thự...*). Theo tôi, chữ *NỮ* được sử dụng nhiều lần trong những cụm từ khác nhau, khi một nghĩa, khi nhiều nghĩa, hay có lúc vô nghĩa nhưng mọi sự lặp lại của *NỮ* đều phản ánh một ám ảnh của nhân vật chính: ám ảnh nhục dục.

Tương tự, những phép biến hình của Trần Dần nơi câu nơi chữ đều có lý do riêng và không bao giờ là những *“biến dạng kí tự”* giản lược, dễ dãi mà Nguyễn Ly đã suy diễn: *«giờ xoạ»* hay *«sờ xoạ»*, rồi *«những giờ xoạ»* hay *«rờ rầm- rách xoạ»*.

Tôi xin gợi ý một chút. Ta có thể thấy rằng, người Hà Nội phát âm tiếng Việt có những chỗ không chính xác. Tất cả những từ bắt đầu bằng các phụ âm R, D, Gi (ví dụ: Rờ, Dờ, Giờ) đều được phát âm giống nhau trong một từ *«Jờ»* nhẹ nhàng. Trần Dần ghi lại cách phát âm ấy, một cách trung thành nhưng không ít hài hước, vào tác phẩm của ông. Ví dụ, *«rút ra»* đã được Trần Dần phát âm theo lối Hà Nội: *«jút ja»*, *«đọc»* trở thành *«jọc»*...

Những năm 60, 70, trí thức Hà Nội bắt đầu sính nói tiếng Nga. Để chế riếu họ, người Hà Nội bầy giờ hay thêm chữ X, chữ S vào cuối mỗi từ khi phát âm. *«Jờ Joạcx»* là một cách nhạo báng lại hàng ngũ trí thức mới thời Nga hoá. Nhân vật *«thằng truồng»* do vậy phải bỏ trốn vào *«vòng tròn»*, phải *«từ chức tiến sĩ. phó bác sĩ. sử ký. chân lí. thẩm mỹ. thi sĩ»*, những nhãn hiệu mới đem từ liên bang Xô Viết về.

Nguyễn Ly đã tốn nhiều giấy mực để lý giải nào *«cái diễn đạt»* nào *«cái được diễn đạt»*, cái nào thuộc cái nào, cái nào không dính được vào cái nào, cái nào đã được cách tân, cái nào còn đang nằm chờ. Tôi cứ hình dung thấy một Nguyễn Ly mò hôi chầy *«jòng jã»*, ngồi chép lại lý luận mỹ học Mác Lê-nin, ghép vào các *«thuật ngữ của Kant»* một cách vô tội vạ, để kết tội *Jờ Joạcx* đã không cách tân! Nguyễn Ly, sau khi đưa ra các lý lẽ mà bản thân cũng chỉ hiểu một cách rất mơ hồ, vẫn thấy thiếu tự tin đến nỗi phải “nép” sau lưng số đông “quần chúng”: *“Tôi không đánh giá cao những nỗ lực cách tân hình thức thơ của Trần Dần vì những tìm tòi khai phá ấy một phần là không đến nơi đến chốn, không tạo được những ảnh hưởng trong thi pháp của những người cầm bút đương thời”*. Các tác phẩm của Trần Dần chỉ được công bố rất gần đây, lại chưa đầy đủ (*Jờ Joạcx* và nhiều tập thơ khác chỉ được công chúng biết đến qua *Tiền Vệ* từ 5/2003). Làm sao có thể kết luận ông không tạo được ảnh hưởng? Và lại “ảnh hưởng” cũng chỉ là một tiêu chí hết sức tương đối: rất nhiều thế hệ thành viên hội nhà văn Việt Nam thuộc lòng thơ Tố Hữu, lấy ông làm tấm gương của sáng tạo. Vậy theo Nguyễn Ly, Tố Hữu có *“cách tân”* không, *“có chạm đến cốt tủy của thơ”* không?

Hãy xem lại cách Trần Dần gọi tên *Jờ Joạcx*, chúng ta sẽ thấy nó không có gì chung với những nhan đề thông thường của thơ ca chính thống Việt Nam những năm 1960-1970 cùng thời.



Dưới đây là những tác phẩm được coi là hàng đầu, được quần chúng đông đúc nhiều thế hệ làm bảo hiểm: *Đêm sao sáng, Người gác cầu, Vào mặt trận lúc mùa ve đang kêu, Chiếc đàn tình và tiếng hát người nghệ sĩ mù, Tôi muốn đến thăm khắp cả miền Nam, Hơi ẩm ổ rom, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Anh về thăm quê em, Bài ca quê hương, Bé Nguyệt làm thơ, Quê hương, Bài ca vỡ đất, Quê hương Việt Nam, Tiếng hát thì thầm, Tình ca ban mai...* Xin độc giả nhận diện hộ đầu là Nguyễn Bình, đầu là Xuân Diệu, đầu là Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Huy Cận, Vũ Cao...? Trong khung cảnh chung của nền *thơ ca quốc doanh* ở đó tính cá nhân bị thui chột hoàn toàn, tác giả của *Jờ Joạcx* phải tự tin đến như thế nào mới dám tạo ra cho mình một chữ ký riêng, một dòng thơ riêng, những nhân vật không giống ai như thằng *truông* - khiêu khích bằng cả cái tên riêng trở đi. Đó không phải là kết quả của «*mặc cảm*» như Nguyễn Ly tuyên bố! Nó càng không «*âm u, tăm tối, bệnh hoạn*» như Nguyễn Ly suy diễn! Câu thơ mini của Trần Dần «*mưa rơi không cần phiên dịch*» chính là để cười nhạo những bản «*phiên dịch*» kiểu Nguyễn Ly: hãy để các văn bản được sống yên ổn cuộc sống của nó, đừng suy diễn lung tung theo kiểu «*công nông binh*», đừng bóp méo hiện thực bằng những lý thuyết rơm, hãy học thiên nhiên thật kỹ trước khi muốn sáng tạo. Chưa hiểu *Mưa* là gì đã đòi làm ngay những *cơn mưa khác*! Chưa biết *Fountain* của Marcel Duchamp như thế nào đã vội vã cho ra đời *chiếc đĩa CD* của anh xích lô!

Để kết thúc bài này tôi đề nghị Nguyễn Ly trả lời câu hỏi: Tại sao Nguyễn Ly áp dụng nguyên tắc «*Nếu chẳng ai biết đến nó thì nó chẳng có chức năng gì hết*» khi nhận định các tác phẩm của Trần Dần? Phải chăng Nguyễn Ly muốn chôn thêm lần nữa nhân vật đã từng bị chôn sống một lần cũng bởi nguyên tắc đó?

## Nhật ký văn nghệ thời tuổi trẻ, Sài Gòn 1965 Viên Linh



Bìa một số báo Nghệ Thuật. (Hình: Viên Linh cung cấp)

Những trang nhật ký sau đây viết về thời gian nhà văn Thanh Nam (1931-1985) và tôi thay nhau làm tổng thư ký tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật, 1965-1966 [Chủ Nhiệm-Chủ Bút Mai Thảo]. Có lúc chúng tôi ở chung phòng 9C trên cao ốc Cửu Long đường Hai Bà Trưng – lúc viết mấy đoạn này nay không nhớ rõ là sau hay trước giai đoạn đó. Anh yêu Thanh Nga, vốn hiền lành nên anh được bà bầu gánh thân mẫu Thanh Nga để tự do ra vào hậu trường, anh thường kéo tôi đi theo.

Viết về nhà văn Thanh Nam người viết bài này có thể viết một cuốn sách dày, không phải chúng tôi đều sinh ra trong một tỉnh thành, cùng ở Hà Nội trước 1954, cùng làm chung mấy tờ báo ở Sài Gòn, cùng sống với nhau trong một chung cư khi cả hai còn độc thân, mà chúng tôi còn chung những ngày giữa đời vui buồn trong làng văn làng báo từ miền Nam tới hải ngoại, và Tháng Tư 1975 anh đi cùng tàu với tôi tới Guam hôm 3 Tháng Năm, 1975. Thanh Nam người Nam Định, tên khai sinh là Trần Đại Việt, mất tại Seattle vì bệnh ung thư cổ họng. Viết văn từ Hà Nội cùng nhóm Nguyễn Minh Lang, trước 1954 đã vào Nam, nhập tịch làng báo Sài Gòn, chuyên viết truyện dài từng kỳ.

## **22 giờ ngày 26 Tháng Chín, 1966**

Tôi mặc bộ đồ ngủ còn thơm mùi băng phiến, khóa cửa, đặt chân xuống lòng con ngõ vắng. Trời đêm nay như những đêm qua, lặng thình một miền ngoại ô xơ xác của Sài Gòn. Con ngõ ngủ, đèn đã tắt, đêm tối miên man. Tiệm tạp hóa gần nhất đã đóng cửa, chỉ còn vầng một ánh điện trong nhà. Tôi thong thả bước đi trong bóng tối, ngõ không một cột điện, thong thả hút từng hơi thuốc lá ngọt ngào. Đêm nay tôi muốn nhớ lại vài điều, viết lại vài điều, nghĩ lại vài điều. Vài điều thôi nhưng thật ra nhiều lắm, và không giản dị gì đâu. Tôi bước vào tiệm tạp hóa đầu ngõ mua mấy hộp quẹt và lại đi trở vào. Lần mãi mới tra được chìa khóa vào ổ. Đóng cửa, ngồi xuống trước chiếc bếp dầu hỏa Esso. Mồi lửa vào bắc, xách siêu ra sân sau múc một gáo nước mưa, đem vào đặt lên bếp. Tôi lách cách pha một ấm trà. Một người bạn lại chơi đêm trước đã kêu cậu có vẻ già rồi. Ừ, già rồi. Đã biết uống trà rồi đấy. Nói rồi cười cười vu vơ, nhưng thật tình đầu óc lảng đãng lắm. Pha trà, ngồi một mình trong căn nhà rộng, âm thầm ngó ra khoảng sân lộ thiên. Chuyền trà từ ly lớn sang tách nhỏ, nhìn soi xuống lớp nước vàng quánh trong cái ly sứ trắng ngà.

Đêm nay tôi muốn nhớ lại vài điều, vài điều thôi, nhưng đó là vài điều cần thiết: một năm đã qua, có gì không để nói. Hẳn nhiên để có, có cả một tập báo phải nhìn lại. Trước mặt tôi đây là 49 số Nghệ Thuật, 49 tuần lễ đã qua. Có, có nhiều lắm, những anh em đã tới đã đi, những người không quen trở thành bạn hữu, những bạn hữu trở thành xa lạ, những xa lạ đang phải tới gần. Đêm nay tôi muốn viết về tờ Nghệ Thuật, về một năm của tờ Nghệ Thuật này. Trước mắt tôi là tờ Nghệ Thuật số 1, là trang 27, bài Vô Đề của Thanh Nam. Tôi muốn lấy một câu mà Thanh Nam, nguyên tổng thư ký tờ báo này, đã dùng trong bài đó, bài đầu tiên anh viết cho số báo đầu tiên của năm thứ nhất, để viết bài báo hôm nay, bài đầu tiên cho số đầu tiên của năm thứ hai: “Nghệ Thuật, tuần báo của ai?”

Tôi còn nhớ như in rằng thường những ngày cuối Tháng Chín năm ngoái, dường như không ngày nào tôi không có mặt tại số 233 Phạm Ngũ Lão, trụ sở nhà in Thư Lâm Ấn Thư Quán của ông con rể nhà thơ Đông Hồ. Lúc ấy tôi chưa thường trực. Tôi cũng còn nhớ như in rằng mấy năm sau khi các tạp chí Sáng Tạo, Văn Nghệ, đóng cửa, tôi thường phàn nàn bức bối lắm. về sự thiếu một diễn đàn nghệ thuật đích thực. Những người viết trẻ như chúng tôi hồi ấy sau những dọ dẫm liều mạng bỗng bị ném vào một khoảng trống nhẽ ra không được có. Một chìm lìm khô hải, một chết đuối lảng nhách.

Bởi vậy khi nghe tin tờ Nghệ Thuật được giấy phép xuất bản, và có phương tiện góp mặt, tôi không nề hà một chút gì để tới đây làm việc. Tòa soạn bấy giờ kể như thừa tôi. Nhìn về mặt quản lý, tôi có cảm tưởng như thế. Cho tới bây giờ tôi cũng chẳng rõ cảm tưởng ấy có đúng không. Nhưng điều cần đối với tôi là được viết, được có chỗ viết, chỗ viết ấy phải là tờ Nghệ Thuật, mặc dù tôi đã chẳng hiểu mình nghĩ gì về câu hỏi Thanh Nam đặt ra trên tờ báo: “Nghệ Thuật, tuần báo của ai?”

## **0 giờ ngày 27 Tháng Chín, 1966**

Một đêm đi với Thanh Nam bàn chuyện làm một số báo đặc biệt về nghệ thuật trình diễn. Cải lương, tân nhạc cải cách, kịch, điện ảnh. Vào lối 10 giờ đêm tới rạp đoàn Thanh Minh Thanh Nga đang trình diễn. Đoàn Cải Lương Số 1 miền Nam đang trình diễn vở “Sơn Nữ Phà Ca” của Kiên Giang. Vào hậu trường. Những tấm phông lớn, những khung gỗ to, những khuôn mặt trát phấn tươi cười. Cái bắt tay đặc biệt của Việt Hùng. Tấm thân nhỏ nhắn của Thanh Nga (ngồi chèo khoeo trên giường, miệng nhai ngon lành). Sang đoàn Dạ Lý Hương tìm soạn giả Hoa Phượng, hẹn một buổi tối gấp để viết bài. Bạch Tuyết là một bất ngờ. Tự tử mấy lần, nét mặt lạnh thính. “Tuyết thích nghệ thuật mới lắm.” Cô nói... Thanh Nam bảo báo phải viết bài về cải lương mới lấy quảng cáo được. Báo Nghệ Thuật lại đang cần quảng cáo. Thì viết. Thực tình cũng thích cải lương (vở Nỗi Buồn Con Gái của Hà Triều Hoa Phượng. Vào rạp thấy được sống cái không khí khán giả thật sự, gần gũi (như cả gia đình đi xem, bà cháu, mẹ con – không khí không thấy ở rạp xi-nê). Những con mắt khán giả dán chặt vào diễn viên, vào sân khấu.

### **1 giờ trưa ngày 27 Tháng Chín, 1966**

Những cái bìa in offset đầy tên tác giả mà bài vở thì ít. Đuổi không kịp dự định của chính mình. Thế là không được. Nghệ Thuật, tuần báo của ai? Đi xin bài các anh Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Sa, Kiêm Minh. Nguyễn Mạnh Côn: Độ bao giờ anh cần? Vài ngày nữa. Vài ngày nữa đúng y có bài.

Kiêm Minh: Thứ năm đi. Thứ năm tới chưa viết được gì. Tuần sau đi. Tuần sau tới vẫn chưa viết được. Nguyễn Sa: Muốn cái gì nào? Cái gì cũng được. Thơ, truyện, biên khảo. Thế thì thơ đi. Được, nhưng phải cái gì nữa chứ? Thế thì biên khảo đi. Tốt quá rồi còn gì nữa. Anh định viết cái gì? Viết cái gì à? Viết về triết thì chán chết. Viết về thơ đi. Tôi đang viết cái “Nhìn rõ mặt thơ.” Mà dài lắm, tuần báo có đăng được không?

Đăng được mà. Thế rồi chỉ đăng mới có 4 kỳ, dài quá, tác giả thì rất hăng, chưa chịu thôi. Sẽ tiếp tục cái vụ đó.

Tại tòa soạn Nghệ Thuật. Đọc thư và bài của bạn đọc gửi về, điều thấy rõ nhất là chiến tranh, là những cuộc sống rời biệt. Chiến tranh ở đây không có tiếng nổ, trận đánh, không có hiện chiến, gia nhập, mà chỉ có những hình ảnh rời rạc của một ánh sáng. Đêm, tiếng vọng xa gần của trọng pháo. Chiến tranh cả ở thơ, ở văn nhất là ở những đoạn viết ngắn những tùy bút, những lá thư, những đoản văn: chiến tranh trong tâm sự. Điều được nói đến không rõ rệt, chỉ được gọi bằng những cái tên chung. Nhu buồn như chán, như vô lý, như dửng dưng. Ở cuối mỗi bài thường đưa đến một thái độ: như xác nhận hay hoài nghi, trong khi văn chương cần thiết một thái độ của nhà văn, dù bất cứ viết về cái gì. Nhiều sáng tác chỉ như một lá thư, một đoạn nhật ký có tính cách bày tỏ phân trần hơn là mô tả, trình bày trong một bố cục trong một bối cảnh, một đời sống. Tính chất u hoài bi cảm vẫn là tính chất dễ tìm thấy nhất. Chúng ta có thể cảm hoài một quá khứ, nhưng những điều được các cây bút trẻ nói đến lại là hiện tại.

Nhìn lại 49 số báo, tìm thấy những Cao Thoại Châu, Phạm Kiêu Tùng, Sơ Dạ Hương, Cung Tích Biền, Nguyễn Nhật Duật, có người còn chưa gặp mặt. Mở thêm một vài cánh cửa ngó nhìn đời, có thể đen có thể hồng, nhưng phải mở, mỗi lúc một đông mỗi lúc một nhiều. Khai phá thêm, dọn hoang thêm, tạo thêm một mảnh vườn, dựng thêm một mái ngói. Có thêm nhiều bạn hữu: Đinh Thành Lam, Nha Trang. Trần Kim Vũ, Đà Lạt. Nguyễn Kim Phượng, Đà Nẵng. Những ông giáo văn chương cầm bút sáng tác.

Một đoạn thơ trên tuần báo Nghệ Thuật:

### **Về Đà Nẵng thăm vợ sắp cưới**

*Đà Nẵng bây giờ trời nóng lắm  
không tìm đâu thấy một chỗ ngồi  
một lùm cây hay một quán nước  
không thấy gì không thấy gì hết trời*



*Đà Nẵng bây giờ buốt óc lắm  
tiếng phản lực lòng bùng bên tai  
giá sinh hoạt lên cao vùn vụt  
những con đường tình tự vắng hoe  
Đà Nẵng bây giờ nhiều thuốc lá lắm  
những thuốc thơm mang hiệu nước ngoài  
cả trẻ con cũng tập tành nhả khói  
sách vở rồi đem bán cho ai  
Đà Nẵng bây giờ và Đà Nẵng mai sau  
làm sao giữ được những gì đang mất  
làm sao cản được những gì đang còn  
ngoại trừ tình yêu và đồ nát.  
Cao Thoại Châu  
(Nghệ Thuật 33, Tháng Sáu, 1966)*

## Thanh Nam trong hoài niệm Văn Quang

Đây là bài thứ nhất tôi viết về Thanh Nam, một người bạn thân trong số vài người bạn thân của tôi từ xưa tới nay. Khi Thanh Nam mất ở Mỹ, tôi hoàn toàn không biết và dù có biết cũng chưa thể “nói gì” với nhau được khi VN còn “mù internet” và hoàn cảnh của tôi cũng chẳng dễ chịu chút nào.

Thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi năm. Ngày giỗ Thanh Nam lại đến. Tôi chỉ còn nhớ có một người bạn nào đó gửi cho tôi một bài và vài tấm hình về những ngày tháng cuối cùng của Thanh Nam, có các cháu Mai Hương, Quỳnh Giao... đến bên giường bệnh hát cho chú nghe lần cuối. Những chi tiết làm tôi cảm động. Bù lại nhớ lại khoảng thời gian dài chúng tôi sống và làm việc cùng nhau từ tòa soạn báo Điện Ảnh của anh Nguyễn Ngọc Linh rồi đến Kịch Ảnh của ông Quốc Phong đến tòa báo Chiến sĩ Cộng Hòa của Quân Đội. Nhưng nhiều kỷ niệm nhất vẫn là những ngày tháng Thanh Nam chưa lập gia đình. Hầu như mỗi buổi tối chúng tôi thường ngồi với nhau hoặc ở một quán cà phê, hoặc ở một quán ăn, hoặc ở một dancing nào đó, mà thường là Tự Do, Mỹ Phụng giữa Sài Gòn. Có Thanh Nam là có Mai Thảo, Hoài Bắc, đôi khi có cả các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ. Các ông này uống rượu tì tì, tôi thì không dám uống vì bệnh bao tử, nên chỉ ngồi ăn giỗ mồi. Có khi các ông ấy say khướt, người tỉnh nhất là tôi nên phải lái xe đưa các ông về từng nhà. Có lúc hứng, tan tầm ở tiệm nhảy Baccara đã là 3-4 giờ sáng, các ông ấy đòi đi Vũng Tàu - Đà Lạt cùng với mấy em ca-nhe nổi máu điên bắt tử, tôi cũng lại là người lái xe. Đúng là những anh tỉnh táo thường bị thiệt.

Từ ngày Thanh Nam lập gia đình với chị Túy Hồng, chàng có vẻ ngoan hơn và tôi cũng ít có dịp đi chơi với Thanh Nam. Chúng tôi vẫn cứ nói lên là chỉ có cô gái Huế mới làm chàng lãng tử dừng bước chân giang hồ. Một điều dễ nhận ra là Thanh Nam đã từng quen biết khá thân thiết với với ít nhất 3 người đẹp, toàn là danh ca, kể cả tân nhạc và cải lương, nổi tiếng ở Sài Gòn thời đó mà không một người nào giữ chân Thanh Nam được. Chỉ có Túy Hồng mới làm được việc này.

Tuy nhiên, trước khi kể về những ngày tháng đó, tôi phải xin lỗi chị Túy Hồng vì kỷ niệm nào “thời son trẻ” cũng không... qua ải mỹ nhân. Chính vì điều này nên tôi cứ ngần ngại mãi, định dành cho một dịp khác. Nhưng chị Lai Hồng và thêm chị Lê Thị Huệ chủ biên website gio-o cứ khuyến khích mãi, kể rằng chị Túy Hồng biết hết những chuyện đó rồi, chính chị ấy cũng viết về

những “người đẹp” mà Thanh Nam đã từng quen biết. Cứ viết đi, không sao đâu. Vậy nếu chị Túy Hồng có buồn thì nhớ buồn luôn cả những người đã “xúi” tôi đấy nhé. Thật tình tôi cũng mong có một lần được “sống lại” cùng một người bạn trên những dòng chữ này. Tuy nhiên, ở đây tôi chỉ xin nhắc lại một vài kỷ niệm nhỏ đủ để “góp giỡ” cùng bạn bè.

Thời Thanh Nam mới ra lò

Tôi quen biết Thanh Nam từ năm 1951 hay 1952 gì đó khi tôi từ Hải Phòng đi với Cường Phong lên Hà Nội. Tôi gặp Thanh Nam, Huy Quang, Phan Nghị, Nguyễn Minh Lang trong một khu hội chợ bên Hồ Gươm. Lúc đó các ông này làm thành một tổ phụ trách về công việc phát thanh trong hội chợ. Toàn những anh mới lớn mà đã được giao một nhiệm vụ khá quan trọng. Bởi dù sao thì những anh “nhóc mới lớn” này, mỗi anh đều đã từng có tiểu thuyết xuất bản hẳn hoi. Người lớn tuổi và nổi tiếng nhất thời đó vẫn là Nguyễn Minh Lang với những cuốn tiểu thuyết đầy vẻ “lãng đãng” như “cuộc đời một thiếu nữ”. N.M.Lang như cái đầu tàu. Sau đó là Thanh Nam, hai người như lá bài trùng, chỉ khác cái là Nguyễn Minh Lang đã có vợ con và còn có cả một người yêu mà anh thường tự phụ là “đệ nhất danh ca Bắc hà”. Sau này Nguyễn Minh Lang cũng điều đứng vì niềm tự hào ấy. Chỉ có Thanh Nam là vẫn nhớn nhoe ngoài vòng cương tỏa.

Băng đi một thời gian, tôi được động viên vào trường Thủ Đức, ra trường tôi ở Trường commandos Nha Trang rồi sau đó về làm ở ban Báo Chí cục Tâm lý chiến, tôi mới có dịp gặp Thanh Nam nhiều hơn.

Những nơi Thanh Nam sống và làm việc

Khi đó Thanh Nam làm việc ở Đài Phát Thanh Quân Đội với ông Vũ Quang Ninh và Huy Quang Vũ Đức Vinh cùng một lô các nghệ sĩ nổi tiếng như Đan Thọ, Anh Ngọc, Vũ Huyền, Nhật Bằng, Ngọc Bích, Xuân Tiên, Xuân Lôi... Công việc của anh là biên tập viên, có lẽ anh phải làm đầu bếp, “nấu nướng” đủ các móm hăm bà làng từ tin tức đến bình luận, phóng sự và hợp tác trong những chương trình ca nhạc đặc biệt. Ngoài ra trong chương trình phát thanh “Tao Đàn” trên đài phát thanh Sài Gòn, do cố thi sĩ Đinh Hùng phụ trách cũng có Thanh Nam.

Hồi đó ba chàng nghệ sĩ Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư thường thuê nhà ở chung. Có lẽ vì cả ba người đều không có gia đình cùng vào miền Nam. Từ ngõ Phan Văn Trị, đến con hẻm bên rạp Quốc Thanh và cuối cùng là building Cửu Long nằm trên đường Hai Bà Trưng. Cả ba ông nghệ sĩ nổi tiếng này chỉ có một căn phòng hẹp tẻo, chiều ngang chừng 2m, vừa đủ kê một chiếc giường cá nhân và một lối đi. Thường là các ông ấy chia phiên nhau, một anh nằm trên giường, hai anh nằm dưới sàn nhà. Mãi sau này Thanh Nam mới sắm được một cái tủ lạnh, trong chứa la de nhiều hơn đồ ăn.

Cuộc đời quân ngũ dính liền với nghiệp phóng viên

Thanh Nam vào quân đội theo diện “đồng hóa”, nói cho rõ hơn là không phải lính động viên mà là lính theo nhu cầu chuyên môn, được nhập ngũ theo khả năng phục vụ. Những văn nghệ sĩ có tiếng thường được nhập ngũ vào những phòng “tác động tinh thần” hay là phòng 5, sau này là Chiến tranh tâm lý. Cũng như các anh Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng Nhân), Phạm Văn Sơn, Nguyễn Mạnh Côn... Phục vụ một thời gian nhất định rồi giải ngũ.

Sau thời gian phục vụ ở Đài phát thanh Quân Đội, Thanh Nam được giải ngũ. Anh quay về với nghề làm báo. Cái số của tôi và Thanh Nam hay đi liền với nhau ở các tờ báo dân sự. Từ Truyện Phim, Kịch Ảnh, Tiếng Vang, Thời Thế đến những tờ báo của những ông chủ báo miền Nam như Tiếng Chuông, Phụ nữ Diễn Đàn... đều có mặt. Thời kỳ này, Thanh Nam vẫn ở building Cửu Long, nơi có khá nhiều nghệ sĩ, những nhà quay phim, phóng viên thuê phòng ở trọ bên cạnh phòng năm ba em cave ở Sài Gòn. Đã ở chung thường coi nhau như “người nhà” chứ không có những chuyện lộn xộn khác.

\*\*\*

## Phụ đính II : thơ Thanh Nam



### Đêm cuối năm uống rượu... *Tặng Ngọc Dũng*

Rượu mời ta rót cho ta  
Bạn gần không tới, bạn xa chưa về  
Rót nghiêng năm tháng vào ly  
Mắt nheo bóng xế, tay che tuổi buồn  
Rót đầy bằng giá cô đơn  
Rót thao thức nhớ, rót hờn giận quên  
Thôi, đừng. Thôi hãy nằm yên  
Ngủ ngoan đi nhé cơn điên thuở nào  
Cho ta với bóng cùng nhau  
Ngất ngư rót mãi tình vào cơn say  
Bốn mươi lăm tuổi rồi đây  
Lá xanh còn được bao ngày phù du?  
Rót đau thân thể mơ hồ  
Nửa khôn ngoan thức, nửa rò dại mê  
Ngó đời lẩn lóc vòng xe  
Rã rời xích chuyển ê chề bánh quay  
Ngó lui hun hút đêm dài  
Những xuân đã lánh những đời đã xa  
Rót thêm ly nữa mời ta  
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu...

Bốn mươi lăm tuổi rồi sao?  
Ngó gương xưa thấy tóc râu rối bù  
Trán hằn dăm lũng ưu tư  
Cuộc chơi trần thế chừng như mỗi mòn  
Sóng nhồi, thác đẩy, mưa tuôn  
Đời như cuối hạ, mộng còn đang xuân.

Bốn mươi lăm tuổi quay nhìn  
Cái trôi cùng với cái chìm đuổi theo

Tiếc gì trận gió thu reo  
Tóc xanh phơ phất chạy theo mộng vàng  
Hỡi ta, ngày xé năm tàn  
Rượu mời sao chẳng rót tràn đau thương  
Uống say mai sớm lên đường  
Đầu trường lại múa dăm đường võ quen  
Ru ta, này khúc ưu phiền:  
“Ngủ ngoan đi nhé, cơn điên thuở nào...”

Sài Gòn 1974

### Thơ xuân đất khách



Tờ lịch đầu năm rót hững hờ  
mới hay năm tháng đã thay mùa  
ra đi từ thuở làm ly khách  
sầu xứ hai xuân chẳng đợi chờ

Trôi dạt từ Đông sang cõi Bắc  
hành trình trơ một gánh ưu tư  
quê người nghĩ xót thân lưu lạc  
đất lạ đâu ngờ buổi viễn du !

Thức ngủ một mình trong túi nhục  
dậm dài chân mỗi bước bơ vơ  
giống như người lính vừa thua trận  
nằm giữa sa trường nát gió mưa

Khép mắt cố quên đời chiến sĩ  
làm thân cây cỏ gục ven bờ  
chợt nghe từ đáy hồn thương tích  
vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa

Ơi hỡi quê hương bè bạn cũ

những ai còn ai mất giữa sa mù  
mất nhau từ buổi tàn xuân đó  
không một tin nhà, một cánh thư !

Biên biệt thời gian mòn mỏi đợi  
rối bời tâm sự tuyết đan tờ  
một năm người có mười hai tháng  
ta trọn năm dài một tháng Tư !

Chấp nhận hai đời trong một kiếp  
đành theo giông bão phũ phàng đưa  
đầu thai lần nữa trên trần thế  
kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ !

Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt  
tập làm con trẻ nói ngu ngơ  
vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi  
thân phận không bằng đứa măng phu !

Canh bạc chưa chơi mà hết vốn  
cờ còn nước đánh phải đành thua  
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do !!!

Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ  
đứa nuôi cừu hận, đứa phong ba  
đứa nằm yên phận vui êm ấm  
đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa !

Mây nước có phen còn hội ngộ  
thâm tình viễn xứ lại như xa  
Xuân này đón tuổi gần năm chục  
đối bóng mình ta say với ta ...

Seattle 1977

### **Khúc ngâm trên đất tạm dung**

Uống say mai sớm bạn lên đường  
thân lại nương nhờ chốn viễn phương  
trăm hận nghìn đau còn sánh nổi  
tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương?

Ta như giông bão tan rồi hợp  
trôi dạt còn hơn sóng đại dương  
*"lận đận bên trời chung một lúa"*  
say càng chua xót, tỉnh càng thương!

Tháng năm xa mãi thời hoa mộng  
râu tóc thêm gần với tuyết sương

trên đất tạm dung, đời tạm trú,  
còn gì ngoài mối hận mệnh mang ...

Tuổi già ví tựa thân tơ mỏng  
cuộc sống trăm cơn gió bạo cuồng!  
Ơi bạn, ôi ta! Chiều đã xế  
phủ sinh thương mình ly rượu suông !

Uống đi! Uống cạn cơn cuồng nộ !  
rót hết cho nhau những bể bàng

Rót hết cho nhau những bể bàng  
những buồn cơn áo, nhục tha hương  
Bốn năm đã thấm trò dâu biển  
một cõi lưu đầy rộn nhiễu nhưong !

Ác mộng không rời người biệt xứ  
quê nhà còn ngút lửa kinh hoàng !  
Đi đâu hoặc có về đâu nữa  
cũng gái phong trần, trai gió sương ...

Thân ái nghìn trùng, ôi bạn hữu  
uống cùng ta nhé, rượu bị thương  
Ngục tù bỗng hiện qua màn lệ  
Đêm tối nào như thuở hỗn mang!

Dần chén, lòng đau, thương tích rợn  
gào lên da thịt xích xiềng vang  
Bàn tay bất lực che ngang mặt  
Người ơi ! Người ơi ! Sao đoạn trường !

Chim bỏ trời xanh đau cánh gãy  
ngựa lìa chiến địa nhớ yên cương  
Mượn men tửu hận làm phong vũ  
mơ thuở đầu xanh dựng tuổi vàng ...

Hãy uống cho say, trời sắp sáng  
mai này hai đứa đã hai phương  
Rồi đây hiu hắt thân bèo dạt  
trôi nổi quê người, ai nhớ thương ???

Seattle 1979

### **Bài hành tuổi bốn mươi**

Én nhận về nam, xuân rồi đây  
Chợt thêm ly rượu, chút mưa bay  
Gọi về trong đáy hồn lưu lạc  
Những bước chân xưa nhạt dấu giày  
Bạn cũ hay nương theo rét lạnh

Về đây cùng nhập một cơn say  
Uống ly thứ nhất mừng tao ngộ  
Cho tiếng cười lên vỡ tháng ngày

Vào cuộc hành hương tìm gặp nhau  
Cõi trời xanh ngắt tuổi thơ ngây  
Trong veo cặp mắt chưa vương bụi  
Chấn chiếu còn thơm ngát mộng trai  
Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ  
Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai  
Đồng tiền mừng tuổi ngày Nguyên Đán  
Canh bạc đời chưa lột trắng tay  
Dắm bầy lòng sông ôm biển cả  
Coi đời dưới mắt nhẹ không ai  
Cơn mê nhập cuộc sầu chưa bén  
Thân thể chưa đau cát bụi này  
Gió nổi mười phương trời buổi đó  
Vội ngày như tháng, lá như mây  
Lầu sương từng buổi đùa nhan sắc  
Giấc ngủ thêm khuya rộn tiếng hài

Chiều xuống đã nghe lòng rồn rã  
Gió lên hồn ngổ phổ vui mời  
Ca trường, hỷ viện, xuân như hạ  
Đời thả trôi vào nhịp phách lời  
Lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ  
Ly này xin cạn hết chua cay  
Mười lăm năm đó từ phiêu bạt  
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài  
Viết mượn đã bao thẳng mệt mỏi  
Sang giàu đếm được những ai đây ?  
Lưới đời chân đã bùn như vương  
Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay  
Cuộc chiến này chưa đắm bầy mạng  
Thôi thì ly rượu đó uống say  
Rót thêm ly nữa chào năm cũ  
Tuổi bốn mươi rồi, thương lắm thay .

Lặn đận lý nào theo trọn kiếp  
Tối tăm không lẽ mãi đêm dài ?  
Niềm thê nhi đó giờ an phận  
Nợ áo cơm này nặng trĩu vai  
Năm tháng sức trai mòn mỏi mãi  
Nụ xuân đời đã lánh tằm tay  
Vỡ tuồng nhạt nhẽo màn chưa hạ  
Vai kép hề kia vẫn riêu hoài  
Nhìn lại trời xuân vừa khép kín  
Thơ hồng, tuổi ngọc tiếc thương ai  
Nghiêng chai thêm một ly này nữa  
Trên vách sầu ta đối bóng gầy  
Chợt tiếng con thơ cười lạnh lớt

Nhìn con, lòng bỗng thấy xuân đầy  
Lại đây con nhỏ, con yêu dấu  
Bố uống cho con ly rượu này  
Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp  
Niềm vui hoa nở tháng năm dài  
Ngủ đi con hỡi, mai khôn lớn  
Đời sẽ bình yên không lửa gai  
Trong vát hồn con nguyên khối ngọc  
Lượng xuân đời chẳng khép vòng tay  
Nhìn con giây phút lòng tan biến  
Những chuyện ân thù, những đắng cay  
Tiếng bạc đời cha gieo đã lỡ  
Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai  
Trắng tay nhìn lại còn con đó  
Hy vọng đời cha mẹ kiếp này  
Tâm tối cảm phần cha đã chịu  
Cánh hồng con hẳn sẽ xa bay !  
Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc  
Cha ru con bằng hơi rượu say  
Cha ru con bằng lời thống khổ  
Trong nhục nhàn mê sáng đêm nay .

Chén choáng lòng khuya men đã ngấm  
Nghe ngoài đêm tối tiếng mưa rơi  
Vọng lời sao xác hồn năm tháng  
Chuyển nhịp mùa xanh lại đất trời  
Bất chước cổ nhân nâng chén rượu  
Mừng xuân thay áo mới cho đời  
Mười năm thêm một bài thơ nữa  
Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi

Sàigòn 1970

### **Mười năm**

Tặng Vũ Quang Ninh

Chớp mắt mười năm gặp lại nhau  
Ngậm ngùi tóc bạc ngó lòng đau  
Nụ cười như muốn tan thành lệ  
Trong mắt ân tình rộn biển dâu

### **Đêm cuối năm uống rượu một mình**

Rượu mời ta rót cho ta  
Bạn gần không tới bạn xa chưa về  
Rót nghiêng năm tháng vào ly  
Mắt nheo bóng xế tay che tuổi buồn  
Rót đầy băng giá cô đơn  
Rót thao thức nhớ, rót hờn giận quên



Thôi, đừng. Thôi hãy nằm yên  
Ngủ ngoan đi nhé cơn điên thuở nào  
Rót ta với bóng cùng nhau  
Ngất ngư rót mãi tỉnh vào cơn say  
Bốn mươi lăm tuổi rồi đây  
Lá xanh còn được bao ngày phù du ?  
Rót đau thân thể mơ hồ  
Nửa khôn ngoan thức, nửa rồ dại mê  
Ngó đời lẩn lóc vòng xe  
Rã rời xích chuyển, ê chề bánh xoay  
Ngó lui hun hút đêm dài  
Những xuân đã lánh, những đời đã xa  
Rót thêm ly nữa mời ta  
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu  
Bốn mươi lăm tuổi rồi sao ?  
Ngó gương xưa thấy tóc râu rối bù  
Trán hằn dăm lũng ưu tư  
Cuộc chơi phù thế chừng như mỗi mòn  
Sóng nhồi thác đẩy mưa tuôn  
Đời trôi hối hả mộng tròn lần khân  
Bốn mươi tư tuổi quay nhìn  
Cái trôi cùng với cái chìm đuổi theo  
Tiếc gì trận gió thu reo  
Tóc xanh phơ phất chạy theo mộng vàng  
Hỡi ta ngày xé năm tàn  
Rượu mời sao chẳng rót tràn xót thương  
Ngủ say, mai sớm lên đường  
Đầu trường lại múa dăm đường võ quen ...  
Ta ru ta khúc ưu phiền:  
“Ngủ ngoan đi nhé cơn điên thuở nào ...”

### **Phố cũ**

Nhận thư bè bạn từ quê nhà  
Dò đọc tên đường thấy xót xa  
Ồi, đã nghìn thu vào tịch mịch  
Những anh hùng cũ, mỹ nhân xưa!

### **Mai mốt**

Mai mốt em tôi về xứ Bắc  
Cách bao rừng núi cách bao sông  
Tôi nằm mộng thấy em cười khóc  
Lo ngại đời hoa bạc má hồng

Mai mốt con tàu say khói sóng  
Em về như một dáng hoa bay  
Tôi nhìn muôn dặm còn thương nhớ  
Theo dõi em đi trọn tháng ngày

Mai một con đường xa lạ quá  
Phố phường nào thấy bóng em qua  
Em đi tha thiết tình nhau lắm  
Trang giấy bằng sương mực chữa nhòa

Mai một em về thôn xóm cũ  
Con đường Kinh Bắc lá tre rơi  
Giữa trưa đường vắng em ngừng bước  
Nghiêng nón môi em sẽ hé cười

Mai một em sầu như dáng liễu  
Pháo hồng làm bạn với xe hoa  
Rưng rưng mắt lệ em thầm nói  
Thôi nhé, thôi rồi chuyện chúng ta

Mai một đời em vui hạnh phúc  
Bên chồng, bên một đứa con ngoan  
Rồi khi chiều xuống trăng lên ấy  
Giờ áo em ngồi lặng lẽ đan

Mai một em ơi em có nhớ  
Cuộc đời còn nhắc đến tên tôi  
Và em bình thản cười vợ vẫn  
Người ấy, chờ chi cưới vợ rồi

Mai một, thôi em về xứ Bắc  
Nói gì em đã của phương xa  
Cầu cho đôi mắt em trong mãi  
Và vẫn xanh màu như thuở xưa

Tôi vẫn chẳng buồn vì cách biệt  
Dù rằng còn gọi: cố nhân ơi  
Tôi không lưu luyến mùi son phấn  
Thôi nhé ! Em đi, hết, hết rồi !